

LƯỢC GIẢI KINH A DI ĐÀ

TỶ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

PL.2550 – DL. 2006

LƯỢC GIẢI KINH A DI ĐÀ



LƯỢC GIẢI KINH A DI ĐÀ

TỶ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

PL.2550-DL. 2006

TỶ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

- ❖ **Sinh năm 1968, tại Bến Tre.**
- ❖ **Xuất gia tu học tại Thiền Viện Thường Chiếu (1986 - 1994)**
- ❖ **Trụ trì Chùa Long Hương, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai từ 1994 đến nay.**
- ❖ **Ủy viên Ban Hoằng Pháp Trung Ương nhiệm kỳ 2012 – 2017; 2017 – 2022.**

Điện thoại: 0251 8600 258

Di động: 0911 258 258

Email: tykheo.thichtuehai@yahoo.com

Website: www.chualonghuong.org

www.quynguyen.org

www.quynguyen.com

LƯỢC GIẢI KINH A DI ĐÀ



SƠ LƯỢC TIỂU SỬ TỖ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

Thầy **Thích Tuệ Hải**, thế danh: **Đình Kim Nga**, sinh năm 1968 tại xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Thầy được sanh ra trong gia đình có 7 anh chị em, Thầy là người con út. Gia đình vốn là một điền chủ. Một điều rất lạ là mảnh đất nơi Thầy sanh ra là một nơi linh địa, trong thời chiến tranh những lúc bom đạn xảy ra thì mọi người ở khu vực gần đó đều chạy đến mảnh đất của nhà Thầy ẩn náu thì được an toàn, bom đạn không dội tới.

Có một biến cố xảy ra, người cha buông xuôi sự nghiệp nên gia đình lâm vào cảnh khó khăn. Hai người anh của Thầy thấu hiểu được thời thế vô thường nên phát tâm xuất gia; sau đó chị gái của Thầy cũng xuất gia.

Từ thuở ấu thơ Thầy vốn là một người con rất hiếu thảo với cha mẹ. Từ khi sáu tuổi Thầy đã biết nấu cơm, theo mẹ buôn bán, ... để phụ giúp gia đình. Tối về tận tụy thương yêu hầu hạ cha già, một lòng phụng sự theo ý muốn của cha mình; chưa từng có nửa ý niệm chống

trái. Thầy nói: “Thầy đã được dày công dạy dỗ từ thuở bé nên mới có ý chí kiên cường vượt qua những khó khăn thử thách trong cuộc sống cho đến ngày hôm nay”.

Còn Mẹ Thầy là một phụ nữ siêu tuyệt, nhân hoà và từ ái, ... Thầy cũng từng nói: “khắp thế gian này khó có người phụ nữ nào đức hạnh tuyệt vời như Mẹ của Thầy”. Một đời tận tụy hy sinh cho gia đình và sau này Bà đã xuất gia theo Phật.

Vốn là một người có thiện căn lớn với Phật Pháp, năm lên bảy tuổi lần đầu tiên được nhìn thấy hình tượng của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Thầy đã bị chấn động và đứng chết lặng trong trạng thái thiền định trước tượng Phật gần tám tiếng đồng hồ. Lúc đó Thầy thấy rõ tất cả mọi thứ diễn ra chung quanh mình, mọi người thấy vậy không ai dám làm động cho đến khi Thầy tự rời định.

Năm 1984 Thầy bị bệnh nặng nên nghiên cứu về phương pháp dưỡng sinh của Tiên sinh G.Ohsawa. Thầy chỉ ăn dưỡng sinh trong vòng 21 ngày là đạt tới cảnh giới số 7, là cảnh giới quân bình âm dương như Tiên sinh đã nói, khi đó tất cả tật bệnh đều biến mất. Thầy ở trạng thái thân tâm rộng lặng phúc lạc vô biên.

Khi mới vào đến lớp 10, có lần Thầy đi bộ đến trường, vừa đi vừa niệm Phật rơi vào cảnh giới tâm hoàn toàn rỗng lặng, chỉ còn câu niệm Phật hiện tiền và đi trong mưa khoảng 5km mà không bị ướt người và tập vở, cho đến khi ngồi vào lớp học trước sự ngỡ ngàng của bạn bè và thầy cô giáo thì lúc ấy Thầy mới hỏi lại là mình đã đi trong mưa mà không hề bị ướt.

Khoảng cuối lớp 10, một điều xảy ra là Thầy đang chạy xe đạp, vừa chạy vừa niệm Phật, lúc ấy chạy qua cây cầu khi bằng một cây tre bắc ngang qua kênh, sau khi qua cầu Thầy mới hồi phục ý thức lại, không biết mình chạy bằng cách nào mà qua được cây cầu khi ấy.

Năm 1985 lúc còn là học sinh khi nghe thầy giáo giảng đề tài “Vạn vật chuyển vận trong không gian” Thầy đã ngộ lý vô thường và nung nấu chí nguyện xuất gia. Mãi đến đầu năm 1986 Thầy đã từ giả cuộc sống đời thường đến Thiền Viện Thường Chiếu xin công quả tu học.

Đến ngày mùng 8/12/1986 nhằm ngày lễ Đức Phật thành đạo thì Thầy được chính thức xuất gia tại Thiền Viện Thường Chiếu. Hòa

Thượng Bản Sư là thượng Thanh hạ Từ cho pháp danh là Thích Tuệ Hải.

Sống trong Tăng đoàn được phân công tác là trồng rau cuốc đất, nhưng ý chí xuất trần mãnh liệt, quyết tâm phá vỡ sanh tử thể nhập chân lý. Trải qua nhiều ngày tháng, thao thức ngày càng mãnh liệt, cho đến một ngày khi nghe Hoà thượng Bản Sư giảng Trung Quán Luận đến câu: “Không thọ là Niết Bàn” thì Thầy liền rơi vào trạng thái rỗng lặng rõ biết thông thấu mọi việc, ở trong trạng thái này chết lặng như thể suốt hai giờ.

Năm 1994 được sự chỉ dạy của Ân Sư là Hòa Thượng Thượng Thanh hạ Từ cử Thầy về Trụ trì Chùa Long Hương, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cho đến ngày nay.

Ngoài việc hoằng pháp lợi sanh hoằng dương chánh Pháp của Đức Phật, Thầy còn là một vị lương y cứu giúp cho nhiều người bệnh hiểm nghèo, hướng dẫn mọi người theo phương pháp thực dưỡng G.Ohsawa. Với tâm nguyện mong muốn mọi người đều được ăn uống thực phẩm sạch để có sức khoẻ khang kiện, khai mở trí huệ, thấu hiểu trật tự thể vũ trụ, đạt được tự do vô biên, công bằng tuyệt đối và phúc lạc cùng tận.

Thầy đã giảng thuyết từ hệ thống Kinh điển Đại Thừa cho tới Nguyên Thủy Phật giáo, nói lên tính nhất quán của đạo Phật. Tâm nguyện lớn nhất của Thầy là gắn kết tất cả các tông phái của đạo Phật lại với nhau. Để mọi người tu theo đạo Phật cùng chung lý tưởng giác ngộ giải thoát. Cùng tu tập đúng với chánh Pháp của Đức Phật, cùng dìu dẫn nhau đồng đến đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.



LỜI GIỚI THIỆU

Thầy Tuệ Hải là hành giả tu Thiền và Thầy cũng đã tốt nghiệp khóa Giảng sư của Ban Hoằng pháp Trung Ương. Với tâm nguyện hiểu biết những tinh hoa của Phật Pháp, Thầy đã nỗ lực dành nhiều thì giờ cho việc tiếp cận, suy tư và thể nghiệm yếu nghĩa của Kinh điển. Sự an trú trí tuệ trong biển Phật Pháp đã cho Thầy cái nhìn tổng hợp và hài hòa, sâu sắc về các Pháp Phật dạy.

Quyển sách **Lược Giải Kinh A Di Đà** của Thầy Tuệ Hải biên soạn đã nói lên sự chung nhất của Phật Pháp, nói lên tất cả giáo Pháp của Phật, hay tất cả pháp môn tu hành đều được xây dựng trên nền tảng căn bản là Pháp Tứ Thánh Đế. Từ nền tảng chung nhất ấy, người đệ tử Phật mới dễ dàng thấu hiểu, hài hòa, cảm thông, chia sẻ, hỗ trợ cho nhau, tạo thành sức mạnh đạo lực giúp cho Phật Pháp tồn tại vững mạnh trên cuộc đời này.

Ngoài ra, mặc dù tu Thiền nhưng với cái nhìn chung nhất về Pháp Phật, Thầy Tuệ Hải đã có kiến giải sâu sắc về pháp môn Tịnh Độ, nhận thức đúng đắn đối với Pháp hành này.

Tôi hoan hỷ giới thiệu tác phẩm này, mong rằng đây sẽ là hành trang cho tác giả và những người hữu duyên thăng hoa trên con đường giải thoát giác ngộ và phục vụ lợi lạc cho nhiều người.

Mùa an cư, Phật lịch 2550 - 2006

Trưởng Lão Hòa Thượng THÍCH TRÍ QUẢNG

Phó Pháp Chủ Kiêm Giám Luật

Hội Đồng Chứng Minh GHPGVN

Trưởng ban Trị Sự GHPGVN TP.HCM

Viện Trưởng Học Viện Phật giáo Việt Nam

tại TP.HCM

Tổng Biên tập Báo Giác Ngộ.



MỤC LỤC

I. LỜI TỰA	9
II. LƯỢC GIẢI KINH A DI ĐÀ	14
1. Ý nghĩa tên Kinh A Di Đà	14
2. Kinh này dùng thật tướng làm thể.....	16
3. Tín, Hạnh và Nguyện.....	17
III. GIẢI NGHĨA CHÁNH VĂN KINH	
A DI ĐÀ	32
1. Lục chủng thành tựu	33
2. Ý nghĩa cõi phương Tây Cực Lạc	49
3. Cõi Cực Lạc không có tám khổ	67
4. Tịnh Độ được chia làm bốn cõi.....	72
5. Ý nghĩa cứu phẩm liên hoa	94
6. Ý nghĩa danh hiệu Phật A Di Đà.....	121
7. Chư Phật tán thán công đức của Đức Phật A Di Đà.....	146
8. Đức Phật khuyên chúng sanh phát nguyện sanh về cõi Phật A Di Đà	161
IV. KẾT LUẬN	171

I. LỜI TỰA

Tiểu Bản Di Đà là bản Kinh mà tất cả quý Thầy bên tông phái Tịnh Độ đều lấy làm thời khóa tụng hằng đêm hoặc ở nơi nào có người qua đời, quý Thầy cũng tụng Kinh này để cầu siêu.

Có một lần, tôi đi cùng với quý Thầy trong một dịp lễ cầu siêu tụng Kinh A Di Đà, chúng tôi tu Thiền không có nghiên cứu sâu về Tịnh Độ nhưng lần đó nghe quý Thầy tụng Kinh hay quá, thấy nghĩa lý của Kinh rất thâm sâu, nếu chúng ta tu không đủ cặp mắt chuyên môn thì chúng ta không thể soi thấu ý này.

Đồng thời từ thuở bé tôi đã có duyên lành với pháp môn Tịnh Độ. Khi mới vào đến lớp 10, có lần tôi đi bộ đến trường, vừa đi vừa niệm Phật rơi vào cảnh giới tâm hoàn toàn trống lặng, chỉ còn câu niệm Phật hiện tiền và đi trong mưa khoảng 5km mà không bị ướt người và tập vở, cho đến khi ngồi vào lớp học trước sự ngỡ ngàng của bạn bè và thầy cô giáo thì lúc ấy tôi mới hồi ức lại là mình đã đi trong mưa mà không hề bị ướt.

Duyên lành thứ 2 là khoảng cuối lớp 10, một điều xảy ra là tôi đang chạy xe đạp, vừa chạy vừa niệm Phật, lúc ấy chạy qua cây cầu khi bằng một cây tre bắc ngang qua kênh, sau khi qua cầu tôi mới hồi phục ý thức lại, không biết mình chạy bằng cách nào mà qua được cây cầu khi ấy.

Do những duyên đó nên tôi mới thấu hiểu sâu sắc pháp môn Tịnh Độ và muốn chia sẻ nghĩa lý sâu màu trong bản Kinh này.

Chúng tôi xuất thân từ Thiên Viện của Hòa Thượng thượng Thanh hạ Từ, mà bây giờ lại giảng Kinh Tịnh Độ, tôi nghĩ một số huynh đệ cũng như Phật tử sẽ có cái hiểu không hay về tôi. Nhưng riêng bản thân tôi thấy chúng ta là người tu Phật, dù xuất gia, dù tại gia, chúng ta đều là đệ tử của Đức Phật. Do đó chúng ta được quyền học và được quyền hiểu tất cả những bản Kinh do Đức Phật thuyết. Chúng ta đừng có đặt mình thuộc tông nào, bởi vì nếu có tông là sẽ có tướng, mà có tướng sẽ có chạm nhau. Chúng ta đừng khu biệt mình vào khung sáo nào thì trí tuệ chúng ta sẽ được mở thông không còn khiếm khuyết, không còn thiên lệch.

Điều chúng tôi xót xa là giữa các vị tu Thiên và các vị tu Tịnh Độ thường không chịu

tìm hiểu nhau. Do đó người tu Thiền nhìn người tu Tịnh Độ với cặp mắt không thông cảm lắm, ngược lại người tu Tịnh Độ nhìn người tu Thiền với cặp mắt cũng không thông cảm nhau, cái hố ngăn cách giữa hai bên mỗi ngày mỗi rộng mỗi sâu hơn.

Tôi không phải là người nổi tiếng, cũng không phải là người tu giỏi nhưng khi nhìn thực trạng đó, chúng tôi hơi xót dạ và có hoài bão làm sao trong đời sống còn lại của mình, mình làm được gì giữa tông phái này và tông phái kia được gần nhau. Chúng tôi nguyện sẽ là một hòn đất, một hạt cát nhỏ lấp đi cái hố thăm ngăn cách kia, để sự ngăn cách giữa hai tông phái bớt đi. Tuy lực mình không đủ nhưng chúng tôi hy vọng người tu Thiền sẽ nhìn người tu Tịnh Độ với cặp mắt trân trọng, thông cảm một tí và người tu Tịnh Độ cũng nhìn người tu Thiền có gì thông cảm nhau, bởi vì tất cả chúng ta đều là người con Phật.

Trong hệ thống Tịnh Độ có rất nhiều bản Kinh lớn như Thập Lục Quán, Đại Thừa Vô Lượng Thọ, v.v... Nhưng chúng tôi lại chọn Kinh A Di Đà vì hiện tại có rất nhiều người thuộc bản Kinh này vào mỗi thời công phu tối. Cái nhìn của chúng tôi về bản Kinh này cũng giống như Bát Nhã Tâm Kinh trong hệ thống

Bát Nhã vậy. Bản Bát Nhã Tâm Kinh tóm thâu những tinh hoa của toàn bộ Kinh Bát Nhã, thì Tiểu Bản A Di Đà đã tóm thâu toàn bộ tinh hoa của tất cả bản Kinh nói về pháp môn Tịnh Độ. Cũng như tóm thâu được tinh hoa của các hệ thống từ Nguyên Thủy Phật giáo cho đến Đại Thừa Phật giáo.

Do vậy, chúng ta chọn bản Kinh này để giảng, ý nghĩa rất thâm sâu, mà lời văn lại rất súc tích. Những ý tứ rất sâu sắc khiến cho người không chuyên môn không thể hiểu nổi.

Bản Kinh này từ xưa đã có những vị rất nổi tiếng từng sơ giải và cũng có rất nhiều vị Tổ sư của chúng ta đã nói. Ở đây chúng tôi chỉ giảng nói theo cái nhìn, cái biết của chúng tôi qua công phu tu tập của chính mình. Nguyên nhân sâu nhất khiến tôi hiểu về Tịnh Độ tông là lần nhập thất năm 1989 tại khu Thiền thất Thiền Viện Thường Chiếu. Đây là sự thật xảy ra. Sáng đó tự động khởi lên câu Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh cứ như vậy hoài suốt cả buổi sáng, mà tôi không thể dừng nó lại được, lúc đó tôi không còn sức cưỡng lại được, không cách nào cắt được câu Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh. Cho đến khoảng mười một giờ trưa, tôi cố tình chuyển câu đó sang câu Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni

Phật, thì câu sau này tuôn chảy suốt không dừng cho đến khoảng hai giờ chiều, cũng vẫn như vậy. Tôi không thể thay đổi được ý niệm trong đầu, vẫn Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật hoài.

Từ đó tôi thấu hiểu "nhất tâm bất loạn" của pháp môn Tịnh Độ và mình mới thấy một cách sâu sắc. Sau một giai đoạn công phu đến mức nhất tâm bất loạn, đi đứng nằm ngồi luôn niệm Nam Mô A Di Đà Phật không thể tạm ngừng được. Nhất tâm bất loạn nó thành một dòng suối cuộn mình đi, chứ mình không còn chủ động niệm A Di Đà Phật nữa. Đến đây nếu ai đủ thiện căn phước đức nhân duyên sẽ được diện kiến Đức Phật A Di Đà.

Ở phần sau, khi đi vào văn kinh, chúng tôi sẽ nói sâu sắc chỗ này hơn. Chúng tôi hy vọng rằng khoảng cách giữa Tịnh Độ và Thiên tông ngày càng gần nhau hơn, để người con Phật nhìn nhau với cặp mắt hết sức thiện cảm và tỏ thông nhau để thể hiện tính nhất quán của đạo Phật đem lại lợi lạc khắp chúng hữu tình, đó là điều phúc lạc của chúng ta.

Chùa Long Hương

Mùa an cư kiết hạ PL.2550 - DL.2006

Tỳ kheo Thích Tuệ Hải

II. LƯỢC GIẢI KINH A DI ĐÀ

1. Ý nghĩa tên Kinh A Di Đà.

Kinh A Di Đà có hai tên là Phật Thuyết A Di Đà Kinh và Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

Phật Thuyết A Di Đà Kinh nghĩa là Đức Phật Thích Ca thuyết về Kinh A Di Đà. Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh là tất cả Chư Phật ở mười phương đều hộ niệm bản Kinh này.

A Di Đà tiếng Phạn gọi là Amita, có nghĩa là Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ. Vô Lượng Quang là ánh sáng vô lượng vô biên chiếu khắp mười phương. Ví dụ mặt trời chiếu khắp nhân gian này nhưng dưới cái chậu úp thì chiếu không tới. Cũng như nhà này mặt trời chiếu không thấu vào trong, nhưng ánh sáng vô lượng kia không có chỗ tắt tối nào mà không chiếu tới. Vô lượng quang là ánh sáng không ngăn mé, không ranh giới, xuyên suốt không cái gì có thể ngăn che, khuất lấp được. Ánh sáng đó gọi là trí tuệ trừng lạng sáng suốt, tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch. Đây là

nói định tuệ đồng đẳng trong cảnh giới đạo Phật.

Vô Lượng Thọ là tuổi thọ vô lượng. Theo Đức Phật Thích Ca diễn tả, Đức Phật A Di Đà và những người sống trong cảnh giới Cực Lạc tuổi thọ không thể tính đếm được, cho nên gọi là Vô Lượng Thọ.

A Di Đà được gọi là Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ, tức là ánh sáng vô lượng và tuổi thọ vô lượng. Tuổi thọ vô lượng có nghĩa là bất sanh bất diệt, không còn bị sanh tử luân hồi. Chỉ riêng một nghĩa của chữ A Di Đà thôi thiết nghĩ chúng ta thấu tỏ được cũng không phải là điều đơn giản.

Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật muốn diễn tả Pháp Giới Tạng Thân và cảnh giới Tỳ Lô Giá Na, thì trong bản Kinh A Di Đà, tất cả những ngôn ngữ, những lý luận trong đó cũng muốn diễn tả cảnh giới đó. Để cho chúng ta hiểu rằng Kinh A Di Đà không phải nói thấp để cho những người bình thường có thể nghe hiểu được, mà người nào hiểu được cảnh giới Tỳ Lô Giá Na Phật thì người đó mới có thể hiểu nổi cảnh giới A Di Đà trong Tiểu Bản A Di Đà.

2. Kinh này dùng thật tướng làm thể.

Thể là lý luận của Kinh này, muốn nói lên thật tướng là cái gì rộng khắp mười phương pháp giới. Thật tướng đó không từng bị sanh diệt, không từng bị thay đổi bởi thời gian và không gian.

Kinh A Di Đà muốn nói có một cái thật nó luôn ẩn tàng trong con người của chúng ta, trong tất cả mọi sinh hoạt sống của mình. Nó luôn có với chúng sanh, nó vẫn lẳng lẳng hiển hiện nơi mắt làm cho thấy biết các hình sắc mà không hề bị dao động bởi hình sắc. Nó hiển hiện rõ ràng nơi tai hay rõ biết tất cả các âm thanh nhưng không hề dao động bởi âm thanh, tâm thức có sanh diệt nó vẫn hiện hữu. Nó có mặt ở nơi có và có mặt ở nơi không, nó có mặt ở mọi thời mọi lúc, nhưng nó không bị thay đổi bởi thời gian và không gian.

Bản Kinh này dựa nơi thật tướng đó đề mà nói. Thật tướng đó chính là vô tướng. Theo như chư Tổ chúng ta nói, vô tướng không từng bị sanh diệt, không phải vì không có tướng mà nó không sanh diệt, mà bản thể thật tướng đó từ ngàn xưa cho đến bây giờ nó chưa từng sanh, chưa từng diệt, chưa từng hư hoại, chưa từng bị lu mờ bởi thời gian và không gian. Dù tất cả

chúng sanh có bị sanh diệt trong tam giới, trong lục đạo luân hồi này, chúng ta đã từng thay đổi sắc thân nhiều đời nhiều kiếp nhưng nó vẫn rõ ràng, vẫn nguyên vẹn, vẫn tinh anh, sáng suốt, màu nhiệm như thế. Đó là thật tướng vô tướng.

3. Tín, Hạnh và Nguyện.

Tín nghĩa là tin. Hạnh là hành động, là công hạnh tu hành của mình. Nguyện là nguyện lực, là phát nguyện, là hoài bão, ước mơ, hoài vọng của chúng ta.

Tín: Chia làm sáu phần: tin tự, tin tha, tin nhân, tin quả, tin sự và tin lý. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy rằng: "*Niềm tin là mẹ sanh ra tất cả Chư Phật ba đời*". Bước đầu đi vào đạo Phật nếu chúng ta không có đủ niềm tin thì chúng ta không làm nên được điều gì. Ví dụ vào chùa mà chúng ta không tin có Phật, không tin có đầy đủ Tam Bảo có ở trần gian này thì chúng ta sẽ không quy y Tam Bảo. Vì vậy niềm tin là khởi nguồn gọi cho tất cả những công đức lành của chúng ta được sống dậy.

Tin tự là tự tin ở nơi mình. Chúng ta tin ở nơi mình có cái gì đó sáng suốt vô lượng và tuổi thọ vô lượng. Tin ở nơi mình có cái chân thật sáng suốt không bị sanh diệt bởi thời gian và không gian. Đức Phật Thích Ca nói nó có ở

nơi tất cả chúng sanh, vì vậy chúng ta phải nương vào lời dạy của Đức Phật để chúng ta tự tin nơi mình có cái bất sanh bất diệt đó gọi là tin tự.

Tất cả Chư Phật, chư vị Bồ Tát, chư vị Thánh chúng đã nương theo giáo lý của Đức Phật tu tập được giác ngộ giải thoát, thì chúng ta cũng tự tin rằng nếu chúng ta tu tập thì cũng được giác ngộ giải thoát như các Ngài. Chúng ta tin được khả năng của mình và những pháp môn tu tập, những giáo lý Đức Phật nói ra chúng ta hiểu. Các vị đã khó nhọc làm được thì dù chúng ta có gặp khó khăn trên bước đường công phu, chúng ta cũng tự tin rằng mình vượt qua được những chướng ngại. Chúng ta tự khẳng định với chính mình rằng, không có việc gì có thể làm chướng ngại con đường giác ngộ giải thoát của chính chúng ta. Có niềm tin đó để chúng ta vững vàng đi vào con đường tu tập giác ngộ giải thoát. Bất cứ người nào đi vào đạo giác ngộ giải thoát mà thiếu tự tin thì người đó tự chủ bại, tức là tự chọn lựa sự thất bại trên bước đường tu tập của mình. Dù chúng ta làm một việc gì, đều tự tin nó phải có ở nơi mình. Nếu chúng ta thiếu tự tin thì không đủ mãnh lực để vượt qua những khó khăn. Đức Phật đã nói: *"Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ*

thành ". Chúng ta phải tự tin rằng mình sẽ được thành Phật như lời thọ ký của Đức Phật.

Tin tha là mình tin đối tượng bên ngoài. Chúng ta tin ở cõi Ta Bà này có Đức Phật là bậc giác ngộ giải thoát. Đức Phật Thích Ca theo Kinh diễn tả, Ngài có tướng lưỡi rộng dài, là do nhiều đời nhiều kiếp Ngài nói lời chân thật, không hư vọng. Do đó, Đức Phật thuyết bản Kinh A Di Đà này là sự thật, là bản Kinh có thật, chúng ta phải tin.

Theo Kinh diễn tả nếu một người tinh tấn niệm A Di Đà Phật, khi lâm chung sẽ được Đức Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng rước đến cõi Cực Lạc. Chúng ta phải tin, ở phần sau sẽ biết chúng ta tin như thế nào, nhưng bây giờ chúng ta tin tha có nghĩa chúng ta tin điều đó.

Người nào niệm A Di Đà Phật sẽ được mười phương Chư Phật hộ niệm. Chúng ta phải tin điều này. Vì niệm A Di Đà Phật có nghĩa là nhớ nghĩ ánh sáng trí tuệ vô lượng của mình. Ánh sáng trí tuệ đó không bị nhiễm như bởi trần cảnh. Ánh sáng trí tuệ có ở đâu thì nơi đó xóa tan mọi vương mắc và tất cả nỗi khổ đau.

Chúng ta thấy mọi vật, nếu chúng ta nhớ ánh sáng vô lượng đang chiếu soi, thì mắt chúng ta không dính cảnh sắc được, gọi là lúc

đó chúng ta đang niệm A Di Đà Phật. Tại chúng ta đang nghe tiếng mà với ánh sáng vô lượng kia đang chiếu soi, thì chúng ta không dính mắc theo trần được. Ánh sáng đó thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ mà không bị vướng mắc trên duyên cảnh, đó là ánh sáng vô lượng của Đức Phật A Di Đà. Khi chúng ta niệm A Di Đà Phật nghĩa là niệm sự sáng suốt thanh tịnh, mà sự sáng suốt thanh tịnh đó là cái đồng đẳng của mười phương Chư Phật hiện có. Do đó, mười phương Chư Phật đều hộ niệm chúng ta. Điều này chúng ta phải tin.

Tất cả Chư Phật khi hòa nhập vào ánh sáng vô lượng đó đồng đẳng như nhau, nếu chúng ta nương tựa, quay về sống bằng ánh sáng vô lượng đó thì được mười phương Chư Phật hộ niệm và gìn giữ, điều này chúng ta phải tin. Tin tha có nghĩa chúng ta tin rằng lời Đức Phật Thích Ca nói trong Kinh là sự thật. Chúng ta tin có cảnh giới Cực Lạc là nơi hoàn toàn lặng dứt tất cả những khổ đau là sự thật. Chúng ta tin rằng khi quay trở lại với ánh sáng vô lượng tức là chúng ta niệm A Di Đà Phật thì sẽ được mười phương Chư Phật hộ niệm, là sự thật.

Tin nhân và tin quả: Ở đây chúng tôi không nói nhân quả thường tình như từ trước tới giờ, mà nói nhân quả theo tinh thần của Kinh Tịnh Độ. Nhân là nguyên nhân, là khởi điểm bắt đầu tu tập. Tin quả là kết quả của công phu tu tập đó. Tin nhân có hai dạng là định tâm nhân và loạn tâm nhân.

Định tâm nhân nghĩa là chúng ta bắt đầu khởi nhân không vọng niệm mà đi vào công phu tu tập. Tức là lúc chúng ta dụng công, theo Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật nói là: “*Chọn nhân vô sanh sẽ có quả vô sanh, chọn nhân sanh tử sẽ dẫn tới kết quả sanh tử*”. Có nghĩa nhân loạn động sẽ dẫn đến quả loạn động và nhân định sẽ dẫn đến quả định. Từ cái khởi đầu dụng công bằng tâm thanh tịnh, sáng suốt, rõ soi, không vọng niệm nào, gọi là chúng ta niệm A Di Đà bằng tâm định đó thì sẽ dẫn đến kết quả được an lạc giải thoát. Còn nếu niệm Nam Mô A Di Đà Phật bằng cái khởi niệm để động tâm thì cũng sẽ được sanh về cảnh giới đó nhưng ở dạng khác.

Người loạn tâm niệm Phật sẽ được sanh về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc nhưng ở tầng thấp khác. Người định tâm niệm, quay trở về niệm A Di Đà Phật bằng cái thanh tịnh sáng

suốt liên tục kia thì chúng ta sẽ được sống trong cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà ở phẩm Thượng Phẩm Thượng Sanh trong chín phẩm Tịnh Độ. Chúng ta tin khi khởi nhân quay về với cái sáng suốt thanh tịnh chúng ta sẽ được hòa nhập vào cảnh giới thanh tịnh sáng suốt của Chư Phật, là cảnh giới rộng lặng thanh tịnh sáng suốt hằng chiếu soi. Còn khởi niệm A Di Đà Phật để dụng công bằng loạn tâm, thì chúng ta cũng được sanh về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc nhưng ở tầng thấp hơn, ngang Trung Phẩm Thượng Sanh, Trung Phẩm Trung Sanh trở xuống. Chúng ta tin rằng nhân vô sanh đạt đến cảnh giới vô sanh và nhân loạn động sẽ đạt đến cảnh giới loạn động.

Người tu theo pháp môn Tịnh Độ buộc phải có lòng tin này. Khi một người nhận được A Di Đà là ánh sáng vô lượng và tuổi thọ vô lượng, thì bắt đầu hòa nhập vào đó để tiếp tục gìn giữ, gọi là công phu, là thường niệm A Di Đà trong từng sát na, không được quyền rời, không được quyền ngăn, không được quyền gián đoạn. Có nghĩa chúng ta luôn sống với ánh sáng vô lượng, không rời được ánh sáng vô lượng để mà sống. Ánh sáng vô lượng rộng lặng tịch chiếu kia, chúng ta luôn gìn giữ, luôn ôm ấp, luôn nhớ nghĩ trong từng sát na, trong

từng hành động sống của chúng ta, gọi là định không có loạn, còn khởi niệm là nhân quả động.

Tin sự: Đức Phật giới thiệu cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà, trong đó, đất làm bằng vàng ròng, có những hàng cây báu, hàng lưới báu, suối nước chảy bằng pha lê, có những tiếng chim luôn hát ca vang. Tiếng chim hát đều vang lên Ba Mười Bảy Phẩm Trợ Đạo, để cho người sống trong cảnh giới Cực Lạc nghe, hiểu được lý Tứ Đế và tu tập đạt được giác ngộ giải thoát.

Tin sự là chúng ta tin có điều đó xảy ra, tức là có cảnh giới Cực Lạc thực sự, và nơi đó chúng sanh không bao giờ bị khổ nữa. Không còn một chút mầm móng khổ đau xảy ra với bất cứ chúng dân nào trên cảnh giới đó. Đó là sự thật theo lời Đức Phật Thích Ca nói trong Kinh A Di Đà.

Tin lý: Về mặt lý luận người đó như thế nào mới hết khổ? Người mà trong lòng họ còn tham, sân, si thì chắc chắn còn đau khổ. Cảnh giới Cực Lạc của Đức A Di Đà là cảnh giới gì mà làm cho chúng sanh rớt vào là không khổ? Là cảnh giới phải triệt hẳn tham sân si, phải dứt bật mười nghiệp ác. Trong Kinh Đức Phật nói:

“Ở Phương Tây, cách đây mười muôn ức cõi Phật có cảnh giới Cực Lạc gọi là A Di Đà”. Vì thế, phải hiểu cách đây mười muôn ức cõi là người đó phải vượt qua mười nghiệp ác của mình mới tới cảnh giới Cực Lạc A Di Đà. Khi một người hết mười nghiệp ác thì khổ đau không còn nữa. Khổ đau hết thì hiện tiền cảnh giới an lạc. Vì Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, không chừa chỗ nào thì chỗ này vẫn luôn hằng hữu cảnh giới Cực Lạc A Di Đà tại đây. Chúng ta phải vượt qua cảnh giới A Di Đà bằng cách nào? Nếu tin lý thì chúng ta tin rằng người đặt chân tới cảnh giới Cực Lạc A Di Đà thì tiêu chuẩn như thế nào? Về mặt lý luận trong bản Kinh A Di Đà Đức Phật muốn nói đến chỗ tốt cùng không còn mầm mống của khổ đau, tức là nói tới Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang. Người tin lý là tin có sự thật bất sanh bất diệt, có sự thật sáng suốt màu nhiệm kia.

Như vậy đối với một người có niềm tin ban đầu đi vào pháp môn Tịnh Độ buộc phải có đủ sáu niềm tin này mới được coi là đủ lòng tin. Vậy hãy nghĩ xem pháp tu Tịnh Độ có dễ không?

Hạnh: Nghĩa là công hạnh tu hành kể từ ngày chúng ta muốn tu tập một pháp môn nào, thì từ ngày đó cho tới hết đời của chúng ta, cho tới đời đời kiếp kiếp trở về sau, khi chưa được giác ngộ giải thoát thì chúng ta chưa dừng công phu. Dù trải qua bất cứ khó khăn ngăn trở nào, chúng ta cũng phải vượt qua để gìn giữ pháp môn tu tập của mình. Không được quyền ngăn cách công phu, dù xảy ra chuyện gì, dù chúng ta ở địa vị nào, dù hoàn cảnh xảy ra như thế nào, chúng ta cũng phải sống chết với công phu đó trong đi đứng nằm ngồi, trong mọi thời mọi lúc, gọi đó là hạnh cần.

Tức là phải chuyên cần, phải vượt khó dù khó cỡ nào, dù trong hoàn cảnh nào thì chúng ta cũng phải miệt mài trong công phu. Nếu tu theo pháp môn Tịnh Độ, niệm A Di Đà Phật, thì đi đứng nằm ngồi người đó cứ luôn A Di Đà Phật trong lòng, không được quyền rời. A Di Đà Phật không được quyền vắng bóng trong tâm người đó gọi là hạnh cần. Phải chuyên cần cả ngày lẫn đêm như vậy cho tới khi nào hoa khai kiến Phật, phải nhận được và sống được với Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang thì lúc đó mới thôi.

Nguyện "Tin sâu, nguyện thiết, hạnh cần" đó là căn bản của người tu Tịnh Độ. Người tu Tịnh Độ là phải biết tin cho thật sâu, nguyện phải thiết tha và hạnh là phải chuyên cần. Từng giờ từng phút từng giây trong cuộc sống này, chúng ta luôn có tâm nguyện được sanh về cảnh giới Cực Lạc của Phật A Di Đà. Khi làm bất cứ hành động thiện nào chúng ta đều phải hướng tâm về cảnh giới Cực Lạc của Phật A Di Đà để phát nguyện và hồi hướng. Chúng ta phải có nguyện sâu thẳm rằng: con nguyện đời đời kiếp kiếp con sẽ làm tất cả những gì cần thiết để con được sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà. Đó là nguyện thiết.

Trong mười hiệu của Đức Phật: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thiện Thệ là cái thệ nguyện dứt khoát tu tập để thành Phật, không dừng lại nửa chừng. Thệ rằng chúng ta tu tập để vượt thoát khỏi sanh tử luân hồi, bước ra ngoài tam giới để không còn bị khổ đau trong sanh tử nữa. Chúng ta phải nguyện thật sâu sắc, thật dũng mãnh, thật mãnh liệt, để nguyện trở thành mãnh lực thúc đẩy chúng ta đi trên con đường giác ngộ giải thoát.

Trong Tịnh Độ, có câu: “*Nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung. Cứu Phẩm Liên Hoa vi phụ mẫu. Hoa khai kiến Phật ngộ Vô sanh. Bất thối Bồ Tát vi bạn lữ*”.

“*Nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung*”. Tịnh Độ trung là cảnh giới Tịnh Độ trong tâm chúng ta. Chúng ta nguyện làm sao phải sanh được trong cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, cảnh giới không còn khổ đau, vắng bóng tham sân si, vắng bóng tất cả phiền não, để chúng ta hoàn toàn an lạc, hạnh phúc.

“*Cứu Phẩm Liên Hoa vi phụ mẫu*” tức là chín phẩm hoa sen, từ Thượng Phẩm Thượng Sanh cho đến Hạ Phẩm Hạ Sanh là cha mẹ mình. Trong Kinh diễn tả rằng nếu chúng ta tinh cần niệm Phật và hồi hướng về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, khi qua đời sẽ được ở trong hoa sen đó, được Đức Phật rước về Tây Phương Cực Lạc. Và tùy theo công phu tu hành của mình mà trải qua thời gian bao lâu thì hoa sen sẽ nở, tức là mình được sanh ra, hoa sen trở thành cha mẹ mình. Vì thế, người tu Tịnh Độ nguyện được hoa sen sinh ra mình, chứ không phải là cha mẹ phàm trần.

“*Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh*”. Khi hoa nở, chúng ta liền thấy Phật A Di Đà và ngộ được Vô sanh. A Di Đà là Vô Lượng Quang. Vô sanh nghĩa là không còn sanh diệt nữa, tức là Vô Lượng Thọ. Khi hoa nở, chúng ta nhận được Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ của chính mình.

“*Bất thối Bồ Tát vi bạn lữ*”. Nghĩa là chúng ta cùng các vị Bồ Tát bất thối như ngài Văn Thù, ngài Phổ Hiền, ngài Quán Âm, ngài Thế Chí, v.v... làm bạn với nhau. Như vậy gọi là tin sâu nguyện thiết, lấy đây làm nền tảng tu hành. Khi nào đạt đến đó chúng ta mới dừng, mới thỏa nguyện.

Nguyện ước này bất cứ ai cũng phải có, tương đồng với Dục Như Ý Túc trong Tứ Diệu Đế, là một sự mong muốn thiết tha. Ở đây chúng ta lập nguyện đó, nếu đời này chưa được, thì đời đời kiếp kiếp nó sẽ sống dậy trong chúng ta. Nếu lập nguyện sâu rồi, thì nó sẽ là nền tảng động lực thúc đẩy chúng ta đi trên bước đường giác ngộ giải thoát, không có bất cứ một lý do nào có thể dừng lại được.

Cũng nhờ nguyện lực mà Đức Phật Thích Ca đã vượt qua tất cả những vị ngoại đạo, Ngài mới tu chứng được quả Vô Thượng Chánh

Đẳng Chánh Giác. Nếu như Đức Phật không có nguyện lực lớn, thì khi học với những vị ngoại đạo, tu chứng được Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên ngang tầm với vị thầy, ông Uất Đà Lam Phát muốn giữ Ngài ở lại với Ông với đề nghị sẽ chia một nửa đồ chúng là năm trăm vị để Ngài giáo hóa. Đức Thích Ca nhận thấy đó không phải là điều mà Ngài mong muốn. Khi thoát khỏi hoàng cung với hoài bão làm sao tìm được chân lý giác ngộ giải thoát, để cho tất cả chúng sanh không còn bị sanh tử luân hồi. Tìm cho được cái gì không bị sanh không bị diệt, thấy rõ ràng tất cả chúng sanh từ đâu sanh ra và sau khi chết chúng sanh đi về đâu. Do đó khi chưa đạt được mong muốn hoài vọng của mình thì Ngài chưa chịu dừng.

Cho nên người Phật tử chúng ta bắt đầu tu Phật là phải lập nguyện, nếu chúng ta không lập nguyện vững thì nền tảng tu tập chúng ta bị lay đổ. Nguyện này nó giống như nền móng để chuẩn bị xây dựng căn nhà giác ngộ giải thoát của mình. Đây là điều hết sức căn bản. Chúng ta học điều này để củng cố lại nền tảng tu tập của chúng ta. Người nào mà thiếu nguyện lực dứt khoát sẽ chùn bước trước những khó khăn trở ngại trên lộ trình đạt đến cứu cánh giác ngộ giải thoát.

Như vậy, lòng tin, nguyện và hạnh của chúng ta là ba nền tảng căn bản giống như chiếc đánh phải có ba chân, nếu thiếu một chân là nó sẽ không đứng vững. Người tu Tịnh Độ nói riêng và người tu Phật nói chung phải có nền tảng này. Phải có tín, hạnh và nguyện đầy đủ mới có thể bước vững chắc trên bước đường giác ngộ giải thoát của chính mình, nếu không thì chúng ta sẽ bị lay đổ.

Trong hệ thống Kinh điển Đại Thừa, chúng ta nhận thấy bắt đầu xuất hiện hạnh nguyện và vị trí của các vị Bồ Tát, danh từ Bồ Tát mới bắt đầu có, còn hệ thống Kinh Nguyên Thủy thì chúng ta không gặp. Cho nên những bản Kinh nào đọc trong đó chúng ta thấy đầu Kinh giới thiệu chư vị Bồ Tát thì biết rằng đó là hệ thống Kinh Đại Thừa. Mà hệ thống Kinh Đại Thừa là gần như hệ thống Kinh đốn giáo, có nghĩa Kinh điển đó nói lên tinh thần chư vị đại Bồ Tát là những vị đã giác ngộ Phật đạo, luôn làm lợi lạc quần sanh.

Kinh điển Đại Thừa thường nói đến lý tánh tuyệt đối, tất cả pháp giới chỉ có một chân lý duy nhất mà thôi. Vì vậy bắt đầu đọc Kinh điển Đại Thừa, chúng ta phải hiểu một điều là toàn pháp giới chỉ có một chân lý trùm khắp. Nói đây để chúng ta hiểu rằng, dù ở cảnh giới

nào của Chư Phật nào hay ở cõi nào cũng nằm trong pháp giới. Ví dụ, chúng ta học cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà thì nó cũng nằm trong pháp giới toàn chân. Khi nói tới pháp giới toàn chân, cả pháp giới này chỉ là một, chỉ có một chân lý duy nhất mà thôi, không có cái thứ hai. Đó là tinh thần Kinh điển Đại Thừa. Như trong Kinh Pháp Hoa, Đức Phật nói: *"chỉ có một Phật thừa, không có thừa nào khác"*, thì khi học Tiểu Bản Di Đà, chúng ta cũng phải nhận hiểu một phần ý trong Kinh này cũng muốn nói lên điều đó, không phải điều khác.

III. GIẢI NGHĨA CHÁNH VĂN KINH A DI ĐÀ

NAM MÔ LIÊN TRÌ HẢI HỘI PHẬT BỒ TÁT PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ KINH

VĂN KINH

Ta nghe như vậy, một thuở nọ Đức Phật ngự tại thành Xá Vệ nơi rừng cây của Thái tử Kỳ Đà và vườn của ông Cấp Cô Độc, cùng với một nghìn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ kheo câu hội, đều là những bậc đại A La Hán.

Trước khi tụng Kinh A Di Đà, chúng ta thường niệm Nam Mô Liên Trì hải hội Phật Bồ Tát. Nam mô là quy y, quy mạng, cung kính, hoặc có nghĩa là cứu ngã, cứu độ, lễ bái, v.v... Nam Mô Liên Trì hải hội Phật Bồ Tát nghĩa là con quay về xin được quy y Chư Phật, chư đại Bồ Tát ở hội Liên Trì. Hoặc con xin thành tâm cung kính đánh lễ Chư Phật, chư đại Bồ Tát ở hội Liên Trì. Hải hội Liên Trì là một hải hội rất lớn ở cảnh giới Cực Lạc, có Chư Phật và chư

Bồ Tát số đông nhiều vô lượng vô biên. Trước khi tụng Kinh này, chúng ta phải nhất tâm hướng về Chư Phật và chư đại Bồ Tát ở hội Liên Trì của Đức Phật A Di Đà.

Liên Trì là hoa sen, mà một người khi chết được vào hoa sen để về cảnh giới Cực Lạc. Ở đó quy tụ liên hoa hoá sanh để sanh ra những vị bắt đầu tu từ cảnh giới Ta Bà được về đó chứng quả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát v.v... Những người được sanh về đó được ở cảnh giới an vui không còn khổ đau nữa.

Mở đầu phần chánh văn ***Phật Thuyết A Di Đà Kinh*** là Đức Phật Thích Ca vị giáo chủ cõi Ta Bà thuyết Kinh A Di Đà. Danh tự bản Kinh lấy tên Phật A Di Đà làm hiệu.

1. Lục chủng thành tựu.

Bất cứ bản Kinh nào cũng có lục chủng chứng tín hoặc lục chủng thành tựu là sáu điều để tạo cho mọi người có niềm tin đây là bản Kinh có thực. Lục chủng thành tựu là sáu điều hình thành bộ Kinh.

Lục chủng thành tựu gồm có: Tín thành tựu, Văn thành tựu, Thời thành tựu, Chủ thành tựu, Xứ thành tựu và Chúng thành tựu.

Tín thành tựu: “*Như vậy*” theo nghĩa bình thường như vậy có nghĩa là như bản Kinh này, như những điều chúng tôi nói ở đây. Chữ như thị là muốn nói đến cái như như vốn có hiện tiền, bất động, từ cái như như bất động đó mà có người nghe và có pháp để người đó tiếp tục nghe. Như thị này là cái như thật, cái hiện tiền của tất cả chúng sanh, nó xuất phát cái nghe, cái không nghe, cái hiểu biết, cái không hiểu biết từ chỗ như như bất động đó mà ra. Nên từ cái chỗ như thị này mà sản sinh ra con người sau này là tôi nghe.

Như thị thì như là thể như của tất cả các pháp. Tức là Đức Phật từ Chân Như mà nói lên lý như của tất cả các pháp gọi là như. Các pháp đó như nhiên không thay đổi gọi là thị, nhưng riêng trong bản Kinh A Di Đà này, khi một người niệm Phật nhất tâm có nghĩa là như, và cái nhất tâm đó luôn kéo dài gọi là thị. Tùy theo tinh thần của từng bản Kinh mà chữ như thị được nằm từng vị trí khác nhau.

Văn thành tựu: “*Tôi nghe*” là văn thành tựu, là chính ngài A Nan được nghe Đức Phật thuyết bài Kinh này. Ta nghe như vậy tức là làm sao mà chúng ta phải thấy như vậy, chúng ta phải nghe như vậy, chúng ta phải biết như vậy và chỉ như vậy mà biết, như vậy mà nghe

trong tất cả mọi tình huống. Nếu chúng ta nghe Kinh bằng cái như thị để rõ biết lời, rõ biết ngôn cú thì người đó biết được cái như thị này.

Tôi nghe như vậy ở đây là ngài A Nan đã nghe trực tiếp từ miệng Đức Phật Thích Ca nói ra bản Kinh này. Khi Đức Phật thành đạo hai mươi năm, ngài A Nan mới bắt đầu xuất gia và mười năm sau nữa, ngài A Nan được Đức Phật chọn làm thị giả, Ngài đồng ý và đưa ra tám điều kiện để tránh những dư luận không tốt có thể xảy ra. Một là không đắp y thừa của Phật. Hai là không dùng thức ăn thừa của Phật. Ba là không ở chung tịnh thất với Đức Phật. Bốn là không đi thọ thực cùng nếu thí chủ chỉ thỉnh riêng Đức Phật. Năm là khi A Nan được mời thọ thực, Đức Phật hoan hỷ đi cùng. Sáu là được quyền sắp xếp khách vào gặp Đức Phật. Bảy là được hỏi Đức Phật mỗi khi có hoài nghi phát sanh. Tám là được Đức Phật hoan hỷ nói lại những bài pháp khi A Nan vắng mặt. Nên có những pháp hội ngài A Nan không trực tiếp đi nghe thì Đức Phật thuyết ở đâu về cũng giảng lại cho riêng một mình ngài A Nan nghe. Hoặc có khi các vị Thượng tọa như ngài Xá Lợi Phất hay ngài Mục Kiền Liên nói lại bài pháp Đức Phật đã từng giảng cho các Ngài nghe thì các Ngài cũng nói lại cho ngài A Nan nghe.

Đức Phật khen trong bảy hiền kiếp Phật, A Nan là thị giả thông minh nhất. Ngài A Nan còn được khen là người Đa Văn đệ nhất. Trong Kinh nói rằng, khi Đức Phật thuyết Pháp thì ngài A Nan thuộc như bưng chén nước này rót qua chén nước bên kia không rót một giọt bên ngoài. Có nghĩa tất cả những lời nói của Đức Phật trong tất cả các pháp hội, ngài A Nan thuộc không sót một chữ. Đây là điều rất hiếm có. Từ thời Đức Phật trở về đây chưa có người thứ hai có trí nhớ so với ngài A Nan.

Thời thành tựu: “*Một thuở*” là nói thời gian không đồng nhất vì vậy không ghi rõ ngày tháng năm thuyết Pháp mà chỉ ghi một thuở, ý nói thời gian vốn dĩ không thật. Nếu một người đang ở trong cái như thị ban đầu để nghe thì chúng ta sẽ thấy được là thời gian ngày xưa và bây giờ không khác nhau. Thời gian không khác nhau ở chỗ đang nghe của mình.

Chủ thành tựu: “*Đức Phật*” là người chủ trong Pháp hội nói ra điều đó, có thính chúng được nghe.

Xứ thành tựu: “*Thành Xá Vệ*” ở tại vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc nơi Đức Phật thuyết Kinh A Di Đà.

Lịch sử ghi rằng ngài Cấp Cô Độc trên đường đi cưới vợ cho con, nghe Đức Phật thuyết pháp, tự động ông phát tâm muốn thỉnh Phật trở về thành Xá Vệ thuyết pháp cho hoàng cung cũng như gia đình, dòng họ và cả dân chúng được nghe. Đức Phật nhận lời thỉnh cầu và cho biết Ta đi đâu thì có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ kheo cùng đi theo, do đó phải có trú xứ, có nơi ở đàng hoàng.

Đức Phật cho phép ngài Xá Lợi Phất theo trưởng giả Cấp Cô Độc trở về thành Xá Vệ chọn địa điểm nào thích hợp để xây dựng tịnh xá cho Đức Phật thuyết Pháp. Ngài Xá Lợi Phất thấy rừng cây của thái tử Kỳ Đà rất đẹp, rất thích hợp cho việc hoằng Pháp tại đây. Ông Cấp Cô Độc nghĩ muốn mua và thái tử Kỳ Đà không muốn bán, thái tử nói chơi nếu muốn mua thì cứ đem vàng trải khắp mặt đất, vàng trải tới đâu thì đất đó thuộc về ông. Ông Cấp Cô Độc liền cho mở kho lấy vàng trải gần hết mặt đất của khu vườn, chỉ còn một phần tư miếng đất chưa lót vàng. Thái tử Kỳ Đà rất ngạc nhiên không biết Phật là người như thế nào mà một vị đại thần cung kính, bỏ tiền bỏ của không chút luyến tiếc như vậy. Lòng thành của ông Cấp Cô Độc động đến tâm thái tử Kỳ Đà, thái tử cho ngưng lót vàng, lấy vàng lót đó

đem xây dựng nhà ở, còn cây này thì xin cúng luôn. Vì thế, ghép chung tên hai người gọi là vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, nghĩa là cây cối của thái tử Kỳ Đà, đất của ông Cấp Cô Độc.

Ông Cấp Cô Độc tên là Tu Đạt Đa, có biệt danh là Cấp Cô Độc vì ông thường cung cấp, bố thí cho người nghèo khổ, những trẻ mồ côi, người già đơn côi không có con cái nuôi. Ông cũng thường giúp đỡ dân lành, cúng dường Sa môn, Bà la môn v.v... Ông gần như cả đời bố thí suốt cả ngày lẫn đêm, không kỳ hẹn thời gian nào, ai cần tới thì ông cho, bất cứ giờ phút nào ông cũng giúp.

Chúng thành tựu: *"Một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ kheo, các vị Bồ Tát, v.v..."* câu hội nghe Đức Phật thuyết pháp.

Thường một văn bản chúng ta viết vào ngày, giờ, tháng, năm nào, ai là người chủ tọa, thư ký là ai, trong cuộc họp gồm có ai, v.v... Nguyên tắc hình thành văn bản nó có như vậy thì nguyên tắc của một bản Kinh từ xưa cũng có lục chủng thành tựu. Khi chúng ta đọc Kinh thấy có đầy đủ sáu điều này thì chúng ta đủ lòng tin rằng bản Kinh đó là sự thật, còn nếu văn kinh nào thiếu sáu phần này thì coi như bản Kinh đó không thành tựu.

Cùng với một nghìn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ kheo câu hội, đều là những bậc đại A La Hán.

"*Tỳ kheo*" có ba nghĩa: Khất sĩ, bố ma và phá ác.

Khất sĩ: Là người sĩ đi xin, chỉ cho các Tỳ kheo xuất gia. Xin cũng có hai nghĩa. Trên là xin giáo Pháp của Chư Phật để nuôi lớn giới thân huệ mạng của mình, thiết tha vượt qua khó khăn để tìm cầu chân lý, mục đích là làm sao đạt được giác ngộ giải thoát. Dưới là xin thức ăn của đàn na tín thí để nuôi sống thân vật chất này, nhằm trợ giúp việc tu hành hằng ngày được thanh tịnh, dứt sạch tất cả các duyên, quyết chí tu hành cho tới khi thành tựu đạo quả Vô Thượng Bồ Đề.

Khất sĩ không phải là người bần cùng ngửa tay xin ăn như người ăn mày. Mà hành giả là một vị tu hành chân chính, là ruộng phước để phật tử gieo trồng căn lành. Các vị tu hành thực sự thanh tịnh, hoặc đã chứng được một, hai quả vị, thì việc cúng dường lên các vị làm phước báu chúng ta lớn thêm. Một lần phật tử cúng dường thì phước quý vị tăng lên, nhưng ngược lại phước quý thầy bị tổn giảm một phần. Quý thầy như viên đá mài, dao quý Phật tử bén lên

một chút thì đá mòn một chút. Dao bén thì đá phải mòn. Vì vậy quý thầy nhận của cúng dường mà không biết để dùng xài, thì phước báu của quý thầy bị tổn giảm rất lớn. Quý Phật tử cúng dường là gởi gắm bao nhiêu hy vọng, tin tưởng, mong mỏi, và gởi tất cả tâm thành của mình cho vị đó. Quý thầy tu tốt là duy trì Tam Bảo ở trần gian làm cho chánh Pháp hưng thịnh. Nhưng nếu quý thầy không làm được điều đó là làm mất đi niềm hy vọng của người khác, do vậy phước báu bị tổn giảm rất nhiều.

Thời Đức Phật, có lần ngài A Nan nằm mộng thấy một dòng sông tro bụi cát bùn rất nhiều, chư Tăng lại đi dưới đó để đội cây cầu, mà phật tử lại đi ở trên. Ngài A Nan thưa với Đức Phật, Đức Phật nói sau này trong giáo đoàn, có những vị Tăng gần như tu hành giới thể không thanh tịnh mà nhận của đàn na thí chủ cúng dường, thì gần như bị đọa, còn phật tử do cúng dường chư Tăng rất thành tâm nên được phước báu, họ nhẹ nhàng đi trên cầu.

Hoặc có lần ngài A Nan và Mục Kiền Liên giặt y của Đức Phật, nhưng không làm cách nào để lá y chìm xuống nước. Cả hai vị liền đánh lễ Phật xin Ngài từ bi chỉ dạy. Đức Phật dạy rằng: Các ông nên lấy bốn hạt cơm để trên bốn góc của lá y thì tự động y chìm xuống.

Và rõ ràng để bốn hạt cơm bốn góc y thì chiếc y chìm xuống nước. Điều này để thấy dù là một hạt cơm nhỏ cũng nặng hơn phiến đá lớn.

Thành ra chư Tăng đóng vai trò trung gian, biết sử dụng của cúng dường của thí chủ một cách khéo léo, làm sao vừa không tổn phước của mình mà người kia phước báu tăng trưởng. Cho nên việc nhận cúng dường là để nuôi dưỡng thân tứ đại này cho nó được khỏe mạnh yên ổn, để chúng ta nhiếp tâm tu hành mong đạt được giác ngộ giải thoát để đền đáp ơn sâu nghĩa nặng của thí chủ khắp nơi và tất cả chúng sanh muôn loài.

Bồ ma: Trong Kinh nói rằng một vị phát tâm xuất gia là chấn động chín cõi ma, làm ma khiếp sợ. Không phải họ sợ quý thầy khủng bố hay làm gì tác hại mà điều khiến họ sợ là nếu một người xuất gia tu hành và thoát ly tam giới, thì cung ma sẽ mất đi một người, ví như cất nhà mà không có người ở. Ngoài ra, quý thầy còn giáo hóa nhiều phật tử phát tâm tu hành theo để thoát khỏi ngũ dục này. Do đó, bằng đủ mọi cách, ma lôi kéo người xuất gia trở lại nếp sống thể tục để hưởng dục lạc.

Ngày xưa khi Đức Phật sắp thành Phật, ma Ba Tuần liền xuất hiện, tìm đủ mọi cách khuyến dụ Ngài trở lại cuộc sống hưởng dục lạc trần gian. Vì ma biết Đức Phật thành Phật thì sẽ không biết bao nhiêu người tu theo chứng Thánh, sẽ thoát khỏi cảnh giới ma, thì cung ma bị trống và cõi ngũ dục không có người ở, chúng sẽ mất đi quân lính. Cuối cùng, ma khuyến dụ Đức Phật không được, mới tuyên thệ hôm nay ta không lôi kéo được Sa môn Cù Đàm, thì sau này đệ tử của ông, ta sẽ lôi kéo. Thành ra người tu ngang đâu là có người thử tới cấp đó. Chúng ta tu sơ sơ thì gặp chuyện khó sơ sơ, có khi ma Ba Tuần sai quân lính đến phá, chứ ma Ba Tuần mà thuộc ma Vương thì năng lực của họ rất khủng khiếp, vì họ có đủ ngũ thông. Có vị Tổ thứ bảy mà vẫn bị ma Ba Tuần hiện cảnh giới Phật để dối gạt Tổ.

Khi tu tập mà thấy chúng ta không làm được như nguyện của mình thì biết có sự chướng ngại, khuấy nhiễu của ma. Nhưng tu hành nghiêm túc, chúng ta được chư Thiên hộ trì, mà chúng ta sơ hở sẽ bắt đầu rớt vào cảnh giới ma. Tâm muốn thọ hưởng ngũ dục lạc là bắt đầu đi vào con đường ma, là quân của ma, không còn là đệ tử của Phật. Lúc nào ma cũng cho người tới lôi kéo, gây bất cứ sự hấp dẫn để

người ta bỏ tu, trở thành quân lính của ma để chúng ma được đông nhiều. Còn chúng ta tu tập tốt, ma sẽ bớt đi. Người phát tâm xuất gia làm rung động chín cõi ma, họ sẽ tìm cách làm chúng ta lui sụt mà hưởng chuyện trần gian.

Phá ác: Đó là việc riêng của tự tâm từng người. Vị Tỳ kheo xuất gia thì bao nhiêu ác niệm xảy ra nơi nội lòng, người đó phải biết dứt trừ, biết phá tất cả nghiệp ác nơi tâm, để khi nào tâm thuần thanh tịnh thì mới đúng nghĩa là Tỳ kheo.

"A La Hán" có ba nghĩa: Ứng cúng, sát tặc và vô sanh.

Ứng cúng: Một vị tu hành chứng quả A La Hán xứng đáng cho cõi trời người cúng dường, vì đây là vị Thánh có đủ phước báu, đủ tư cách thọ nhận trời người cúng dường. Nếu đủ duyên cúng dường vị A La Hán, phước của chúng ta lớn không thể kể hết được.

Trong Kinh ghi rằng: Có hai vợ chồng nợ rất nghèo, mua được tấm y. Trên đường đi về, họ gặp một tu sĩ mặc y đã cũ rách, liền khởi ý phát tâm cúng dường tấm y, không ngờ đó là vị A La Hán. Cúng dường rồi họ ngồi đó chờ đợi xem vị Thánh Tăng ấy đắp y đẹp thế nào. Sau khi vị Thánh Tăng này quấn y vào, họ chiêm

ngưỡng được vẻ đẹp rực rỡ uy nghiêm của Ngài, tự động cả hai hết sức cung kính và quỳ xuống đánh lễ, rồi phát nguyện rằng: Con nguyện đời này và đời sau, do phước báu cúng dường này, con sẽ được dung nhan đẹp đẽ như Ngài, được chứng quả ngang tầm với quả chứng của Ngài. Và họ được như ý nguyện.

Sát tặc: Tức là giết được giặc phiền não, trừ sạch những tâm xấu ác nơi lòng và đoạn tất cả những tâm ma.

Vô sanh: Là vị Bồ Tát không còn bị sanh tử luân hồi trong tam giới (Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới).

VĂN KINH

Trưởng lão Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Lợi Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lâu Đà, những vị đại đệ tử như thế.

Trong Kinh nhắc đến mười sáu Tỳ kheo là những vị đại đệ tử thân cận của Đức Phật, mỗi vị có một hạnh riêng. Chúng tôi chỉ nói sơ qua về thành quả tu chứng đặc biệt của vài vị

đại đệ tử như ngài Xá Lợi Phất, ngài Mục Kiền Liên, ngài Ca Diếp, ngài Ca Chiên Diên... Quý vị muốn rõ công hạnh của những vị này, nên tham khảo thêm sách Thập Đại Đệ Tử truyện.

Ngài Xá Lợi Phất được ghi nhận là vị Trí tuệ bậc nhất trong hàng đệ tử của Phật. Trong Kinh nói rằng khi ngài Xá Lợi Phất nằm ở trong thai mẹ, Ngài khiến trí tuệ của bà mẹ tự nhiên thông minh, khi lý luận bà thắng người cậu của Ngài (tức là em ruột của bà) vốn là một đại luận sư nổi tiếng thời đó. Và khi Ngài ra đời, mới tám tuổi đã lý luận thắng mười sáu vị đại luận sư lừng danh của mười sáu nước thời bấy giờ. Đến khi Ngài xuất gia vào giáo đoàn của Đức Phật, chỉ trong vòng bảy ngày, Ngài đã thông hiểu tất cả các giáo lý của Đức Phật dạy và tu chứng quả A La Hán, nên tôn danh Ngài là Đại Trí Xá Lợi Phất.

Về thần thông và thiên định của ngài Xá Lợi Phất cũng rất siêu xuất không thua kém gì ngài Mục Kiền Liên. Trong Kinh diễn tả khi ngài Xá Lợi Phất tọa thiền, ngài Mục Kiền Liên đã thử vận dụng tất cả thần lực mà cũng không thể nào làm lay động được một mảnh y của ngài Xá Lợi Phất.

Còn ngài Mục Kiền Liên nổi danh qua nhiều việc thể hiện thần thông để bảo vệ Đức Phật hoặc nói lên những năng lực siêu việt của người đệ tử Phật trên bước đường tu. Có câu chuyện trên đường Đức Phật đi giáo hoá, lúc đó có con độc long phun khí độc ngăn chặn đường đi của Đức Phật. Các vị Tỳ kheo đi theo muốn trừ khử con độc long này, nhưng Đức Phật ngăn, vì bên cạnh Đức Phật đã có ngài Mục Kiền Liên. Ngài Mục Kiền Liên vận dụng thần thông, hóa thân Ngài to lớn như núi Tu Di, rồi làm cho thân nhỏ lại, cứ biến hóa thân Ngài to nhỏ như vậy một lúc, con độc long sợ rút lui.

Hoặc có lần, ngoại đạo ở Ấn Độ tu về chú thuật, họ muốn dời ngọn núi đi chỗ khác. Ngài Mục Kiền Liên thấy núi lung lay liền vận dụng thần thông để giữ núi đó lại. Hoặc trong Kinh ghi lại câu chuyện vua Ưu Ba Ly chuẩn bị giết dòng họ Thích, ngài Mục Kiền Liên đã vận thần thông gom hết những người dòng họ Thích đặt vô một cái bát, rồi đem bát đó bay về cõi trời Đao Lợi để ở đó. Sau khi vua Ưu Ba Ly đánh thành Ca Tỳ La Vệ xong, ngài Mục Kiền Liên nghĩ những người này vẫn còn sống mới đem trở về, nhưng khi mở bát ra, thì tất cả họ đã chết vì đều biến thành máu.

Có câu chuyện ngộ nghĩnh nhất trong thời ngài Mục Kiền Liên là độ hai vợ chồng ông trưởng giả keo kiệt. Một hôm ông ta thềm bánh tiêu, nói nhỏ bà vợ mua bột, dầu và đem lên tầng lầu thứ ba đóng tất cả cửa lại, chiên bánh để hai vợ chồng cùng ăn vì sợ mấy đứa nhỏ và người hầu biết sẽ hao tốn. Đức Phật biết đã đến thời để độ hai vợ chồng này, nên sai ngài Mục Kiền Liên đi đến nhà của họ để độ. Lúc đó, vợ ông đã chiên được vài cái bánh. Ngài Mục Kiền Liên liền xuất hiện, làm cho cánh cửa sổ nhà ông bung ra và Ngài đứng trước đó xin bánh tiêu. Ông trưởng giả xua hoài Ngài không đi, Ngài nói chỉ xin một cái bánh thôi. Ông trưởng giả nhất định chỉ cho một cái chứ không cho cái thứ hai. Ngài Mục Kiền Liên dùng thần thông làm cho những cái bánh dính với nhau, cái này dính cái kia, dính nguyên một rổ, ông trưởng giả gỡ hoài không được, ông thấy rõ ràng có cái gì đó linh thiêng, mới hỏi: Ngài là đệ tử của ai? Ngài Mục Kiền Liên đáp rằng: Ta là đệ tử của Đức Thế Tôn. Ông cúng dường Ta một cái bánh thì phước báu không lớn. Hãy cúng dường Đức Phật để được phước báu lớn hơn. Nghe ngài Mục Kiền Liên thuyết pháp một hồi, ông liền phát tâm cúng dường Phật. Ngài Mục Kiền Liên đưa ông đến gặp

Đức Phật, và ông trở thành phật tử tu hành rất tốt. Ngài Mục Kiền Liên vận dụng thần thông để giáo hóa chúng sanh, điều đó lịch sử ghi lại rất nhiều.

Riêng ngài Ca Diếp chuyên tu hạnh Đầu đà trong suốt cuộc đời của Ngài. Ngài chuyên đi khát thực, tối ngủ dưới gốc cây, đời sống rất khổ hạnh, được Đức Phật tán thán trước công chúng rằng Ca Diếp tu hạnh Đầu đà đệ nhất. Còn ngài Ca Chiên Diên là người nói Luận Nghị đệ nhất, văn chương lưu loát ... mười sáu vị có mười sáu hạnh khác nhau.

VĂN KINH

Và hàng đại Bồ Tát: Văn Thù Sư Lợi Pháp vương tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát cùng với các vị Đại Bồ Tát như thế và với vô lượng chư Thiên như Thích Đề Hoàn Nhơn, v.v... Đại chúng cùng đến dự hội.

"Bồ Tát" có nghĩa là Bồ Đề tát đỏa, có hai nghĩa: hữu tình giác và giác hữu tình. Nghĩa thứ nhất, Bồ Tát là hữu tình giác, là chính bản thân người đó đã giác ngộ đạo lý và làm cho tất cả những chúng sanh tâm ở nội lòng người đó cũng giác ngộ. Nghĩa thứ hai, Bồ Tát là giác hữu tình, là làm cho người khác giác ngộ. Vì

thế, tất cả những ý niệm, những nghĩ tưởng của người đó đều là ý niệm nghĩ tưởng giác ngộ. Trong Kinh ghi trí tuệ của ngài Xá Lợi Phất là người đại trí thuộc dạng quyền trí, còn ngài Văn Thù Sư Lợi là thật trí, là căn bản trí. Các vị đại Bồ Tát mỗi người có mỗi hạnh khác nhau.

VĂN KINH

Bấy giờ, Đức Phật bảo ngài Trưởng lão Xá Lợi Phất rằng: Từ đây qua phương Tây quá mười muôn ức cõi Phật có thế giới tên là Cực Lạc. Trong thế giới đó có Đức Phật hiệu là A Di Đà hiện nay đang nói Pháp.

Đây là phần quan trọng mở đầu bộ Kinh A Di Đà và cũng chính phần này giúp cho chúng ta thấy đúng về Tịnh Độ hơn.

2. Ý nghĩa cõi phương Tây Cực Lạc.

Đức Phật bảo ngài Trưởng lão Xá Lợi Phất rằng từ đây qua phương Tây quý vị nên quan tâm đến phương Tây của thế giới Cực Lạc. Thông thường người ta nói "phương Tây" là hướng mặt trời lặn, nhưng thực sự mặt trời không lặn. Nếu hiểu biết theo khoa học, chúng ta sẽ biết rằng trái đất này luôn quay xung quanh mặt trời. Cho nên khi phần nào của quả địa cầu được mặt trời rọi vào thì sáng sửa gọi là

ban này, khi phần nào trái đất bị khuất khỏi mặt trời thì tối tăm gọi là ban đêm. Ví dụ bây giờ chúng ta ở đây là ban ngày thì ở các nước như Anh, Mỹ, Pháp là buổi tối.

Trong dải ngân hà có hằng hà sa số hành tinh, hệ mặt trời chúng ta cũng là một hành tinh gọi là Thái Dương Hệ. Chúng ta thử hình dung không gian mênh mông như một cái nhà trống, nếu chúng ta treo một số trái cầu tròn khắp nhà thì những quả cầu nằm lơ lửng giữa không gian không dính vô đâu. Quả đất chúng ta cũng vậy. Chúng ta đứng trên mặt đất, nhưng vì mình nhỏ bé, nên nghĩ rằng quả đất là chỗ trụ vững chắc của mình. Thật sự khi chúng ta bay ra khỏi quả đất, sẽ thấy quả đất nằm lơ lửng giữa không trung bao la, giống như một hạt cát rất nhỏ bé giữa hư không mênh mông. Do đó Đông, Tây, Nam, Bắc không nhất định ở hướng nào. Chỉ vì tầm nhìn của chúng ta quá hạn hẹp trong quả địa cầu này, nên cứ nghĩ là mặt trời mọc ở hướng Đông và lặn ở hướng Tây. Rõ ràng mặt trời không bao giờ lặn và cũng không mọc lên.

Theo cái nhìn của Kinh điển thì phương Đông, phương Tây của cảnh giới Phật mang một ý nghĩa khác hẳn với quan niệm nói trên. Phương Đông là hướng mặt trời lên, nghĩa là chỗ khởi đầu của sự động hoá, khởi điểm sự

vận hành của tất cả sinh hoạt trong một ngày. Đối với chúng sanh chưa đi trên con đường giác ngộ giải thoát theo đạo Phật, còn mãi mê trong tam giới thì phương Đông là phương hướng khởi đầu của tất cả các việc của sinh tử luân hồi. Đối với chúng ta đang tiến tu trên con đường giác ngộ thì hướng Đông cũng đánh dấu khởi đầu của mặt trời trí huệ bắt đầu toả sáng trong tâm chúng ta sau một đêm dài sinh tử.

Khi mặt trời về chiều lặn ở phương Tây nghĩa là kết thúc sự động hoá, chấm dứt sự sinh hoạt trong ngày đó. Nói theo cái nhìn của Kinh điển là kết thúc những mê mờ tối tăm, kết thúc mọi sự biến động sinh tử trong tâm thức chúng ta. Vì vậy, hướng Đông và Tây theo Kinh điển chúng ta phải ngầm hiểu rằng là sự khởi động và sự kết thúc của dòng tâm thức. Hiểu rõ điều này mới có thể hiểu về phương Đông, Tây theo ý nghĩa tiềm ẩn trong bản Kinh A Di Đà.

Quá mười muôn ức cõi Phật theo Kinh điển, mỗi Đức Phật đều có một cõi riêng. Cõi của Đức Phật Thích Ca giáo hóa là tam thiên đại thiên thế giới, hay cũng gọi là tam giới, gồm có Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Thế giới gồm có Tiểu thiên, Trung thiên và Đại thiên. Tiểu thiên thế giới là ngang tầm Nhị thiên bao gồm hàng ngàn thế giới của cõi Sơ

thiên, trong đó có bốn châu thiên hạ bao quanh dãy núi Tu Di mà Kinh thường nói đến là Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Cưu Lô Châu, Nam Thiệm Bộ Châu. Cõi Ta Bà của chúng ta thuộc Nam Thiệm Bộ Châu. Hàng ngàn tinh tú bao quanh lại thành Tiểu thiên thế giới. Trung thiên thế giới bao hàm cả cõi của Nhị thiên có hàng ngàn thế giới tập hợp lại. Và Đại thiên thế giới gồm có hàng ngàn cõi giới của Tam thiên. Tam thiên đại thiên thế giới là cõi giáo hóa của một Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Như vậy, một cõi Phật, hai cõi Phật, cho tới mười cõi, rồi một trăm cõi, một ngàn cõi, một muôn cõi và một ức cõi. Một ức là một triệu, một trăm muôn là một ức, thì một cõi Đức Phật ở đây sử dụng tam thiên đại thiên thế giới là nhiều vô lượng vô biên không tính nổi. Mười cõi Phật như vậy, có những cõi Phật không phải là tam thiên đại thiên thế giới nữa, mà ngàn muôn đại thiên tam thiên này tạo thành một cõi Phật. Mà một trăm cõi Phật như vậy, một ngàn cõi Phật, một muôn cõi Phật, một ức cõi Phật cũng như vậy, là số vô lượng vô biên chúng ta không thể tính đếm bằng cái đầu của mình được.

Nếu chúng ta đứng trên phương diện pháp số, vật chất để chúng ta tính từ đây qua phương Tây là trải qua mười muôn ức cõi. Một ức nó đã quá khủng khiếp rồi, một ức tương đương với một triệu cõi Phật, mà một cõi Phật bao gồm cả tam thiên đại thiên thế giới, là tất cả những tinh tú trắng sao mà ban đêm chúng ta nhìn thấy được trong cõi giới đó là của một Đức Phật Thích Ca giáo hoá. Chúng ta thấy nó mênh mông không thể tính lường nổi từ phương này cho tới phương kia. Mà trong Kinh nói từ đây đến Cực Lạc phải đi qua mười muôn ức cõi Phật. Mỗi cõi Phật có một vị Phật giáo hóa, hai cõi Phật có hai vị Phật giáo hóa, là muôn ngàn tinh tú trắng sao gom lại nữa. Một Đức Phật đã tính không nổi rồi, mà một ngàn Đức Phật, một muôn Đức Phật, một ức Đức Phật như vậy, rồi mười muôn ức như vậy, chắc chắn không thể tính nổi.

***Từ đây qua phương Tây quá mười
muôn ức cõi Phật có thế giới tên là Cực Lạc.***

Cực Lạc có nghĩa là chỗ vui cùng cực, không còn sự đau khổ xảy ra nữa. Mười muôn ức cõi là gì? Nếu có học Tứ Diệu Đế chúng ta sẽ hiểu mười tập nhân gây ra đau khổ là: tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến

thủ, giới cấm thủ, tà kiến. Người có mười tập nhân đó chắc chắn là có khổ, người nào trừ sạch mười tập nhân đó, nhất định không còn khổ đau nữa. Tức là diệt trừ hết tất cả mầm móng đau khổ rồi thì người đó mới gọi là vui, là rớt vào cảnh giới Cực Lạc. Như vậy, chúng ta đã biết cảnh giới Cực Lạc ở đâu rồi, phải không? Phải nói Kinh A Di Đà là một bản Kinh rất căn bản và rất độc đáo. Ấn ý này gần như chúng ta đọc và bỏ qua không lưu tâm.

Chúng ta phải hiểu tại sao lại phải trải qua mười muôn ức cõi Phật. Ví dụ một ngày chúng ta tu bát quan trai, có xảy ra niệm tham tâm nào không? Chẳng hạn muốn ngộ đạo cũng là tham, ngồi thiền muốn định cũng là tham, muốn ngồi đừng bị tê chân đau chân cũng là tham, muốn ngồi hơn huynh đệ cũng là tham, tụng Kinh muốn đứng trước cũng là tham v.v... Trong một ngày tu mà còn dính mắc với quá nhiều cái tham như vậy, tham đắm sắc đẹp của thân, tham gìn giữ danh lợi, tham gìn giữ địa vị, tham ăn ngon, tham mặc đẹp v.v... Tất cả những cái tham trong ngày khởi lên từ một ý niệm, hai ý niệm, ba ý niệm, bốn ý niệm, cho tới trăm ngàn muôn ức ý niệm.

Một tham tâm khởi lên gọi là một chúng sanh điên đảo sinh ra. Nó có thể lừa gạt người khác, cướp giựt người khác, lường gạt người khác để nó có tiền, thì đó là chúng sanh trong cảnh giới ngạ quỷ, keo kiệt, bủn xỉn chỉ thủ lợi cho mình. Hoặc một chúng sanh tham tâm sinh ra để giết hại, cướp bóc, gây khổ đau cho người khác để mình có tiền xài, đó là chúng sanh của địa ngục. Hoặc chúng sanh chỉ khởi toàn niệm tham dục, thích muốn mọi thứ thỏa mãn dục lạc cho riêng bản thân mình, thì chúng sanh đó thuộc loại súc sanh. Một chúng sanh tâm sanh ra để nghiêm trì ngũ giới, sống cuộc đời thanh bạch, đó là chúng sanh ở cõi người. Nghĩ tới chuyện phải giúp đỡ người, làm những việc phước thiện là chúng sanh cõi trời. Làm phước mà sân si nóng nảy, giúp người mà không bao giờ tu tập thì gọi là a tu la.

Đó là những ý niệm lục đạo được sinh ra nơi tâm chúng ta nương theo Pháp của Đức Phật dạy và chúng ta giáo hoá những tâm niệm xấu ác ấy từ từ. Ví dụ mình ý thức mình là người tu nên việc tham đắm trần tục mình phải bớt đi, hoặc mình ý thức thân mình nó vô thường, bây giờ muốn tham mặc đẹp nhưng thời gian nữa áo đẹp này nó cũng cũ, thân này cũng hư hoại cho nên bớt đi cái tham đó. Bằng

lý luận của vô thường, khổ, không, vô ngã để dứt trừ tham tâm của mình là chúng ta bắt đầu rớt vào cảnh giới của Thanh Văn. Hoặc mình muốn làm cái gì đó mà mình làm không được, thì mình cũng đem đạo lý ra tự thuyết pháp cho mình để dứt trừ tâm tham, là tự đưa chúng sanh mình tới cảnh giới Nhị thừa, nâng tâm thức chúng ta ngang tầm Nhị thừa.

Cao hơn chút nữa, chúng ta thấy thân này là huyễn, tâm này là huyễn, móng khởi tham tâm là huyễn giả không thật, do duyên hợp là nâng ý niệm tham tâm ngang tầm Duyên Giác. Nếu chúng ta thấy thân này vốn không thật, tất cả những cảnh giới, những ý niệm tham tâm chúng ta vốn không thật, ngang đó nó tự dứt mất là nâng tầm chúng ta ngang với tầng tâm Bồ Tát. Nếu ý niệm tham tâm đó mà chúng ta thấy tất cả các pháp nó là như, nó vốn dĩ như vậy chúng ta không còn tham đắm khi đối duyên xúc cảnh. Lục căn chúng ta tiếp xúc lục trần lúc đó nó như nhiên, tức là thấy tất cả các pháp đều là Phật Pháp, không còn chấp trước vương mắc trong đó nữa, thì ngang đó là cảnh giới Phật. Lúc đó có một Phật ra đời để giải quyết một niệm tham tâm. Tất cả những ý niệm tham tâm xảy ra nơi lòng là đều có Phật hiện tiền. Một Đức Phật ra đời để giải quyết một ý

niệm, nhiều ý niệm sanh ra thì có nhiều Đức Phật ra đời để giáo hoá. Như vậy cho đến một ngàn, một muôn, một ức ý niệm xảy ra thì có một ngàn, một muôn, một ức Đức Phật hiện ra nơi tâm để giáo hoá. Do đó mới nói là trải qua mười muôn ức cõi Phật.

Tức là lục đạo luân hồi sanh ra nơi tâm chúng ta, thì bắt đầu lần lựa được giáo hóa từ từ, theo kiểu vô thường, khổ, không, vô ngã là được nâng cấp lên Thanh Văn. Rồi phải hiểu lý duyên hợp là ngang tầm Duyên Giác. Hiểu lý Tánh Không là ngang tầm Bồ Tát. Và tất cả các pháp đều Như Như là ngang tầm cảnh giới Phật. Lúc đó một Đức Phật ra đời để độ một cõi giới đó. Một Đức Phật ra đời để giải quyết một ý niệm, nhiều ý niệm sanh ra thì có nhiều Đức Phật ra đời để giáo hóa. Hàng muôn hàng ức ý niệm sanh ra thì có hàng muôn hàng ức Đức Phật ra đời để giáo hóa. Do đó mới nói trải qua mười muôn ức cõi Phật.

Một chúng sanh tham tâm là có một Đức Phật ra đời, thì chúng sanh đó mới tuyệt nhiên không sanh tử trở lại. Còn nếu giáo hóa theo kiểu vô thường, khổ, không, vô ngã thì sau này nó vẫn còn sanh lại. Hoặc là quán lý Duyên khởi cũng không dứt hẳn, mà phải độ cho tới vô dư y Niết Bàn theo tinh thần Kinh Kim Cang,

thì lúc đó có một Đức Phật ra đời. Mà khi có Đức Phật ra đời là ngưng dứt sự hoạt động tâm thức của tất cả chúng sanh trong tam giới này, là đưa tất cả về phương Tây ở. Như vậy không còn có một ý niệm nào xảy ra nơi tự tâm chúng ta, là chúng ta đang ở Tây Phương Cực Lạc.

Một tham tâm thôi là nói lên điều đó, tất cả những ý niệm khác cũng giống như vậy. Còn sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến cũng vậy. Mười trạng huống tâm xảy ra nơi lòng mà chúng ta vượt qua được, để Phật đưa về phương Tây hết thì trong lòng chúng ta cực vui chưa? Khi hết những mầm mống để đưa đến đau khổ này thì chúng ta là người thực sự ở cảnh giới Tây Phương Cực Lạc rồi. Vậy Tây Phương nằm ở đâu?

Lần đầu tiên đọc, tôi bị chấn động vì Kinh A Di Đà thật tuyệt vời. Một ẩn ý trong Kinh điển Đại Thừa khiến cho chúng ta không hiểu nổi, nhưng thường chúng ta đọc rồi bỏ qua điều này. Đây là căn bản của Phật Pháp. Tu Thiền cũng phải dứt mười nguyên nhân đau khổ. Tu Mật tông quý vị cũng phải dứt mười nguyên nhân đau khổ thì quý vị mới được an lạc giải thoát.

Người nào mà còn tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến là người đó không bao giờ an lạc nổi. Không cách nào thiền định được, chứ đừng nói chuyện giải thoát. Như vậy đây là cái chung nhất của tất cả các tông phái. Nếu chúng ta không học không hiểu, không thấy hết ý tứ trong Kinh điển mà chúng ta có khái niệm, có thái độ nào coi thường tông Tịnh Độ thì chúng ta bị đọa, phải nói như vậy. Không đủ cái đầu để soi hết Kinh điển thì để trên bàn thờ mà lễ lạy, để khi nào đủ thì đem ra coi chứ đừng có thái độ khác. Vì tất cả Kinh điển Chư Phật Tỏ đều nói tới chỗ sâu màu chứ không nói đơn giản như vậy đâu.

Những chúng sanh ở cõi tham, cõi sân, cõi si, cõi mạn, cõi nghi, cõi thân kiến, cõi biên kiến, cõi kiến thủ, cõi giới cấm thủ, cõi tà kiến, tất cả những cõi giới chúng sanh này vượt qua được tức là trải qua mười muôn ức cõi Phật có thể giới tên là Cự Lạc. Người nào hiểu cảnh giới phương Tây là cõi giới mặt trời lặn là oan cho ba đời Chư Phật, không làm lợi cho Phật Pháp cũng chẳng làm lợi cho mình. Do đó chúng ta phải hiểu lại phương Tây là chỗ ngưng dứt mười tập nhân đau khổ mới đạt được Tây Phương Cự Lạc.

Đức Phật nói: “*Xá Lợi Phất! Cõi đó vì sao tên là Cực Lạc? Vì chúng sanh trong cõi đó không có bị những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên nước đó tên là Cực Lạc*”. Thực sự khi chúng ta vượt qua được cái tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến rồi thì kiếm một chút khổ đau không có. Và mằm mống để dẫn tới khổ đau không có là chúng ta tới Tây Phương Cực Lạc.

Đây là tiêu chuẩn để về Tây Phương Cực Lạc, nếu chúng ta nghĩ niệm Phật rồi sanh về cõi đó thì coi chừng lắm. Căn bản để sống ở Tây Phương Cực Lạc là dứt mười nguyên nhân khổ đau. Tất cả những đạo giáo nào mà không nói lên điều này thì đó không phải là đạo Phật. Trong Tứ Diệu Đế của hệ thống Nguyên Thủy cũng nói lên điều này. Rõ ràng Đức Phật đã nói thì tinh thần này không có trái nhau.

Tiêu chuẩn đó tất cả những người tu đều phải đạt được, phải vượt qua và đạt đến. Khi trải qua mười muôn ức cõi Phật, tức là mười tập nhân xảy ra trong tâm chúng ta phải được Đức Phật giáo hóa, độ về tới phương Tây hết. Còn nếu bằng cái khác để mà độ thì không tới Tây Phương. Chúng ta thấy tinh thần Kinh Kim Cang đưa vô lượng vô số vô biên chúng hữu tình đến vô dư y Niết Bàn mà không có một

chúng sanh thực được diệt độ, tương ưng với chỗ này. Trải qua mười muôn ức cõi nhưng phải khẳng định đó là cõi Phật, chứ không phải cõi phàm phu, cõi giới đó phải được sự thấy biết của Chư Phật. Có nghĩa là trong đi, đứng, nằm, ngồi từng ý niệm nhỏ nhen chúng ta xảy ra là phải bằng Phật để mà thấy, bằng Phật để mà độ thì mới dứt được.

Ví dụ trong tâm xảy ra niệm tham, nếu chúng ta dùng Pháp quán là vô thường, khổ, không, vô ngã, quán như huyễn. Bảo đảm là nó sẽ không hết, nó sẽ còn sanh trở lại. Nhưng một ý niệm tham tâm xảy ra mà chúng ta chỉ thuần sự rõ biết móng niệm đang xảy ra, đang chuẩn bị nhóm khởi, đang hiện hành và nó bắt đầu yếu, cho tới lặn đi chúng ta chỉ rõ biết một cách rõ ràng như vậy thôi.

Lúc đó nếu chúng ta còn dụng công thì không phải là Phật, Phật không có ra công, Phật chỉ rõ biết và không tác ý. Không có dụng công mà không cái gì có thể lọt qua cặp mắt Đức Phật. Đi, đứng, nằm, ngồi, nơi tâm chúng ta bao nhiêu ý niệm nhỏ nhen xảy ra chúng ta đều giác biết một cách rõ ràng và thuần sự giác biết rõ ràng như vậy thôi không thêm không bớt, thì chúng sanh đó tự động về tới Tây Phương. Và chúng sanh đó được Đức Phật giáo hóa, mới

gọi là ở trong cõi giới của Đức Phật, được gọi là Phật thấy, Phật biết và Phật độ.

Như vậy sẽ ở trong cảnh giới Tây Phương Cực Lạc trong từng phút giây. Tây Phương Cực Lạc trở thành cảnh giới hiện tiền trong từng bước đi, từng hơi thở, từng nhịp sống của chúng ta, chứ Tây Phương Cực Lạc không phải ở đâu cả. Nếu từng ý niệm nhỏ mà chúng ta rõ ràng giác biết như vậy, thì trong đi đứng nằm ngồi chúng ta luôn ở Tây Phương Cực Lạc.

Đừng nghĩ khi chết mới được về đó. Mà bây giờ từng giờ, từng phút, từng giây, chúng ta sống trong an nhiên, trong tịch lặng, rõ ràng, sáng biết thì từng giờ, từng phút, từng giây chúng ta đang ở trong cảnh giới Cực Lạc.

Trong thế giới đó có Đức Phật hiệu là A Di Đà hiện nay đang nói Pháp.

Văn kinh phải nói là rất độc đáo! A Di Đà có nghĩa là Thường Tịch Quang. Ngay phóng quang đầu tiên trong Kinh Pháp Hoa soi thấu mười phương cõi nước phương Đông, trên thấu trời Hữu Đảnh, dưới thấu địa ngục A Tỳ, tức là cõi cực thiện và cực ác trong nội lòng của chúng ta được ánh sáng đó thấy hết không sót.

Hiện tại ánh sáng đó đang giáo hóa tất cả chúng sanh là tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến đang được Đức Phật A Di Đà giáo hóa. Đang được ánh sáng đó soi rọi để biến tất cả chúng sanh ấy thành Phật, đang lôi kéo tất cả chúng sanh đó về Tây Phương.

Vậy giờ nào, phút nào, bất cứ thời gian nào, bất cứ hoàn cảnh nào, chúng ta cũng đang được Đức Phật A Di Đà thuyết pháp trong cõi tâm của từng người. Và muôn đời muôn kiếp về sau, Đức Phật A Di Đà vẫn luôn luôn hiện hữu và thuyết pháp cho chúng ta nghe.

Vậy chúng ta biết cõi Tây Phương ở đâu rồi phải không? Và rõ ràng trong cõi Tây Phương đó Đức Phật đang hiện hiện để nói Pháp. Rất may và rất hạnh phúc cho tất cả chúng sanh trong tam giới này, không lúc nào không có Phật ngự trong lòng chúng ta để thuyết Pháp. Và một điều kỳ diệu nữa là chúng ta luôn ở trong cảnh giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Từng giờ, từng phút, từng giây luôn được Phật thuyết Pháp cho chúng ta nghe, có điều là chúng ta nghe nổi hay không mà thôi. Điều bất lợi là chúng ta không chịu nghe lời Phật thuyết Pháp. Chứ nếu thực

sự trong từng phút từng giây mà nghe Phật thuyết Pháp thì chúng ta luôn an vui, luôn thanh tịnh an lạc rõ ràng.

Chúng ta được Phật A Di Đà nói Pháp, nên bây giờ không cần cầu nữa mà chúng ta đang ở Tây Phương, khỏi cần đợi hoa nở cũng được Đức Phật thuyết Pháp. Như vậy mong rằng chúng ta nên nghe Đức Phật thuyết Pháp, đừng nghe theo chúng sanh nữa để chúng ta luôn được an vui, luôn được ở trong cảnh giới Cực Lạc một cách thật sự.

Tất cả chúng ta đều được về Tây Phương, đều được Đức Phật A Di Đà thuyết Pháp, tức hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh, thì từ đây cho tới vĩnh kiếp về sau, không có giờ phút nào mà Đức Phật không thuyết Pháp cho chúng ta và bảo đảm quý vị không còn lui lại trong cõi nào nữa. Nếu chúng ta dứt khoát đừng quay lại, đừng cho mười nghiệp nhân này sống trở lại thì lúc nào chúng ta cũng ở cảnh giới Cực Lạc và lúc nào chúng ta cũng được Đức Phật A Di Đà thuyết pháp. Luôn ở Tây Phương Cực Lạc thì cuộc đời chúng ta sẽ hạnh phúc tràn đầy, bảo đảm không còn khổ.

Hay nói khác hơn, cảnh giới Tây Phương Cực Lạc luôn luôn hiện tiền. Muốn luôn an lạc, muốn hạnh phúc, muốn an vui thật sự thì nên để như vậy trong đi đứng nằm ngồi, tất cả thấy nghe đều luôn luôn như vậy, đừng thêm đừng bớt cái gì cả, luôn luôn an vui, nếu chúng ta còn thêm bớt là bắt đầu sanh chuyện. Chuyện khổ vui là do nơi chúng ta, đó là trách nhiệm của riêng mình, mỗi người phải tự lo lấy chớ người khác không thể thay thế mình được.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất, cõi đó vì sao tên là Cực Lạc? Vì chúng sanh trong cõi đó không có bị những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên nước đó tên là Cực Lạc.

Đức Phật bắt đầu giải thích cho chúng ta vì sao cõi giới đó tên Cực Lạc. Vì người được sanh ở cảnh giới Cực Lạc không bao giờ còn khổ não, chỉ hưởng toàn sự an vui. Tiêu chuẩn để về cảnh giới Cực Lạc phải trải qua mười muôn ức cõi, tức phải vượt qua mười tập nhân dẫn đến đau khổ không còn nơi nội lòng mình nữa, thì ngay khi đó chúng ta ở cảnh giới Cực Lạc.

Mười tập nhân này ở trong Tứ Diệu Đế, là bản tuyên ngôn chính yếu của đạo Phật. Do vậy tất cả những giáo lý, những đường lối, những pháp môn nào hướng dẫn người khác tu tập mà không nói đến Tứ Diệu Đế, hoặc bỏ qua Tứ Diệu Đế thì xem như thiếu phần căn bản. Ở đây khởi đầu bản Kinh, Đức Phật đã nói đến Tứ Diệu Đế, nhưng không nói theo cách bình thường là nói Khổ đế trước; ngược lại, Phật nói Tập đế trước. Đây là một phương tiện khéo léo của Đức Phật. Nhiều người đọc Kinh này họ chỉ nghĩ qua mười muôn ức cõi ở phương Tây, là ở hướng Đông hướng Tây, do đó họ nghĩ rằng bản Kinh này đi lệch với Tứ Diệu Đế là Pháp ban đầu của Đức Phật thuyết để độ năm anh em ông Kiều Trần Như.

Theo kiến giải từ đầu, chúng ta nhận thấy rằng khởi đầu tông phái Tịnh Độ vẫn giữ nguyên được bản chất thực, vẫn giữ được nền tảng thực của giáo lý đạo Phật trên căn bản Tứ Diệu Đế, đã có sự gặp gỡ nhau từ ban đầu giữa các tông môn về đường lối chỉ dạy của Đức Phật là phải diệt trừ mười tập nhân đau khổ để đạt được giác ngộ giải thoát.

3. Cõi Cực Lạc không có tám khổ.

Chúng sanh có ba cái khổ căn bản: Khổ khổ, hành khổ, hoại khổ. Cái khổ của thân là sanh, già, bệnh, chết. Hoặc trong lúc sanh ra bị bức ngặt, trong khi sinh hoạt có cái khổ của thân và tâm, đồng thời lại chịu thêm cái khổ vì ngoại cảnh, vì thế, khổ chồng chất thêm khổ, gọi là khổ khổ. Cái khổ đó có mặt trong cuộc sống mình từ nhỏ cho đến lớn, từ giờ này qua giờ khác, gọi là hành khổ. Sự vận hành của cuộc sống này còn thì khổ đau sẽ còn kéo dài suốt cuộc đời của chúng ta, cho đến lúc chúng ta già yếu bệnh tật, gọi là hoại khổ. Những cảnh giới, những sự việc chúng ta thấy biết trong cuộc đời này nó chỉ tồn tại một giai đoạn nào đó rồi nó hư hoại cũng gọi là hoại khổ. Đó là ba cái khổ căn bản và có tám cái khổ nữa là: sanh, già, bệnh, chết khổ, cầu bất đắc khổ, ái biệt ly khổ, oán tăng hội khổ và ngũ ấm xí thành khổ.

Đức Phật nói ở cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà tuyệt nhiên không có tám cái khổ này. Nếu một người nào trong lòng không hết tham, sân, si, thì dứt khoát người đó không bao giờ hết khổ được. Vì vậy khi vượt qua được ba muôn ức cõi đầu, muôn ức thứ nhất là tham, muôn ức thứ hai là sân, muôn ức thứ ba

là si, phá được si mê thì người đó cũng có khả năng chứng đạo quả, nên người đó hết khổ. Còn mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến thì không người nào có thể an vui khi còn mười tập nhân này trong tâm. Chúng ta phải kiểm tra lại việc tu của mình, mình coi mười tập nhân còn nơi lòng mình không, nếu còn thì biết mình chưa hết khổ.

Kinh Tịnh Độ cũng đặt điều đó làm đầu. Tất cả những người muốn được giác ngộ giải thoát, nếu không lấy đây làm nền tảng thì việc giải thoát đó chúng ta phải xét lại hết. Người nào không hết mười tập nhân theo trong Kinh nói mà hưởng an lạc, thì dứt khoát không có điều đó. Tiêu chuẩn ban đầu của tất cả chúng sanh hướng về phương Tây là phải dứt dứt mười tập nhân thì sẽ đến cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Người nào không còn mười tập nhân thì người đó hết đau khổ, đây là việc đương nhiên thôi.

Cõi Cực Lạc không có sanh khổ. Trong lý luận của hệ thống Kinh Tịnh Độ việc sanh khổ không bao giờ có, vì chúng sanh được hoa sen hóa sanh chứ không phải được bà mẹ mang thai chín tháng mười ngày sanh ra như ở cõi Ta Bà. Phước báu của người khi được sanh về cảnh giới Cực Lạc, họ muốn cái gì cái đó hiện

tới. Sự an vui, hạnh phúc và phước báu liền có với công đức tu hành của mình, hiện theo ý muốn của mình. Nếu chúng ta ở tại đây dứt trừ hết mười tập nhân đau khổ rồi thì trong lòng chúng ta không bao giờ sanh khởi để gây bất an trong nội lòng, thì đau khổ hoàn toàn không có. Đó là chúng ta đang ở cảnh giới Tây Phương Cực Lạc. Tùy phước báu mà chúng ta hưởng thụ tương ứng những gì có trong tam giới này.

Cõi Cực Lạc không có già bệnh chết khổ.
Về tuổi thọ, người đang ở cảnh giới Tây Phương Cực Lạc họ sống vô lượng vô biên tuổi, chúng sanh trong cõi đó không già, không bệnh và chết hoàn toàn không có. Vì A Di Đà là Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang nên tuổi thọ chúng sanh ở đó là vô lượng. Những người được hoa sen hóa sanh thì không bao giờ bị già bị chết.

Cõi Cực Lạc không có cầu bất đắc khổ.
Ở cõi Cực Lạc chúng ta không phải vì vật chất mà làm lụng cực khổ, không phải vì tiền bạc, vì danh lợi cầu được cái này cái kia mà chỉ cần khởi niệm là có liền. Vì phước báu của người về Tây Phương Cực Lạc là đủ hết, không có cái gì mà cầu không được, chỉ còn một việc duy nhất là chưa thành Phật thôi, nên cầu bất đắc khổ là không có.

Cõi cực lạc không có oán tắng hội khổ.
Khi ở cảnh giới Cực Lạc toàn những vị thượng thiện nhân, là những vị sống làm thiện tới mức độ tối cao, họ đủ phước đức lắm mới có thể sanh về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, cho nên họ luôn thương người, hoàn toàn không hề thù oán nhau. Ở Ta Bà, chúng ta còn giận người này, còn hờn người kia được, chứ về đó chúng ta muốn cái gì thì người kia đã giúp liền trước khi mình nghĩ, cho nên không bao giờ có chuyện oán tắng hội khổ. Ở đó toàn là những vị Bồ Tát, vị Thanh Văn có trí tuệ giác ngộ.

Cõi Cực Lạc không có ngũ ám xí thạnh khổ. Ở cõi Cực Lạc, thân được được kết tinh từ hoa sen, từ tinh hoa tu tập của họ mà sanh phước báu cảm thành thân, không phải cái nhục thân này, cho nên ngũ ám xí thạnh khổ là hoàn toàn không có.

Về mặt sự chúng ta có thể hiểu ngang chừng đó, về mặt lý pháp thì tuyệt nhiên các điều khổ này không có. Vì nếu ở nơi lòng không còn tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến thì trong lòng người đó đã tịch lặng hoàn toàn. Tịch lặng hoàn toàn thì mới được sanh về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc được diện kiến Đức Phật A Di Đà, ánh sáng vô lượng hiện ra.

Người đó hòa nhập trong ánh sáng vô lượng đó, tuyệt nhiên không hề có móng niệm tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến.

Cho nên một người dứt được mười tập nhân đau khổ theo trình tự của Tứ Diệu Đế là đã đạt được Diệt đế, chứng quả Niết Bàn. Hoàn toàn dứt hết những mầm móng đau khổ trong sanh tử, nên tất cả cái khổ đó tìm không ra. Chúng ta hiểu rằng dứt được mười tập nhân là đạt cảnh giới yên tịnh của Niết Bàn, là chúng ta đã hòa nhập vào Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang. Đó là cảnh giới Tự Tánh tuyệt nhiên thanh tịnh, tuyệt nhiên bản ngã không còn nữa, không còn chấp thân ngũ uẩn thì không có năm ấm xí thạnh khổ nữa, không còn tham sân si vì ngã chấp cũng tiêu tan. Dứt hết mười tập nhân là tuyệt mất hết bản ngã, cho nên hoàn toàn vui. Vui đó mới thật sự là vui.

Ví dụ chúng ta là một chúng sanh bình thường, nghe nói cảnh giới Cực Lạc A Di Đà là mình bắt đầu niệm Phật để quyết lòng về đó, nhưng khi về bên đó bản ngã vẫn còn thì chúng ta vẫn còn khổ đau. Nếu còn tham, sân, si thì chúng ta mang hiểu biết tri thức ấy về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, lấy gì để chặn dứt việc phải trở lại cõi Ta Bà này.

Một chúng sanh còn đủ tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến thì làm sao ngăn hết những khổ đau? Nếu chúng ta không bỏ được mười tập nhân thì đừng nói tới chuyện an vui, có vui cũng vui cho có, may lắm thì lâu lâu mới nở nụ cười nhưng vừa cười vừa lấy tay quẹt nước mắt, không bao giờ cười trọn vẹn. Nếu lý luận theo kiểu một chúng sanh còn nghiệp chướng mà được tiếp rước về Tây Phương Cực Lạc thì chuyện đó sẽ không bao giờ có. Đứng ở chiều hướng đó mà nhìn thì điều này sẽ không phù hợp với Kinh điển và sai với ý chỉ của Phật Tổ. Phật Tổ không bao giờ khuyên chúng ta nên chết ở cõi này để được sanh về cõi kia. Mà ý Phật Tổ muốn dạy chúng ta phải dứt mười tập nhân đau khổ mà thôi.

4. Tịnh Độ được chia làm bốn cõi.

Trong hệ thống Tịnh Độ đề cập đến cảnh giới Tây Phương Cực Lạc có bốn cõi: Cõi Phàm Thánh Đồng Cư, cõi Phương tiện Hữu Dư, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cõi Thường Tịch Quang.

Cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Có nghĩa là trong cảnh giới Cực Lạc, người phàm cũng được sanh về đó, người giác ngộ cũng sanh về

đó, chứng quả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát cũng sanh về đó gọi là Phạm Thánh đồng cư độ. Còn Ta Bà chúng ta đang ở là ngũ thú tạp cư, là người, a tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Cõi Cực Lạc chỉ có từ cõi người trở lên, ba cõi ác hoàn toàn không có, cho nên gọi là Tịnh Độ, quốc độ đó rất thanh tịnh.

Điều này đúng thôi, vì trong lòng không có ác niệm, không nghĩ chuyện phải giết hại người khác, thì cõi địa ngục hoàn toàn không có trong tâm chúng ta. Tham tâm, bòn sẻn, tánh ích kỷ hết thì tánh ngạ quỷ không còn sanh trong tâm chúng ta nữa. Và niệm tham dục, ăn chơi sa đọa, mất tư cách làm người để đời sau bị đọa vào súc sanh cũng không còn. Tất cả những ý niệm đó không còn nơi mình thì ba đường ác đóng cửa. Sở dĩ một người quy y đạo Phật không bị đọa ba đường ác, là vì người đó không có ác tâm để dẫn tới địa ngục cho nên không đọa địa ngục. Người đó không tham lam bòn sẻn để trở thành ngạ quỷ, người đó không còn mất tư cách làm người, không còn tham dục một cách bừa bãi để bị đọa vào súc sanh. Trong cõi giới Tây Phương Cực Lạc là loại trừ tham, sân, si trong lòng thì chỉ từ cõi người trở lên chứ ba đường ác hoàn toàn không có.

Học Kinh Pháp Hoa, phẩm Hiện Bảo Tháp, chúng ta cũng thấy điều này. Lúc Bảo Tháp sắp hiện Đức Phật dùng thần lực dời cõi trời và cõi người đi chỗ khác, chỉ còn chúng trong hội Pháp Hoa thôi. Cho đến địa ngục, nga quỷ, súc sanh không có, tại sao cõi người cõi trời cũng phải dời đi? Trước khi Bảo Tháp hiện ra thì dọn dẹp cõi Ta Bà của chúng ta trở nên thanh tịnh, sông ngòi, núi non cũng không còn, đất đai bằng phẳng hoá thành bảy báu để các vị Bồ Tát và các vị hoá Phật đi giáo hóa ở mười phương tập trung về. Chuẩn bị tòa sư tử cao đẹp cho các vị đó ngồi, cho nên phải dời cõi trời cõi người đi. Nhưng cõi người là cái gì? Cõi người là những người tu tập giữ năm giới, cõi trời là người tu Thập Thiện giữ mười giới. Lúc Bảo Tháp hiện là Bản Giác, Thủy Giác của chúng ta chuẩn bị hiện ra, tức là Tự Tánh chuẩn bị hiện thì không nói chuyện thiện và ác trong đó nữa. Thiện ác lúc đó không cần thiết, vì lúc đó chỉ tập trung những hóa Phật từ mười phương về, lúc đó chỉ toàn những ý nghĩ giác ngộ giải thoát. Do đó, cõi người cõi trời cũng phải dẹp qua mới hòa nhập và nhận ra Bản Giác thanh tịnh của mình, hòa nhập vào bề Tánh mới thấy được tháp Đa Bảo.

Nếu lúc đó tâm còn nặng về cõi người, chỉ giữ giới thanh tịnh thôi, thì không đủ trình độ để thấy Thập Bảo. Hoặc là chúng ta làm thiện cũng không đủ trình độ thấy Thập Bảo. Phải dẹp hết ý niệm cõi người, ý niệm cõi trời, chỉ thuần là ý niệm giải thoát giác ngộ thì họa chẳng chúng ta mới tiếp nhận được, mới thấy Thập Bảo. Ở đây lý luận gần gần giống như vậy. Kinh điển Đại Thừa có khi nói ở đây nhưng chúng ta phải hiểu ở phương Tây nào đó, cứ y văn kinh thì chúng ta không cách nào hiểu nổi. Chúng ta nên mở tâm ra không thể nhìn thẳng lý luận trên Kinh Pháp mà hiểu ý Kinh được đâu.

Cõi Phương Tiện Hữu Dư. Theo hệ thống Tịnh Độ diễn tả cảnh giới Cực Lạc A Di Đà làm bằng thất bửu: , lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu hiệp lại mà thành và chúng Thanh Văn đầy khắp cả hư không. Khi tâm của con người dứt hết mười tập nhân thì chứng quả A La Hán, đạt được Diệt Tận định. Tới tầng tâm đó không còn có niệm tham, sân, si nữa, không còn niệm thiện ác tâm thường, tâm đó phải vượt ngoài tam giới, đã giác ngộ hết lý Tứ Đế, để chứng quả A La Hán trở lên.

Cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Là cõi của các vị Bồ Tát. Người hiểu đạo lý Tịnh Độ, thì quốc độ ở đó đối với tâm của họ gần như thành một, không còn là hai nữa, dung nạp với tất cả cảnh giới trong cõi Tịnh Độ. Khi ngộ được lý không, tự giác và giác tha, người đó gọi là Bồ Tát, họ giác ngộ Tự Tánh, dung thông pháp giới, không còn ngăn ngại.

Cõi Thường Tịch Quang. Muốn nói tới cái thường yên tịnh mà hằng chiếu soi, là cảnh giới Tỳ Lô Giá Na Phật. Đây là cảnh chân thật nhất của Tự Tánh, là cảnh giới cao nhất của Tây Phương Cực Lạc. Nhà Thiền nói đó là Tự Tánh của mình, là sự thanh tịnh sáng suốt thường chiếu soi.

Đó là bốn cõi trong cảnh giới Tây Phương Cực Lạc mà bất cứ người nào, bất cứ chúng sanh nào nơi lòng cũng có bốn cõi này. Ví dụ như cõi Phạm Thánh Đồng Cư thì này giờ chúng ta ngồi đây vẫn có đủ phạm, Thánh trong lòng. Nhưng mình ngồi nghe pháp lại nghĩ rằng mình đã quy y đạo Phật, cố gắng giữ năm giới cho thanh tịnh để đủ phước đời sau làm người giàu có thôi. Đó là tâm phạm. Nếu có đạo lý mình nghĩ sâu hơn một chút thì ở trần gian dù giàu có cũng không thể so nổi với cõi

trời. Cõi trời sung sướng đến mức độ áo thì không cần may, không cần đo, tùy theo phước báu của mình tới ngày này thì có bộ áo này, ngày mai có bộ áo kia, tới giờ cơm thì tự nhiên bát bấu hiện ra để ăn, ăn vừa no, bát bấu tự động biến mất, khỏi mất công rửa v.v... còn nhiều phước báu hơn nữa, nên phát tâm tu để sanh về cõi trời. Như vậy là tăng tâm chúng ta cao được một chút. Đó là hai dạng chúng sanh đã có sẵn trong lòng chúng ta.

Rồi chúng ta thấy dù ở cõi trời vẫn bị sanh tử luân hồi, do đó phải quyết tâm tu để thoát khỏi tam giới này. Và khi tu dứt trừ được mười tập nhân đau khổ, chứng quả A La Hán thì ngang tầng với tâm của các vị Thanh Văn. Nếu cảm thấy quả A La Hán chưa phải là quả vị rốt ráo, chúng ta phát tâm tu tập để độ tận chúng sanh, thêm phước báu, có được trí huệ Phật, là chúng ta bắt đầu hành hạnh Bồ Tát, ngộ được lý Không, rồi chứng Thánh quả. Ngộ nhập được Tự Tánh của mình thì bắt đầu nâng cấp trí tuệ chúng ta ở tầng cao hơn nữa chứng quả Bồ Tát, dần dần chứng quả Phật. Như vậy là từ tâm niệm chúng sanh cho tới tâm niệm của Thánh Hiền có đủ nơi lòng chúng ta, gọi là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Việc này rất rõ, cho nên dù lý luận như thế nào, mà nhìn ngược ra bên

ngoài, về mặt sự cũng vẫn có khế ứng với tự tâm trong lý Tánh của chúng ta, nếu chúng ta biết phân biệt thì thấy rất rõ.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Lại trong cõi Cực Lạc có bảy tầng bao lơn, bảy tầng màn lưới, bảy tầng hàng cây, đều bằng bốn chất báu bao bọc giáp vòng. Vì thế, nước đó tên là Cực Lạc.

Xá Lợi Phất! Trong cõi Cực Lạc đó có ao bằng bảy chất báu, trong ao đầy đầy nước đủ tám công đức, đáy ao thuần dùng cát vàng để trải làm đất. , lưu ly, pha lê hiệp thành những thềm bậc, đường lối bên ao đều có bốn lầu gác cũng đều nghiêm sức bằng bảy báu , lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não. Trong ao có hoa sen lớn như bánh xe, hoa sắc xanh thời ánh sáng màu xanh, sắc vàng thời ánh sáng màu vàng, sắc đỏ thời ánh sáng màu đỏ, sắc trắng thời ánh sáng màu trắng, mầu nhiệm thơm tho trong sạch.

Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy.

Đức Phật bắt đầu giới thiệu về cảnh giới Cực Lạc có bảy tầng bao lơn. Bao lơn là lan can chung quanh bao bọc cảnh giới Cực Lạc,

bên ngoài đều làm bằng thất bảo, có bảy tầng màn lưới, bảy tầng hàng cây. Trong Đại Bản Kinh nói gốc cây này đối xứng gốc cây kia, nghĩa là hai gốc hai bên lớn bằng nhau, lá cây bên này lớn chừng nào thì lá cây bên kia cũng lớn chừng đó, nhánh bên đây lớn chừng nào thì nhánh bên kia lớn chừng đó. Bông trái của cây bên này có bao nhiêu, bên kia cũng có giống như vậy. Tất cả cây cối gần như được sắp đặt thứ lớp trật tự. Cây cỏ thụ ở đó không phải do trồng mà có, tất cả bao lam và lưới che hay lọng báu cũng không phải do làm ra. Tất cả cảnh giới cõi Cực Lạc đều do công đức của Đức Phật A Di Đà, do nguyện lực của Ngài tạo thành cảnh giới trang nghiêm thanh tịnh như thế.

Điều này làm cho chúng ta hứng khởi muốn về Tây Phương Cực Lạc để chiêm ngưỡng cảnh giới thanh tịnh đó. Vì cảnh Ta Bà của mình nào là sông hồ, ao suối, biển cả, sa mạc, rừng núi ... Muốn đi từ chỗ này sang chỗ khác phải có phương tiện xe cộ, ban đêm thì muỗi mòng và nhiều loại côn trùng khác gây bệnh tật, rồi khí độc và nước bẩn từ các xí nghiệp thải ra, vô số bệnh tật và vô số chuyện rắc rối bao quanh cuộc sống chúng ta. Cảnh giới Ta Bà thực sự ô trược, vì thế nghe Đức

Phật giới thiệu cảnh giới Cực Lạc tốt đẹp quá, chúng ta liền mong muốn về đó. Người nào không muốn về Cực Lạc là uổng cả một đời tu của mình.

Chúng tôi nói một câu chuyện để quý vị thấy được lý này. Sau khi Ngài Lục Tổ Huệ Năng được Ngũ Tổ mời vào thất riêng lúc canh ba, giảng cho nghe Kinh Kim Cang, đến câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, Ngài Huệ Năng ngay lời đó đại ngộ, thấy tất cả muôn pháp chẳng lia Tự Tánh, liền thưa Tổ rằng:

"Đâu ngờ Tự Tánh vốn tự thanh tịnh,
Đâu ngờ Tự Tánh vốn không sinh diệt,
Đâu ngờ Tự Tánh vốn tự đầy đủ,
Đâu ngờ Tự Tánh vốn không dao động,
Đâu ngờ Tự Tánh hay sanh muôn pháp".

Tự Tánh hay sanh muôn pháp, tức là đối với những cái đẹp của trần gian này thì Tự Tánh đủ sức để sanh ra. Và còn một câu nữa làm rõ những điều cho người mới học đạo. Nghiêm phụ của ngài Huệ Năng vốn quán ở Phạm Dương, bị giáng đầy ra Lãnh Nam, làm thường dân ở Tân Châu. Thân này bất hạnh, cha lại mất sớm, mẹ góa con cô đời đến Nam Hải, gian nan nghèo khổ, thường ra chợ bán

củi. Khi ấy có người khách mua, bảo gánh đến khách điểm, khách nhận củi xong, ngài Huệ Năng lãnh tiền, lui ra khỏi cửa, thấy một người khách tụng Kinh, ngài Huệ Năng một phen nghe lời Kinh, tâm liền khai ngộ, bèn hỏi khách tụng Kinh gì. Khách bảo: “Kinh Kim Cang”. Ngài Huệ Năng lại hỏi: “Ở đâu đến thọ trì Kinh này”. Khách bảo: “Tôi từ chùa Đông Thiên, huyện Huỳnh Mai, Kỳ Châu đến. Chùa ấy do Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn Đại sư làm chủ giáo hóa, đệ tử có hơn một ngàn người. Tôi đến đó lễ bái, nghe nhận Kinh này. Đại sư thường khuyên kẻ tụng người tụng chỉ trì Kinh Kim Cang liền được thấy tánh, thẳng đó thành Phật”. Ngài Huệ Năng nghe nói, do đời trước có duyên, mới được một người khách cho ngài Huệ Năng mười lượng bạc để giúp nuôi dưỡng mẹ già và bảo đến Huỳnh Mai tham vấn Ngũ Tổ.

Ngài Huệ Năng an trí mẹ xong liền từ giã ra đi, không hơn ba mươi ngày liền đến Huỳnh Mai lễ bái Ngũ Tổ. Tổ hỏi: “Người từ phương nào đến, muốn cầu vật gì”. Ngài Huệ Năng đáp: “Đệ tử là dân Tân Châu thuộc Lãnh Nam, từ xa đến lễ Thầy, chỉ cầu làm Phật, chớ không cầu gì khác!” Tổ bảo: “Ông là người Lãnh Nam, lại là người quê mùa, làm sao kham làm Phật?” ngài Huệ Năng liền đáp: “Người tuy có Nam Bắc,

nhưng Phật Tánh vốn không có Nam Bắc, thân quê mùa này cùng với Hòa thượng chẳng đồng, nhưng Phật Tánh đâu có sai khác”.

Ngũ Tô muốn cùng Ngài nói chuyện, lại thấy đồ chúng hai bên đông, mới bảo theo chúng làm công tác. Ngài Huệ Năng thưa: “Huệ Năng xin bạch Hòa thượng, tự tâm đệ tử thường sanh trí huệ, không lìa Tự Tánh tức là phước điền, chưa biết Hòa thượng dạy con làm việc gì?” Tô bảo: “Kẻ nhà quê này, căn tánh rất lanh lợi, ông chớ nói nữa, xuống nhà trừ đi”. Ngài Huệ Năng lui lại nhà sau, có một người cư sĩ sai ngài Huệ Năng bửa củi, giã gạo, trải qua hơn tám tháng.

Người học đạo phải thấy được điều này, thấy rất rõ là khi không lìa Tự Tánh là phước điền vô thượng, không còn phước đức nào có thể so sánh bằng. Phước điền đó không thể trang trí bằng những vật phẩm của trần gian này mà được, cho nên nói cảnh giới Cực Lạc làm bằng bảy báu thì cũng chưa đủ. Nếu như chúng ta tu tập đến một giai đoạn nào đó, một phen chúng ta thấy tất cả cõi giới này làm bằng thất bảo, và hiện tại Đức Phật Thích Ca vẫn đang diễn nói Diệu Pháp Liên Hoa ngay bây giờ, tại đây và mãi mãi về sau. Diệu Pháp Liên Hoa luôn được thuyết giảng trong thế gian này

không bao giờ đoạn dứt, thì chúng ta sẽ hiểu bao lơn làm bằng thất bảo, màng lưới làm bằng thất bảo, và lọng báu làm bằng thất bảo.

Khi đó một hòn đất để bên cạnh một lượng vàng mà tâm chúng ta không thấy sai biệt, không so sánh phân biệt cao thấp, thì lúc đó chúng ta sẽ hiểu được trong cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà có điều này. Trong tự tâm chúng ta khi dứt hết mười nghiệp ác là đã đạt đến sự bình đẳng, lúc đó những cây cột trong nhà này, cái nóc chùa này và chung quanh lan can của chùa lúc đó sẽ trở thành thất bảo. Bây giờ nó còn là xi măng, nhưng một lúc nào đó quý vị ngồi thiền nhắm mắt lại, rồi mở mắt ra nhìn thấy chùa này đẹp mà không thể hơn nó, thì chúng ta sẽ hiểu ở Tây Phương Cực Lạc có đủ cái gì và nơi mình có cái gì.

Bởi vì từ đầu chúng ta đã khẳng định Tây Phương Cực Lạc là gì rồi. Cho nên nói tới những cái ở Tây Phương Cực Lạc tức là nói tới những cái đã có sẵn trong tự tâm chúng ta, chứ không phải cảnh giới bên ngoài. Và thất bảo nói theo lý luận thường tình thì chúng ta cũng có. Đó là bảy điều quý báu: lòng tin, giới, văn, tầm, quý, xả, trí huệ.

Một là lòng tin. Hai là giới, là sự nghiêm trì giới luật. Ba là văn, là người siêng năng học hành để tìm hiểu chân lý chánh Pháp. Bốn là tâm, là tự thẹn với mình mà âm thầm không làm. Ví dụ mình thấy điều đó sai với chánh Pháp, nếu mình làm điều đó thì người khác cũng không biết, nhưng mình vẫn không làm.

Hoặc ban đêm nóng nực, người Phật tử nam có thể cởi trần để ngủ nhưng tu sĩ cởi trần mất oai nghi, mình tự thấy sai không đúng với giới luật tự động mình mặc đồ trang nghiêm để ngủ chấp nhận nóng nực. Năm là quý, đối với mọi người việc đó mình thấy sai trái, dù đem lại lợi cho mình, mình vẫn không làm. Thứ sáu là xả, là buông bỏ hết những cái có nơi mình, buông xả hết những tâm niệm chấp trước sai lầm từ ngàn xưa tới giờ ở nội tâm mình. Bên ngoài chúng ta không chấp trước về vật chất; không chấp trước về tài, sắc, danh, thực, thù; chúng ta biết buông bỏ hết những thứ đó cho trần gian này. Thứ bảy là trí huệ để nhận định được việc đúng, sai, hay, dở trong cuộc sống; huệ là để nhận ra chân, ngụy, chánh, tà; và huệ đó cũng nhận được lý Tánh chân thật của vạn pháp và Tự Tánh chân thật của chính mình.

Trong chúng ta đều có bảy điều quý này gọi là thất bảo, chỉ cần khai thác là cuộc sống trở nên tốt đẹp theo bước chân của Thánh Hiền. Tất cả chúng ta cần thường xuyên thực hành bảy điều này, là thường xuyên có thất bảo trong nhà. Và dùng bảy thứ báu này trang trí cảnh giới tự tâm, trang trí cảnh giới đạo tràng của chúng ta đang sống. Trong đạo Phật, người nào có bảy điều này thì giàu có, mà thiếu bảy điều này thì dù ở nhà cao cửa rộng cũng vẫn là người nghèo nàn vì không có đầy đủ thất bảo.

Thất bảo ở cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta có thể hiểu người đó có đầy đủ niềm tin, người đó gìn giữ giới luật thanh tịnh, người đó đa văn học hiểu giáo lý, người đó biết tâm, biết quý, biết xả và người đó có đầy đủ trí huệ. Có nghĩa là người đang tu để quay về với Tự Tánh chân thật của mình phải luôn có đầy đủ Thất Thánh Tài, luôn luôn sung mãn nơi nội lòng thì người đó mới có thể ở yên trong cảnh giới Tây Phương Cực Lạc. Người nào thiếu bảy của báu này thì không chắc ở yên vui nơi nội lòng của mình. Cho nên Tây Phương Cực Lạc toàn trang trí bằng thất bảo. Tất cả những người tu cần phải nung nấu, đốt cháy, gìn giữ, không được phép khiếm khuyết bảy đức tánh quý báu này. Đó là người giàu có trong Phật Pháp.

Ở Tây Phương Cực Lạc, các lưới báu, các hàng cây được trang trí bằng thất bảo là Thất Thánh Tài, không phải trang trí bằng cách trồng cây, cột phết thêm vàng, kim cương, pha lê, trân châu... Đối với trần gian thì kim cương, trân châu là quý, còn đối với Phật Pháp thì Thất Thánh Tài mới thực sự quý. Vì thế, ở cảnh giới Tây Phương Cực Lạc là ở trong cảnh giới sáng suốt thanh tịnh của tự tâm, thì phải dùng những tài bửu này để trang trí.

Trong cõi Cực Lạc có ao nước đủ tám công đức, đáy ao thuần bằng cát vàng. Tám công đức của nước là lóng trong sạch sẽ, trong ngần mát mẽ, ngon ngọt, nhẹ nhàng mềm mại, thấm thía không khô nám, yên lành hòa đẹp, hết đói đã khát, nuôi lớn những căn lành.

Một là nước lóng trong, rất sạch sẽ, hoàn toàn không có đục nhơ. Còn nước ở cõi Ta Bà dù nước sông, nước biển, nước gì đi nữa cũng trần cấu, cũng dơ đục. Người chưa vượt qua được mười tập nhân để về Tây Phương Cực Lạc thì người đó còn sống trong nước ái, nước nhiễm nhơ, nước đau khổ, không thể gọi là nước trong sạch được. Cho nên Đức Phật nói trong bốn châu thiên hạ, biển nước mênh mông cũng không bằng nước mắt của chúng sanh đã từng khóc từ ngàn xưa cho tới bây giờ. Khi một

người có nước ái thấm nhuần rồi, người đó luôn đau khổ không thể ở cảnh giới Cực Lạc được. Còn qua cảnh giới Cực Lạc là nước phải đứng yên, trong sạch, không bao giờ có đục nhơ.

Thứ hai là trong ngần, mát mẻ. Nước đó vừa sạch, vừa trong, mát mẻ, không làm rỉ sét, không có bất cứ bọt nhơ nào. *Thứ ba là ngon ngọt,* đủ mùi vị, tùy theo phước của người nào mà chúng ta ngậm miếng nước vô chúng ta nghe vị khác. Ví dụ ở vùng quê mình uống nước đun sôi, người giàu hơn chút thì uống nước trong chai tốt hơn, mùi vị cũng khác. Phước người càng cao chừng nào thì họ thưởng thức mùi vị càng cao sang, ngọt dịu chừng đó. Đối với người ở cảnh giới Cực Lạc thì mức ngon ngọt của nước tùy theo phước của từng người mà cảm nhận khác nhau.

Ví dụ phước của Đức Phật khi đặng tới tất cả mọi cái đều biến thành cam lồ. Có câu chuyện trong một năm Đức Phật nhập hạ, vị vua A Kỳ Đạt mời Đức Phật đến để cúng dường trong ba tháng hạ. Nhưng lúc Đức Phật cùng với năm mươi vị Tỳ kheo đến trú xứ của vua, thì ông vua này bị ma ám, lo ăn chơi quên cúng dường Đức Phật và chúng Tăng. Lúc đó ông giữ ngựa buộc phải lấy lúa ngựa cúng dường Đức Phật và chư Tăng, Đức Phật vẫn ăn

bình thường, còn chúng Tăng ăn không nổi.

A Nan thấy vậy đau xót, nói rằng “Thưa đấng Thế Tôn, Ngài là Thầy của trời người mà phải ăn lúa ngựa, con rất đau xót”. Đức Phật bảo A Nan đến gần và lấy một hạt lúa ngựa để vô miệng A Nan. A Nan thốt lên rằng “Thượng vị này ở trần gian không bao giờ có, đây là điều gì con không hiểu nổi?” Đức Phật nói “Đây là phước báu của Ta, dù thuốc cực độc của trần gian này người ta uống vào là chết liền, nhưng đối với Ta, thuốc độc nó cũng biến thành cam lồ”. A Nan thưa rằng Ngài đã được Đức Phật cho đi nhiều nơi, đã thọ dụng sự cúng dường của những vị chư Thiên, nhưng những thượng vị đó không sánh bằng hạt lúa ngựa mà Phật bỏ vào miệng Ngài.

Bản thân chúng ta cũng vậy, lúc có sức khỏe ăn cơm thấy ngon, bữa nào mệt đã dưới thì tất cả mùi vị trở nên nhạt nhẽo không ngon ngọt, đó là phước chúng ta hết, chúng ta bị bệnh. *Thứ tư là nước trong ao đó nhẹ nhàng mềm mại, thanh thoát* khiến chúng ta dễ dàng nổi lên hay lặn xuống. *Thứ năm là nhuần gội, thấm thía không khô nhám. Thứ sáu là yên lành, hòa đẹp, yên lặng, chậm rãi, chẳng có dâng trào.* Trong hồ nước chảy từ từ để chúng ta vô tâm rửa mát mẻ, không có trào dâng. *Thứ*

bảy là hết đói, đã khát. Thứ tám là nước đó nuôi lớn các căn lành.

Nơi tự tâm chúng ta cũng có đầy đủ bát đức này. *Một là nước ở cảnh giới Cực Lạc lóng trong sạch sẽ.* Nghĩa là khi chúng ta dứt trừ được mười tập nhân, nước tâm chúng ta không còn cấu bẩn bởi tham sân si, tự động lóng trong sạch sẽ. *Thứ hai là nước ở Cực Lạc trong ngần mát mẻ, ngọt ngon béo bổ đủ tất cả các mùi vị.* Khi tâm chúng ta trong sạch rồi, chúng ta gặp người nào thì tùy theo tâm đó mà vui buồn khác nhau. Ví dụ chúng ta là phật tử đến đạo tràng tu tập tốt, có đầy đủ giáo lý cho chúng ta tu học đàng hoàng thì chúng ta sẽ cảm nhận được hương vị Phật Pháp tùy theo trình độ phước báu tu tập của mình. Hoặc mình ngồi yên, tâm chúng ta hoàn toàn lắng đọng thì chúng ta cảm nghe sự an ổn, nhẹ nhàng, thư thới trong tự tâm, đó là hương vị Phật Pháp ngọt ngon để nuôi lớn căn lành chúng ta. Còn tâm chúng ta dao động thì dù có ngồi ba năm đi nữa chúng ta vẫn thấy khổ đau, càng ngồi càng thấy tê chân, càng thấy nhức mình, chứ không cảm nhận được Phật Pháp. Cảnh giới chùa chiền đối với chúng ta cũng vậy, nếu tâm chúng ta yên thì đến chùa thấy vui, hôm nào mình buồn bực thì vô chùa thấy tượng Phật cũng không vui. Tất cả

mọi cái xảy ra từ tâm của mình.

Thứ ba là ngọt ngon béo bổ đủ thứ mùi vị, và thứ tư là nhẹ nhàng mềm mại. Thật sự một người tâm bớt dao động rồi thì việc đi đứng, nói năng, thấy nhìn của họ, oai nghi cử chỉ rất là mềm mại, rất là dễ nhìn. Từ tâm toát ra bên ngoài cái hình tướng và những lời nói, cử chỉ, hành động của họ đều thấm nhuần Phật Pháp để giúp ích cho mọi người, làm lợi cho trần gian này. *Thứ năm và thứ sáu, là yên lành hòa hợp.* Trong tâm chúng ta không còn dao động thì luôn yên lành, khi cư xử với tất cả mọi người không chống trái, hòa thuận với nhau. *Thứ bảy là hết đói khát.* Đối với người thấm nhuần Phật Pháp, dứt trừ được mười nghiệp ác thì người đó no đủ, giống như lấy Thất Thánh Tài trang bị cho cuộc sống mình, người đó không bao giờ thiếu thốn, cho nên việc đói khát không bao giờ có. Nếu quý vị có gặp người mà thực sự thấm Phật Pháp, cuộc sống của họ ngoài việc học đạo lý ra không còn việc thứ hai nữa. Không bao giờ họ thiếu thốn tìm cầu thêm cái gì, luôn luôn đầy đủ, dù hoàn cảnh nghèo nhưng với họ vẫn đủ. Cho nên công đức của nước ở cảnh giới Tây Phương Cực Lạc có khả năng làm cho chúng ta hết đói khát.

Và công đức thứ tám, luôn nuôi lớn tất cả căn lành. Có nghĩa khi đặng tới nước ở Tây Phương Cực Lạc, thiện căn chúng ta luôn luôn được tăng trưởng, không bao giờ đi vào con đường ác, không bao giờ làm việc tội lỗi nếu chúng ta được thấm nhuần trong nước công đức đó. Nước công đức này tượng trưng cho nước Pháp trong đạo Phật, tượng trưng cho cái thanh tịnh sáng suốt mà chúng ta được thấm nhuần từng giờ từng phút từng giây.

Từ nơi Tự Tánh thanh tịnh sáng suốt phát động ra những điều lành, điều tốt để nuôi lớn thiện căn của chúng ta. Cũng như nước có đầy đủ tám công đức, để gội rửa, thấm nhuần, dìu dẫn, bảo bọc chúng ta từng ngày từng giờ yên ổn trong cảnh giới đó mà tu tập thẳng tiến đến giác ngộ giải thoát. Đó là tám công đức của nước trong ao nước ở cảnh giới Tây Phương Cực Lạc.

Đáy ao thuần bằng cát vàng. Và một điều nữa là đáy của hồ đó làm bằng vàng ròng, không xen tạp. Đất ở cảnh giới Tây Phương Cực Lạc cũng bằng vàng ròng, đầy đủ, không xen tạp. Điều này nhằm chỉ mảnh đất tâm của chúng ta không hề có sự xen tạp, cũng như Tự Tánh không hề có sự cấu bần. Vàng ròng là nói

sự thuần khiết, thanh tịnh, sáng suốt không nhiễm như trên mảnh đất tâm của chúng ta, cũng như trên mảnh đất Tây Phương Cực Lạc. Đây là cảnh giới tự tâm của chúng ta luôn có sự đầy đủ sự thanh tịnh sáng suốt, không nhiễm như, không tạp loạn.

Ngoài ra, trên thêm bậc của Cực Lạc cũng trang trí bảy báu, có lầu gác rất đẹp bằng bảy thứ báu. Khi tâm chúng ta yên ổn, thanh tịnh thì nơi nơi chỗ chỗ đều đẹp. Khi chúng ta tạp loạn thì chỗ nào cũng không thể đẹp được. Nếu trong tâm chúng ta đang nóng giận mà đưa về Cực Lạc thì cũng thấy toàn là đồ lửa, không thanh tịnh được. Như cơn giận chúng ta chưa dần xuống mà đưa chúng ta vô nhà lầu cao hai mươi tầng có máy lạnh, trang trí đủ thứ đẹp, lúc đó đối với mình không cách nào đẹp được. Cho nên, cảnh giới Tây Phương Cực Lạc có những cái đẹp là do tự tâm chúng ta hiện ra cảnh báu đó.

Cũng có bản Kinh khác nói về bát công đức. Đức thứ nhất là tánh lóng đưng, trong sạch, nghĩa là cái không nhiễm như nơi Tự Tánh chúng ta. Đức thứ hai là Tự Tánh không phiền não, là cái trong lành mát mẻ. Thứ ba, trong Tự Tánh là đức ngọt ngon, không bao giờ có ý niệm ác, không có lời nói ác, không có

hành động ác. Thứ tư là Tụ Tánh vô ngã, là đức nhẹ êm, người đó diệt hết tất cả ngã chấp. Thứ năm là Tụ Tánh không dứt mất, là đức nhuần lán. Thứ sáu là Tụ Tánh không bạo tàn, là đức an hòa của chúng ta. Trong Tụ Tánh không bao giờ có sự tranh chấp, hung ác, bạo tàn. Thứ bảy là Tụ Tánh không có thiếu thốn, là đức trừ đói khát. Tụ Tánh chúng ta luôn tụ đầy đủ, không bao giờ bị thiếu thốn cái gì. Thứ tám là Tụ Tánh chúng ta sanh ra tất cả muôn điều lành, là đức nuôi lớn căn lành.

Như vậy nơi Tụ Tánh chúng ta có đầy đủ tám công đức. Trang nghiêm cảnh giới Tây Phương Cực Lạc là gội rửa tự tâm chúng ta đạt đến sự trong sạch, chứ không phải trang nghiêm cảnh giới Tây Phương Cực Lạc là chúng ta xây dựng, làm điều này điều kia cho đẹp để cảnh giới bên ngoài. Đây là điều chúng ta phải hiểu, vì tất cả Kinh điển Đại Thừa không diễn tả cảnh giới bên ngoài đẹp như chúng ta đã thấy, mà muốn nói rõ về tự tâm chúng ta có đầy đủ tất cả công đức như vậy.

“Trong ao có hoa sen lớn như bánh xe, hoa sắc xanh thời ánh sáng màu xanh, sắc vàng thời ánh sáng màu vàng, sắc đỏ thời ánh sáng màu đỏ, sắc trắng thời ánh sáng màu trắng, nhiệm màu thơm tho trong sạch.”

Hoa sen cõi Cực lạc có bốn đức là vi, diệu, hương, khiết. "Vi" là có hình mà không có chất toàn là ánh sáng. "Diệu" là các hoa đi qua lẫn nhau không chướng ngại. "Hương" là hương thơm vi diệu. "Khiết" là vì không có chất nên bụi không thể bám vào.

Hoa sen có bốn đức thì thân sanh ra cũng có bốn đức. Cảnh giới trang nghiêm này đều do chí và hạnh hùng vĩ của Đức Phật A Di Đà mà cảm thành. Chúng sanh cũng phải do nhân thiện căn duyên phúc đức mà được hưởng. Vì thế người tu Tịnh Độ thường phát nguyện:

*"Nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung.
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu"*

Nghĩa là nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Thân là liên hoa hóa sanh chớ không phải do thân cha mẹ sanh nên gọi là chín phẩm hoa sen làm cha mẹ. Để rõ hơn chúng ta cùng tìm hiểu ý nghĩa của cửu phẩm liên hoa.

5. Ý nghĩa cửu phẩm liên hoa.

Thượng Phẩm : có 3

1. Thượng Phẩm Thượng Sanh
2. Thượng Phẩm Trung Sanh
3. Thượng Phẩm Hạ Sanh.

Trung Phẩm: có 3

4. Trung Phẩm Thượng Sanh

5. Trung Phẩm Trung Sanh

6. Trung Phẩm Hạ Sanh

Hạ Phẩm: có 3

7. Hạ Phẩm Thượng Sanh

8. Hạ Phẩm Trung Sanh

9. Hạ Phẩm Hạ Sanh.

Đó là chín tầng bậc của cảnh giới Tây Phương Cực Lạc chúng ta an trụ về sống ở đó.

1. *Thượng Phẩm Thượng Sanh* : Người muốn sanh về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc cao nhất là Thượng Phẩm Thượng Sanh. Đầu tiên là phải khởi ba tâm: chí thành tâm, thâm trọng tâm, hồi hướng tâm và phát nguyện Đại Thừa tu pháp niệm Phật. Khi lâm chung được thấy Phật và Thánh chúng nhiều vô lượng tự thân được ngồi trên toà kim cương, chỉ trong một chớp mắt được sanh về Tây Phương Cực Lạc. Ngay khi đó được Phật khai thị khai mở trí tuệ chứng vô sanh nhẫn. Trong phút chốc diện kiến Chư Phật mười phương, trình tự được Chư Phật thọ ký, trong phút giây ấy liền trở về Cực Lạc chúng đặng pháp môn Tổng Trì Đà La Ni đến

vô số.

Chí thành tâm nghĩa là vừa thành tâm vừa thiết tha tu tập, đó là điều kiện đầu tiên của tất cả những người tu theo pháp môn nào cũng vậy, không riêng gì pháp môn Tịnh Độ. Không có tâm khẩn thiết thì không thể thăng tiến trên bước đường công phu được, vì gặp khó khăn trở ngại chúng ta sẽ nản lòng lùi bước.

Người tu Tịnh Độ có tâm chí thành về Tây Phương Cực Lạc nghĩa là chí thiết trong từng giờ, từng phút, từng giây chỉ nghĩ đến việc duy nhất là giác ngộ giải thoát mà thôi, không có việc thứ hai.

Thâm trọng tâm nghĩa là không phải tu cho có lệ cho qua ngày tháng. Mà đó là cái gì rất thâm sâu, cứ ngấm ngấm và mầu nhiệm ở trong tâm chúng ta. Khiến cho tất cả các thú vui của trần gian không còn hấp dẫn chúng ta được, không có giá trị gì nữa ngoài công phu tu tập. Điều đó trở thành quan trọng nhất trong cuộc đời mình. Pháp môn đó là cái gì tối thượng đối với chúng ta. Với thâm trọng tâm, ngày đêm chúng ta luôn đặt mình trong đạo lý tu học để được giác ngộ giải thoát, không còn việc gì khác nữa.

Hồi hướng tâm nghĩa là chúng ta tu ít hay nhiều, làm việc gì dù nhỏ hay lớn không phải để được lợi ích cho bản thân mình, không phải tu để cho riêng mình được thanh tịnh giác ngộ mà vì muốn thành tựu đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và vì lợi lạc tất cả chúng sanh trong pháp giới nên chúng ta nỗ lực tu hành.

Ngoài ra chúng ta phát tâm Đại Thừa vì thấy chúng sanh còn lầm mê đau khổ trong cõi luân hồi này, cho nên chúng ta nguyện rằng phải đạt được giác ngộ giải thoát hoàn toàn để hướng dẫn tất cả chúng sanh đều được quả vị Phật như chúng ta và được một chút nào an lạc, được sự giải thoát lớn hay nhỏ, sâu hay cạn cũng đều chia sẻ cho tất cả chúng sanh trong khắp mười phương pháp giới. Trong lòng lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ mọi người, hi sinh việc riêng của mình để làm lợi ích chúng sanh trong khắp tam giới. Theo Kinh Thập Lục Quán: “Người có những tâm này mà dụng công tu tập thì khi lâm chung được diện kiến Đức Phật A Di Đà, được nghe Phật thuyết Pháp và chứng quả Vô Thượng Bồ Đề trong tích tắc. Đó là cảnh giới cao nhất Thượng Phẩm Thượng Sanh của Cực Lạc”.

Như vậy thử nghĩ một người mà với tất cả các đối tượng nào họ cũng thấy là Pháp chân thật có nghĩa là hằng hà sa số Chư Phật luôn hiện ra trước mắt.

Người khi có chí thành tâm, thâm trọng tâm, hồi hướng tâm và phát nguyện Đại Thừa liền được giác ngộ giải thoát là cảnh giới Tây Phương Cực Lạc hiện ra, được diện kiến Đức Phật A Di Đà, chứng được Vô Thượng Bồ Đề, là được giác ngộ và giải thoát hoàn toàn.

2. Thượng Phẩm Trung Sanh: Người này tin Kinh điển Đại Thừa, tin sâu nhân quả, luôn hướng tâm về Cực Lạc. Khi lâm chung thấy một ngàn Hóa Phật và chư Thánh chúng đón, được lên ngôi tòa sen báu bằng vàng tía, trong nháy mắt đến cảnh giới Tây Phương Cực Lạc. Sau một đêm, hoa sen nở ra, nhờ Phật mà mắt huệ được sáng. Người này xuống tòa đánh lễ Đức Phật xong, tu thêm một tiểu kiếp nữa mới được chứng Vô Sanh Nhân.

Vì người này chỉ tin Kinh điển Đại Thừa, không phát nguyện Đại Thừa như người trước và tin lý nhân quả. Trong cuộc sống người đó cũng có tu tập và có hướng tâm quay trở về sống với Tự Tánh chân thật của mình. Sau khi lâm chung cũng được Phật rước nhưng một

đêm hoa mới nở, nghe Đức Phật thuyết Pháp, tu một tiểu kiếp mới được chứng Vô Sanh Nhân, mới nhận được Tự Tánh chân thật, mới hòa nhập trong cảnh giới chân thật.

3. Thượng Phẩm Hạ Sanh: Người này cũng tin lý nhân quả, tin Kinh điển Đại Thừa, chỉ phát tâm thôi chứ chưa có công phu gì, có hồi hướng về Tây Phương Cực Lạc. Khi lâm chung người này được thấy năm trăm Đức Hoá Phật đồng thời trao tay, tự thân của hành giả ngồi trên hoa sen, hoa liền khép lại theo Phật đến ao sen, nhưng qua một ngày một đêm hoa sen mới nở. Trong bảy ngày đầu, người đó thấy Đức Phật mờ mờ, không thấy rõ. Qua ba tuần sau khi tu tập tinh tấn mới thấy rõ thân Phật, được thân cận cúng dường hầu hạ Chư Phật, nghe Pháp thậm thâm, trải qua ba tiểu kiếp mới chứng Hoan Hỷ Địa Bồ Tát trong Thập Địa.

4. Trung Phẩm Thượng Sanh: Người này sống bình thường, ăn chay giữ giới, hướng về Cực Lạc. Lúc lâm chung được thấy Phật và chư Thánh chúng hào quang sắc vàng thuyết pháp cho nghe về vô thường, khổ, không, vô ngã. Tự thân lên liên hoa lay Phật, trong lúc vừa cất đầu lên thì thấy mình được sanh về Tây Phương Cực Lạc, tiếp tục học Tứ Diệu Đế, sau đó tu chứng quả A La Hán.

Tầng này tâm thức hơi thấp, chỉ ăn chay giữ giới, chỉ có tâm hướng về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc. Giữ năm giới nhưng thỉnh thoảng mình thọ thêm tám giới như thọ bát quan trai. Sau khi mạng chung được Đức Phật thuyết Pháp cho nghe, tự thân lên hoa sen được sanh về Cực Lạc. Học lại Tứ Diệu Đế, ở đây không nói rõ thời gian, không biết là bao nhiêu nhưng chắc chắn thấp hơn phẩm vị trước, trải qua thời gian dài mới chứng quả A La Hán.

Điều này rất rõ, nếu chúng ta đời sau được sanh trở lại làm người chắc chắn chúng ta phải học đạo trở lại để tu. Vì trong đời này chúng ta cũng học đạo lý quá nhiều, từng ăn chay giữ giới có phước báu đủ tư cách đời sau làm người thì rõ ràng lắm. Cho nên việc được làm người, tiếp tục tu hành, được học Tứ Diệu Đế và chứng quả A La Hán, điều đó không khó.

5. Trung Phẩm Trung Sanh: Người này thường xuyên niệm Phật, giữ giới hạn cuộc một ngày một đêm thật sự thanh tịnh, đem công đức hồi hướng về Tây Phương Cực Lạc. Sau khi mạng chung vẫn được thấy Phật và chư Thánh chúng sắc vàng, tự thân ngồi tòa sen bảy báu, hoa liền xếp lại tức thì đến ao báu. Sau bảy ngày hoa sen mới nở đặng Sơ quả, trải qua nửa tiểu kiếp mới tu chứng được quả A La Hán.

6. Trung Phẩm Hạ Sanh: Người này lòng hiếu đạo và nhân từ. Khi gần lâm chung được sự hướng dẫn tu tập của thiện tri thức tán dương nguyện rộng lớn của Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc. Người này nghe rồi và mạng vừa dứt, trong lúc co duỗi cánh tay liền được sanh về nước Cực Lạc. Qua bảy ngày được nghe Bồ Tát thuyết Pháp đắc được Sơ quả, trải qua một tiểu kiếp mới chứng quả A La Hán.

Giống như mấy ông bà cụ ở đây, lớn tuổi mới đi chùa, mới thọ bát quan trai v.v... Không có công phu tập trước mà gần cuối đời mới được một số người hướng dẫn tu tập, chỉ có hướng tâm thôi, chưa có quyết tâm tu cho nên chết chưa chắc đời sau gặp Phật Pháp liền vì tâm đạo yếu quá.

Qua bảy ngày hoa mới nở, là sau một giai đoạn bỏ thân xác, nhờ lòng hiếu đạo mà không bị đọa, đời sau có thể sanh được làm người nhưng không chắc gì gặp được Phật Pháp. Hoa chưa nở tức là thiện căn người đó không nảy nở trở lại được. Do vậy sau bảy ngày là nói giai đoạn dài cũng có thể là mấy kiếp mấy đời sau, bây giờ thì cũng được nghe thuyết pháp, cũng được học đạo một vài thời, có nghĩ về chỗ Tây Phương Cực Lạc nhưng không có thiết tha lắm. Chúng tử không lớn trong lòng nên không thúc

bách đời sau gặp Phật Pháp liền, mà một thời gian rất dài mới được các vị Bồ Tát giáo hóa, không được Phật giáo hóa.

Có thể đời đó gặp lại vị khuyến khích mình tu trong đời trước đó và người đó có thể giáo hóa tiếp tục mình để mình phát tâm mạnh thêm. Người này có chút thiện tâm hướng nhẹ về chỗ bất sanh bất diệt kia.

7. Hạ Phẩm Thượng Sanh: Người này tạo nhiều nghiệp ác. Khi lâm chung được nghe Kinh điển Đại Thừa mà người đó tin hiểu, nên diệt được trọng tội trong ngàn đời ngàn kiếp, rồi chấp tay niệm Phật diệt được trọng tội trong năm mươi ức kiếp nữa. Khi lâm chung thấy Phật và Thánh chúng phóng hào quang sáng, được ngồi tòa sen báu, theo sau Phật đi đến bửu trì, trải qua bốn mươi chín ngày hoa mới nở. Sau đó được các Bồ Tát giáo hóa, học đủ tất cả các Kinh điển Đại Thừa, phát tâm Vô Thượng Đạo trải qua mười tiểu kiếp mới được đến Sơ địa.

Đây cũng là thiện duyên kỳ lạ. Một người tạo nghiệp ác mà lúc lâm chung lại được sự giáo hóa của các vị Bồ Tát. Không phải là sự giáo hóa ở cõi của mình, mà thần thức của họ lúc chết được sự giáo hóa của chư vị Bồ Tát,

học đạo trong cảnh giới khác và được sự tiếp độ của chư vị Bồ Tát.

Điều này muốn nói cái gì? Người này phước duyên rất lớn, có khả năng nhiều đời nhiều kiếp đã gieo duyên lành với Phật Pháp rồi, cho nên đời này dù có tạo tội nhưng cuối đời vẫn được giáo hóa. Họ cũng có tin hiểu Kinh điển Đại Thừa, trong lúc chết vẫn niệm Phật được, chứng tỏ người đó có thiện căn trước rồi. Mặc dù có thiện căn trước, nhưng tạo tội ác quá nhiều thì sau khi lâm chung đưa đến bửu trì, trải qua bốn mươi chín ngày hoa mới nở.

Như vậy dù có được chư vị Bồ Tát giáo hóa, dù có chấp tay niệm Phật, dù được thiện căn bao bọc, gìn giữ bảo trì thì cũng mất một thời gian lâu xa mới học đạo trở lại, thiện căn mới nảy nở trở lại. Ở trong hoa sen, là một lối nói rất từ bi của đạo Phật. Ý muốn nói dù chúng sanh có tạo nghiệp ác cỡ nào, Chư Phật cũng sẵn sàng giáo hóa. Được vào trong hoa sen úp lại đem về để ở bửu trì, gìn giữ bốn mươi chín ngày sau hoa sen nở ra. Như vậy tạo nghiệp ác thì thời gian rất lâu xa, thiện căn nảy nở trở lại mới được gặp các vị Bồ Tát giáo hóa. Trải qua mười tiểu kiếp, là hơn một trăm sáu mươi triệu năm sau mới chúng được Sơ địa.

8. Hạ Phẩm Trung Sanh: Người này thuộc dạng phạm trai, phá giới, ăn cắp của thập phương Tăng, ăn trộm, cướp của ruộng nhà, cơm áo gạo tiền của người ta, ba nghiệp không thanh tịnh, v.v... Do đó, lúc lâm chung hình tướng địa ngục hiện ra, trăm ngàn khổ não bức bách, may nhờ thiện tri thức giáo hóa, nói về công đức của Đức Phật A Di Đà và công đức của giới, định, huệ. Người này nghe bắt đầu sanh một chút chủng tử Phật Pháp. Sau đó được sanh vào hoa sen báu, sáu Tiêu kiếp hoa mới nở, được nghe Bồ Tát thuyết Kinh Đại Thừa mới bắt đầu khởi lên tâm cầu Vô Thượng Đạo.

Như vậy là hơn một trăm ngàn năm hoa sen mới nở. Hoa nở mới có một chút tự do còn hoa chưa nở là bị nhốt trong hoa sen đó. Trong hoa sen đó thì chịu cái gì mình không biết. Đây là điều rất khéo, không nói là bị đọa đày, không nói bị nghiệp phải khổ sở, không nói bị đọa địa ngục A Tỳ, nhưng nói nằm trong hoa sen cho tới sáu tiêu kiếp hoa mới nở mới có một chút tự do. Người tạo tội ác như vậy thì không biết bao nhiêu triệu năm bị nhốt trong hoa sen để trả nhân quả. Rất phù hợp với nhân quả nghiệp báo. Được nghe hai vị Bồ Tát Quán Âm và Thế Chí thuyết Pháp, mới phát khởi tâm Bồ Đề tin rằng có quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh

Giác, nguyện sẽ được tu về đó thôi, chưa chứng quả gì.

9. Hạ Phẩm Hạ Sanh: Người này tạo đủ tội ác như ngũ nghịch, thập ác v.v... Lúc gần chết cảnh giới địa ngục A Tỳ bắt đầu hiện ra, may nhờ thiện tri thức giáo hóa niệm Phật, nhưng chưa thể niệm Phật liền được, vì khổ quá bức ngặt, nhưng được nhiều người thúc giục mới dốc lòng niệm Phật. Nhất tâm niệm đến lúc lâm chung được Đức Phật rước về cảnh giới Cực Lạc. Trải qua mười hai đại kiếp hoa sen mới nở. Được hai vị Bồ Tát Quán Âm và Thế Chí giáo hóa, học đủ tất cả Kinh điển Đại Thừa, mới phát tâm Bồ đề, mới phát khởi lòng tin Tam Bảo.

Một tiểu kiếp là mười sáu triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn năm, một trung kiếp là hai mươi tiểu kiếp, một đại kiếp là bốn trung kiếp, rồi nhân với mười hai nữa là số năm chúng ta không thể tính đếm nổi. Rõ ràng tạo tội ngũ nghịch là đọa địa ngục A Tỳ liền, không cách nào khác được.

Mặc dù các vị Bồ Tát rất thương khởi từ tâm để giáo hóa, nhưng dứt khoát là phải bị đọa thời gian rất dài. Bị nhốt trong hoa sen tới mười hai đại kiếp là thời gian rất dài không thể tính

đếm được. Đọa địa ngục A Tỳ là khổ liên tục liên tục không gián cách, cũng gọi là đọa Vô Gián địa ngục; nhưng ở đây tránh né nói điều đó. Tạo ác như thế này thì dứt khoát phải bị đọa, lúc lâm chung thì cảnh giới địa ngục hiện ra không thể niệm Phật được. Nhưng nhiều người thúc bách, nhiều người niệm, nhiều người khuyến khích quá nên người đó phải buộc miệng niệm. Niệm dù có nhất tâm đi nữa trong giai đoạn trước khi trút hơi thở cuối cùng cũng bị ở trong hoa sen đó tới mười hai đại kiếp, sau đó hoa mới nở. Được các vị Bồ Tát giáo hóa, bắt đầu học Kinh điển Đại Thừa và khởi lòng tin Tam Bảo mới phát tâm bồ đề cầu vô thượng giải thoát chứ chưa chứng quả gì.

Điều này chúng ta thấy tâm từ của Đức Phật, hay nói khác hơn là vốn dĩ Tự Tánh đã sẵn có ở chúng ta. Đó là chỗ gốc để tất cả chúng sanh quy hướng, dù muốn dù không chúng sanh cũng phải quay về đó. Dù đọa địa ngục A Tỳ đi nữa cũng nằm trong Tự Tánh, cũng nằm trong cảnh giới Tây Phương Cực Lạc. Tự Tánh thanh tịnh bất sanh bất diệt của tất cả chúng sanh dù chúng sanh bị sanh tử, bị tạo tội hay không tạo tội trước sau gì cũng phải thoát khỏi thân phận chúng sanh mà quay về với Tự Tánh chân thật này, cho nên mới nói

được hoa sen đưa về Tây Phương Cực Lạc.

Có nghĩa cảnh giới đó luôn ở trong tất cả chúng sanh không mất, dù chúng sanh sanh tử lộn đi lộn lại như thế nào cũng không thoát khỏi Tây Phương Cực Lạc. Tạo tội ngũ nghịch, thập ác đi nữa vẫn đưa về Tây Phương Cực Lạc. Mà Tây Phương Cực Lạc là ở trong cõi giới của Tự Tánh, là chỗ yên lặng không còn tất cả vọng thức vọng niệm, tất cả chúng sanh nào cũng phải quay về đó để yên ở. Chúng sanh nào cũng được cứu độ dù tạo tội cỡ nào thì Tự Tánh luôn bao bọc, gìn giữ; khi nào chúng sanh chán con đường sanh tử muốn quay về với Tự Tánh, rũ bỏ dứt khoát con đường sanh tử thì Tự Tánh hiển lộ, mà thời gian đó thì nhân quả nghiệp báo phải trả. Giai đoạn một tiểu kiếp, mười tiểu kiếp thì nhân quả không bao giờ sai chạy, một nhân quả nhỏ cũng phải đền trả cho đủ, không biết trả kiểu nào nhưng không thể chạy trốn nhân quả được. Nếu nói mình giết người ở đây mà tới hồi chết niệm mười câu được Đức Phật rước về Tây Phương Cực Lạc gìn giữ không cho mình trả nhân quả nào, ở đó tu thành Phật luôn được không? Như thế là phá hoại nhân quả.

Ở đây mình định chín phẩm để chúng ta hiểu về tầng lớp sanh về Tây Phương Cực Lạc là tầng lớp nào, sanh như thế nào. Thật ra đó là cái vòng sanh sử luân hồi được phân định trên chín cấp từ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người, a tu la, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Cửu phẩm là chín tầng bậc sanh tử của chúng sanh. Dù sanh tử như thế nào cũng có một ngày chúng ta được thức tỉnh, được giác ngộ. Đó là lời khuyến khích rất chân tình, rất từ bi của đạo Phật. Dù chúng sanh nào trước sau gì cũng được Đức Phật làm cho thức ngộ quay về được sống cảnh giới yên bình của Đức Phật, để được giác ngộ giải thoát sau này. Đó là lòng bao dung, lòng từ của Đức Phật không bỏ sót một chúng sanh nào. Dù chúng sanh tạo tội cực ác như Hạ Phẩm Hạ Sanh vẫn được Đức Phật bỏ trong hoa sen, vẫn được thiện căn bao bọc giữ gìn, họ ở trong đó trả nhân quả kiểu gì thì không nói. Nhưng họ vẫn được lòng từ, sự bao dung, đùm bọc, che chở của Đức Phật chờ một ngày nào đó mầm thiện căn của họ nảy nở sẽ được giáo hóa tiếp. Tức là họ phải trả hết nhân quả đã tạo, thì sẽ được sự gọi nhắc của chư Bồ Tát giúp họ quay về với sự giác ngộ giải thoát. Cách diễn tả này của Đức Phật thật hay vô cùng!

Cửu Phẩm Liên Hoa nói lên lòng từ bi của đạo Phật, không bỏ sót bất cứ chúng sanh nào trong tam giới này. Không phải là chín cấp ở cõi kia mà là cõi lòng của mình. Từng cấp độ tâm của chúng ta ở ngang tầng nào, thì chúng ta phải chịu nhân quả của tầng đó, chịu sanh tử giải quyết nhân quả đó rồi mới được giác ngộ giải thoát. Tâm chúng ta ở tầng này mà muốn phóng lên tầng kia ở thì khó lắm. Còn một tập nhân nào mà muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thì vô cùng khó. Đó là tiêu chuẩn Đức Phật đã đưa ra là phải vượt qua mười muôn ức cõi, là vượt qua mười tập nhân.

Đến đây chúng ta khẳng định: Nói về nhân quả nghiệp báo thì Cửu Phẩm Liên Hoa nói rất chi li, rõ ràng, trình tự và chi tiết, không trái với nhân quả nghiệp báo. Nếu nói tạo ác rồi được Đức Phật rước về bên kia không bao giờ trả nhân quả nữa, là phá đi luật nhân quả của đạo Phật, thì Tịnh Độ sẽ không được chấp nhận ở trong cõi đời này. Ở đây vẫn nói trình tự của nhân quả nghiệp báo. Trên nền tảng nhân quả nghiệp báo thì Cửu Phẩm Liên Hoa nói rất tường tận. Và nền tảng tu tập của đạo Phật về Tứ Diệu Đế thì trong Tiểu Bản Di Đà cũng nói rất rõ ràng. Tiểu Bản Di Đà là mặt khác diễn dịch lại Tứ Diệu Đế mà thôi. Muốn nói lên chỗ

cùng tột của đạo lý là nhận được Tự Tánh bất sanh bất diệt của tất cả chúng sanh, để rồi an lạc giải thoát hoàn toàn.

Người nào chưa có lần được Đức Phật A Di Đà hiện ra, chưa có lần dứt trừ hết mười tập nhân đau khổ thì không thể an lạc được. Đó là điều rất căn bản, không có con đường giải thoát thứ hai ngoài việc dứt trừ mười tập nhân đau khổ. Còn một chút nào của tập nhân đau khổ thì người đó không bao giờ tới Tây Phương Cực Lạc. Cho nên mới gọi là vượt qua mười muôn ức cõi đến Phương Tây, là chỗ tịch lặng, là chỗ dừng dứt tất cả nghiệp tập của chúng ta.

VĂN KINH

Xá Lợi Phát! Lại trong cõi nước của Đức Phật đó thường trỗi nhạc trời, đất bằng vàng ròng, ngày đêm sáu thời rưới hoa mạn đà la, chúng sanh trong cõi đó thường vào lúc sáng sớm đều lấy dây đưng những thứ hoa báu đẹp đem cúng dường mười muôn ức Phật ở phương khác, đến giờ ăn liền trở về bồn quốc, ăn cơm xong liền đi kinh hành.

Trong cõi của Đức Phật A Di Đà thường trỗi nhạc trời, nghĩa là chúng sanh an hưởng để thưởng thức nhạc vi diệu như cõi trời. Tại sao Tây Phương Cực Lạc hưởng nhạc trời làm chi? Ví dụ chúng ta thưởng thức một bản nhạc nào đó hoặc ca tụng tình yêu, tình quê hương, đối với người ở trong tâm trạng đó, họ rất mê say thích thú. Còn trong cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, những chúng dân ở đó nói chuyện để cho họ có thể thích thú được, chấp nhận được, phải là những lời nói thiện, những lời nói có thể đủ phước họ sanh về cảnh giới thượng thiện. Cảnh giới thiện được so sánh với cảnh giới trời.

Ví dụ chúng ta cùng nhau làm một căn nhà tình thương cho người nghèo ở, trong lòng chúng ta thấy vui, niềm vui đó lâng lâng nhiều ngày. Do đã thành tựu được một phước thiện

nào đó và đồng thời chúng ta được những người khác và những người thọ ơn chúng ta tán thưởng. Người làm việc thiện mới cảm nhận được niềm vui vi diệu, xứng với tâm người làm thiện, tương đồng với tâm của người đang nghe bản nhạc trời, chứ không phải ở Tây Phương Cực Lạc được thưởng thức nhạc trời.

“Đất bằng vàng ròng, ngày đêm sáu thời rưới hoa mạn đà la”. Được rưới những hoa thơm mạn đà la, hoa này cũng ở cõi trời. Nghĩa là những lời của bậc thiện tri thức khen tặng chúng ta về những điều thiện, những việc thiện, ca tụng điều đẹp, điều quý từ cõi trời, gọi là dùng hoa mạn đà la cúng dường. Người ta nói là làm thiện được sanh thiên, cho nên những điều xuất phát từ cảnh giới thiện, chúng ta được quyền suy luận rằng những điều đó xuất phát từ cõi lòng thuần thiện của chúng ta, là âm thanh thường ca tụng và hoa cõi trời luôn rải lên chúng ta.

Xá Lợi Phất! Chúng sanh cõi đó sáng sớm lấy dây đợng những hoa báu tốt đẹp đem cúng dường mười muôn ức Đức Phật ở phương khác, mà đến giờ ăn, liền trở về bốn quốc, ăn cơm xong và đi kinh hành.

Những người đó bay sang cõi khác cúng dường Đức Phật rồi bay ngược trở về trong vòng một buổi sáng kịp giờ ăn trưa, ăn cơm xong và đi kinh hành nghĩa là thân thông phép màu vô lượng vô biên. Nếu hiểu theo văn nghĩa là như vậy. Tuy nhiên trong Kinh Pháp Cú có dạy rõ: “Trong tất cả các loài hoa, không có loài hoa nào bay ngược gió, chỉ có hương giới đức ngược gió bay khắp muôn phương”. Nếu đọc bài Kinh đó, chúng ta sẽ hiểu được thâm ý này.

Tâm người ở cõi Cực Lạc thanh tịnh như đoá hoa sen cúng dường mười phương Chư Phật, không phải chúng ta đem hoa thơm cúng Phật. Khi tâm chúng ta thanh tịnh thì mười phương pháp giới thông đồng một cõi, không có sự ngăn che, nên trong chớp mắt là đủ hương thơm giới đức để cúng dường mười phương ba đời tất cả Chư Phật.

Tức là nhất niệm mà xuyên tam giới. Trong tích tắc ý niệm thanh tịnh trong sạch của chúng ta, được Chư Phật mười phương chứng minh liền. Do đó, dù chúng ta khởi niệm ác hay khởi niệm thiện, trong giờ phút ồn náo hoặc trong giờ phút thanh tịnh, đều được Chư Phật mười phương chứng biết. Đừng nghĩ rằng

chúng ta nghĩ ác không ai biết. Trong tâm chúng ta có giới đức thanh tịnh hoàn toàn, có hương thơm tỏa ngát có Chư Phật chứng minh cho. Do vậy mà tất cả mọi người vào buổi sáng sớm, khi bình minh tỏa rạng, tâm chúng ta thực sự thanh tịnh, là lúc đó chúng ta đã đem hương hoa cúng dường mười phương Chư Phật. Vì chúng ta đang ở cảnh giới Cực Lạc và có đủ thần thông để cúng dường mười phương Phật. Như bài nguyện hương mà chúng ta thường đọc:

“Giới hương, định hương, dũ huệ hương.

Giải thoát, giải thoát tri kiến hương.

Quang minh vân đài biến pháp giới.

Cúng dường thập phương Tam Bảo tiền”.

Khi một người giải thoát và giải thoát tri kiến, thì hương thơm đó là cúng dường thập phương Tam Bảo, chứ không phải chỉ cúng dường đấng Đức Phật trong cõi Ta Bà này. Và nói đến Tự Tánh thì không có chỗ ngăn bít, do đó khi hòa nhập vào bể tánh thanh tịnh sáng suốt rồi thì mười phương thông đồng một cõi. Đó là ý nghĩa đem hoa cúng dường trở về kịp bữa cơm trưa.

VĂN KINH

Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy.

Lại nữa, Xá Lợi Phất! Cõi đó thường có những giống chim màu sắc xinh đẹp lạ thường, nào chim bạch hạc, chim không trước, chim anh vũ, xá lợi, ca lăng tần già, cộng mạng chi điều. Giống chim đó ngày đêm sáu thời kêu tiếng hòa nhã. Tiếng chim đó diễn nói những pháp như Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, v.v... Chúng sanh trong cõi đó nghe tiếng chim xong thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Xá Lợi Phất! Người chớ cho rằng chim đó thiệt là do tội báo sanh ra, vì sao? Vì cõi nước của Đức Phật đó không có ba con đường dữ.

Xá Lợi Phất! Cõi nước Đức Phật đó không có ba đường dữ huống chi lại có các sự khổ đau. Những giống chim đó là do Phật A Di Đà muốn làm cho tiếng pháp được lưu truyền mà hóa ra đó thôi.

Xá Lợi Phất! Trong cõi nước của Đức Phật đó gió nhẹ thổi động các hàng cây báu,

và động các mảnh lưới đó làm vang ra tiếng vi diệu ví như trăm nghìn thứ nhạc đồng một lúc hòa chung. Người nào nghe tiếng nhạc đó đều sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp và niệm Tăng.

Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy.

Trong cảnh giới Cực Lạc, tất cả những thời chúng ta hành đạo đều được nghe tiếng chim nói Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Chánh Đạo Phần, đó là Đạo đế. Như vậy chúng ta thấy trình tự Kinh đã nói đầy đủ Pháp Tứ Diệu Đế rồi.

Nhưng ở đây muốn nói rằng trong cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, con đường dẫn tới giác ngộ giải thoát cũng không ngoài Đạo đế. Nếu người nào đi đến giác ngộ giải thoát mà thoát khỏi Đạo đế là chắc chắn đi lệch đường. Đức Phật khẳng định lại điều đó. Trong tự tâm chúng ta luôn sanh ra Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Chánh Đạo Phần là người đó luôn an trú trong cảnh giới Tây Phương Cực Lạc. Còn nếu trong tâm chúng ta sanh tham, sân, si, phiền não là ở trần gian. Cho nên dù chim hót, gió reo cũng nói đến Đạo đế và người nghe niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Niệm tức là nhớ nghĩ. Dùng từ nhớ nghĩ cũng còn hơi xa, mà tự tâm của người đó được sáng suốt, thấu rõ thật tướng của tất cả các pháp, không lầm lẫn tất cả các pháp, nghĩa là người đó được giác ngộ hoàn toàn, là người đó đang niệm Phật. Phật là cái gì? Phật là giác, Pháp là chánh, Tăng là tịnh theo kiểu của Lục Tổ Huệ Năng nói. Có nghĩa một chúng sanh khi nghe giảng Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo, thì người đó trong lòng liền niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tức là trong lòng người đó được giác ngộ.

Và đối với tất cả các pháp, tánh tướng người đó đều rõ một cách tường tận không bao giờ lầm lẫn. Cái nào chân họ nhận rõ chân, cái nào tánh họ nhận rõ là tánh, cái nào tướng họ nhận rõ là tướng, không bao giờ bị sai lầm, không bao giờ điên đảo thị phi đối với tất cả các pháp thế gian này. Đối với sắc, họ thấy rõ ràng tánh tướng của nó, thấy rõ thực hư chân vọng của nó, đó gọi là niệm Pháp. Trong tâm luôn hằng thanh tịnh, không bao giờ bị loạn động, dù đối với tất cả lục trần như thế nào trong tâm không có một chút loạn động, gọi là niệm Tăng.

Chúng sanh trong cảnh giới Cực Lạc khi nghe giảng Ba Mười Bảy Phẩm Trợ Đạo, trong lòng luôn luôn giác ngộ, có đủ chánh kiến, thanh tịnh gọi là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Khi một người trong tâm thanh tịnh thì nhìn tất cả cảnh giới đều thanh tịnh, cho nên có vị nói rằng tất cả pháp đều là Phật Pháp. Khi một người đã giác ngộ thì cảnh giới trần gian liền thành Tịnh Độ.

Nếu chúng ta không thanh tịnh sáng suốt, thì không bao giờ nhận ra tất cả những gì trước mắt chúng ta. Nếu chúng ta không có cái thanh tịnh sáng suốt thì lục căn không thể tiếp xúc với lục trần một cách thanh tịnh được. Khi lục căn tiếp xúc lục trần không nhiều loạn, luôn ở yên với chánh kiến của mình, bằng sự giác ngộ soi thấu lục căn lục trần, tức là lúc nào chúng ta cũng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Tất cả những cái hiện trước mắt chúng ta đều là đạo lý, đều là việc gọi nhắc chúng ta đến giác ngộ giải thoát, chứ không phải là việc khác. Nếu thâm nhập được niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng như thế dù là chúng ta có nghe tiếng chửi, ngài Huyền Giác nói “*Mặc người chê, mặc kẻ dèm, ta nghe như uống nước cam lồ vậy*”. Đối với người giác ngộ, tiếng tốt xấu trở thành cam lồ để nuôi lớn trí huệ người ta.

Người ở Cực Lạc cũng vậy, dù là tiếng chim kêu cũng làm người ta thức tỉnh, giác ngộ. Đây là chỗ độc đáo của đạo Phật đối với mọi duyên, mọi cảnh bằng cái sáng suốt, thanh tịnh rõ soi vạn pháp, chứ không bao giờ bằng cái tâm trần tục để nhìn nữa. Nói sâu về sự công phu như vậy để chúng ta thấy rằng, người muốn yên ở trong cảnh giới Tây Phương Cực Lạc thì từng giờ, từng phút, từng giây phải quay về với sự giác ngộ giải thoát, không bao giờ gián đoạn, không bao giờ buông lơi được việc giác ngộ giải thoát trong tâm chúng ta.

Tiếng gió reo cũng vậy, gió reo làm chạm màn hình lưới, làm chạm những cây cổ thụ, phát ra âm thanh rất vi diệu. Chỗ này trong thiền sử thì có rất nhiều, như chuyện Thiền Sư nửa đêm nghe tiếng con rắn cắn con nhái la, Ngài hỏi thị giả có nghe tiếng gì đó không? Thị giả thưa: Tiếng chúng sanh đang kêu la. Thiền Sư nói: “*Có chúng sanh khổ lại có cái khổ của chúng sanh*”. Nghĩa là, ở ngoài kia có một loài chúng sanh đang khổ, nhưng bây giờ lại có cái khổ của chúng sanh, là khi nghe mà chạy theo cảnh. Nghe mà không giác ngộ là có cái khổ của chúng sanh. Nghe mà biết đó là con nhái kêu, chứ không phải nghe để nghe được Tự

Tánh thanh tịnh của chính mình, cho nên chúng sanh khổ lại có thêm cái khổ của chúng sanh.

Nếu chúng ta thực sự ý thức giác ngộ, thì nghe âm thanh tức là nghe lại cái thanh tịnh sáng suốt của chính mình. Mình có cái thanh tịnh sáng suốt đang rõ biết tất cả âm thanh trong mọi thời mọi lúc. Còn nghe âm thanh để chúng ta buồn thương giận ghét, là chúng ta nghe theo kiểu bất giác lầm mê, bị vướng trở lại trong trần gian này. Ngài Lâm Tế nói: “*Tùy thời mà chúng ta được giải thoát*” thì không giờ phút nào trong lòng chúng ta dừng nghỉ sự an vui, vì chúng ta đang ở cảnh giới Cực Lạc. Trong cảnh giới Cực Lạc cái gì cũng đưa tới giác ngộ giải thoát cả.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật đó vì sao hiệu là A Di Đà?

Này Xá Lợi Phất! Đức Phật đó hào quang sáng chói vô lượng soi suốt các cõi nước trong mười phương không bị chướng ngại, vì thế nên hiệu là A Di Đà.

Này Xá Lợi Phất! Đức Phật và nhân dân của Ngài sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp nên gọi là A Di Đà.

6. Ý nghĩa danh hiệu Phật A Di Đà.

Đức Phật A Di Đà có ánh sáng đối với mười phương pháp giới thông đồng không có chỗ nào ngăn ngại được, gọi là A Di Đà. Và bản thân Đức Phật cũng như chúng sanh trong cảnh giới đó tuổi thọ cũng vô lượng vô biên, gọi là A Di Đà.

Tuổi thọ vô lượng và ánh sáng vô lượng gọi là A Di Đà là nói lên điều gì? Học Thiền chúng ta ngẫm hiểu bất sanh bất diệt, hằng thanh tịnh, sáng suốt chiếu soi, tức là Tự Tánh của chúng ta. Bây giờ chúng ta được quyền nói Tự Tánh Di Đà duy tâm Tịnh Độ, vì trong Kinh đã định nghĩa rõ ràng điều này. Đức Phật A Di Đà có nghĩa là Tự Tánh bất sanh bất diệt của tất cả chúng sanh trong mười phương pháp giới này. Tất cả con người, tất cả mọi chúng sanh ở trong pháp giới này đều có cái thanh tịnh sáng suốt, có cái bất sanh bất diệt luôn hiện hữu, luôn hiển bày không một phút giây nào tạm vắng, đó là A Di Đà. Người nào lắng đọng tự tâm để hòa nhập vào Tự Tánh thì người đó được diện kiến Phật A Di Đà. Tức là từng chúng sanh có thể thành Phật A Di Đà trong từng phút, từng giây. Vì Phật A Di Đà chính là cái sáng suốt thanh tịnh của chúng ta.

Ví dụ chúng ta đang ngồi chú ý nghe Pháp, nhưng có lúc mình không chú ý nghe như tiếng xe chạy ngoài đường, hay tiếng ồn ào xung quanh mình vẫn nghe được. Cái nghe đó, chúng ta không tốn công phu, không cần thêm một cái gì, không cần chú ý, không cần lắng tâm mà chúng ta vẫn nghe được. Đó là cái thanh tịnh sáng suốt của chính mình mà không phút giây nào nó tạm dừng. Chúng ta ngủ nó cũng nghe, chúng ta thức nó cũng nghe, tiếng động ồn ào nó cũng nghe, tiếng nhỏ nhiệm cũng nghe, tiếng êm tai cũng nghe, tiếng bực bội nó cũng nghe. Nó nghe không sót bất cứ một tiếng nào, ở trước, ở sau, bên phải, bên trái, chúng ta đều nghe hết, mà không hề có bất cứ dụng công, không có động niệm nào. Đó là cái trong sáng rõ soi luôn luôn có ở nơi mình, không phút nào tạm dừng. Quý vị không làm cách nào không nghe, giờ phút nào nó cũng nghe, dù chúng ta ngủ hay thức nó cũng nghe, muốn không nghe cũng không được, không hề gián đoạn, gọi là Vô Lượng Thọ. Cái nghe rõ suốt tất cả mọi cái là Vô Lượng Quang. Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ chính là A Di Đà.

Như vậy, A Di Đà chính là Đức Phật đang ngự trị nơi chúng ta từng giờ, từng phút, từng giây trong cuộc sống này, không phút giây nào gián đoạn. Vì thế, tất cả chúng ta ngồi đây, hoặc là tất cả chúng sanh trong pháp giới này dù có nghe Pháp, dù có tọa thiền, dù có nhập định, hay những chúng sanh đang ồn ào náo nhiệt, họ đều có Phật A Di Đà ngự trị. Có điều là chúng ta nhận ra chỗ này của mình hay không. Nếu nhận ra, chúng ta được yên ổn, an lạc, tức là được ở trong cảnh giới Cực Lạc. Nếu không nhận ra điều này, chắc chắn chúng ta lao theo những việc trần gian, để rồi chúng ta phải đau khổ. Vậy chúng ta được quyền khẳng định rằng A Di Đà chính là bất sanh bất diệt, là sự thanh tịnh sáng suốt rõ soi của tất cả chúng sanh. Tất cả chúng ta đang ngồi đây luôn có A Di Đà, chứ không phải Đức Phật A Di Đà ở bên kia thế giới nữa.

Hiểu rõ như vậy thì Kinh A Di Đà không phải nói chuyện bên ngoài, mà chỉ rõ tự tâm của tất cả chúng ta. Cho nên, người nào có tâm thì nghe Kinh A Di Đà là nghe lại tự tâm chính mình, không phải nghe Kinh A Di Đà là ở Tây Phương Cực Lạc nữa.

Mặc dù chúng ta mới học Phật Pháp, nhưng vì chúng ta có tâm, cho nên chúng ta được quyền nghe, nhưng tiếp nhận nổi hay không còn tùy thuộc vào phước báu của từng người. Chắc chắn một điều Đức Phật A Di Đà luôn ngự trị trong chúng ta, dù chúng ta có tin hay không thì Đức Phật vẫn có mặt. Lúc nào chúng ta muốn quay về để được chung sống với Đức Phật thì quay về, còn muốn lao theo chúng sanh thì tùy mình. Muốn được an lạc, giải thoát thì không có cách nào hơn là quay về với Phật A Di Đà của chính mình.

Còn muốn dong ruổi theo nắng táp mưa sa, muốn trầm luân khổ đau thì tùy thích phóng chiếu ra bên ngoài lao theo trần cảnh. Chỉ có hai cái đó thôi chứ chúng ta không có cái khác để chọn lựa. Hiểu hay không hiểu thì Đức Phật A Di Đà cũng đã luôn ngự trị trong chúng ta rồi, không cách ly. Chúng ta luôn sống trong vòng tay yêu thương, che chở của Đức Phật từng giờ, từng phút, từng giây, trong dòng chảy cuộc sống này. Đức Phật đang nâng niu, đang chịu chuộng, đang dìu dẫn chúng ta đi trên dòng sống này, nhưng vì chúng ta không hay biết mà thôi.

Mong rằng tất cả chúng ta cố gắng đừng lao theo chiều hướng của chúng sanh nữa. Dừng lại sự phóng chiếu lao ra ngoài để đưa chen, tranh giành với chúng sanh, thì tự động chúng ta được ở cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, được Đức Phật A Di Đà xoa đầu, nâng đỡ chúng ta.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Đức Phật A Di Đà thành Phật đến nay đã được mười kiếp.

Xá Lợi Phất! Lại Đức Phật đó có vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử đều là những bậc A La Hán chẳng thể tính đếm mà có thể biết được, hàng chúng Bồ Tát cũng đông như thế.

Xá Lợi Phất! Cõi nước của Đức Phật đó thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy.

Xá Lợi Phất! Lại trong cõi nước Cực Lạc những chúng sanh được vãng sanh vào đó đều là những bậc Bất Thối Chuyển. Trong đó có rất nhiều những bậc Nhất Sanh Bồ Xứ, số đó rất đông, chẳng phải tính đếm biết được, chỉ có thể dùng số vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp để nói thôi.

Xá Lợi Phất! Chúng sanh nào nghe những điều trên đây đều nên phát nguyện cầu sanh về nước đó. Vì sao? Vì đặng cùng các bậc thượng thiện nhân như thế câu hội một chỗ.

Đức Thế Tôn nói Đức Phật A Di Đà có nghĩa là Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang. Vô Lượng Thọ là tuổi thọ Vô Lượng, Vô Lượng Quang là ánh sáng vô lượng. Ánh sáng đó trùm khắp mười phương pháp giới không có chỗ nào ngăn ngại, là nói về mặt không gian. Về mặt thời gian, tuổi thọ đó không có số để có thể tính lường được thì gọi đó là A Di Đà.

Nói cách khác, trong pháp giới không có hai chân lý, chỉ có một chân lý duy nhất đó là cái bất sanh bất diệt mà thôi, không có cái bất sanh bất diệt thứ hai, không có cái Niết Bàn thứ hai, không có cái vô sanh thứ hai. Cái đó được gọi rất nhiều danh từ, ví dụ trong Kinh Pháp Hoa thì gọi là Phật Tri Kiến, ở một số Kinh khác gọi là Như Lai, hoặc gọi là Bản Lai Diện Mục, nhà Thiền gọi là Tụ Tánh. Ở đây dùng từ là A Di Đà cũng nói lên sự bất sanh bất diệt, có mặt suốt thời gian không bao giờ hư hoại, khắp cùng không gian luôn tỏa sáng, là Bản Lai Diện Mục, là con người thật của tất cả chúng sanh.

Đến giờ phút này chúng ta có thể minh định cảnh giới Tây Phương Cực Lạc và Đức Phật A Di Đà là cái gì và ở đâu. Tịnh là thanh tịnh và Độ là cõi nước, Tịnh Độ là cõi tâm của tất cả chúng sanh được thanh tịnh chứ không riêng gì cõi Tây Phương Cực Lạc. Trong cõi tâm chúng ta thanh tịnh thì chúng ta đã được ở trong cõi Tịnh Độ cả ngày lẫn đêm. Lúc nào chúng ta cũng thanh tịnh từ tâm là tu Tịnh Độ, còn niệm Phật mà nói lời hung ác, làm việc sai quấy cho đến hiểu biết sai lệch về sự vật sự việc thì tự mình đã tách rời ra khỏi Tịnh Độ rồi.

Chúng ta cần nhắc lại sự phân định rõ ràng của phương Đông và phương Tây. Như đã nói, hướng Đông là hướng mặt trời lên, tức là khởi đầu sự động hóa, khởi điểm sinh hoạt của chúng sanh. Còn hướng Tây kết thúc sự sinh hoạt của chúng sanh. Như vậy chúng ta sẽ định hướng được hướng Tây là hướng lặn dứt của mười tập nhân để dẫn đến đau khổ thì sẽ đến cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Vượt qua mười muôn ức cõi có nghĩa chúng ta vượt qua mười tập nhân để đưa đến đau khổ là Tập đế, thì trong lòng người đó tuyệt đối không còn chút nào đau khổ nữa gọi là Diệt đế, gọi là Niết Bàn, là Cực Lạc.

Cảnh giới Tây Phương Cực Lạc là cảnh giới dừng dứt của mười tập nhân đau khổ. Khi nào mười tập nhân đau khổ dứt trừ, không còn khuấy nhiễu trong tâm chúng ta nữa thì chỗ tịch lặng đó gọi là hướng Tây. Ngay khi chỗ tịch lặng đó có Đức Phật A Di Đà hiện tiền. Đức Phật A Di Đà là cái bất sanh bất diệt, là cái chân thật không bị hư hoại bởi thời gian và không gian.

"Xá Lợi Phất! Đức Phật A Di Đà thành Phật đến nay đã được mười kiếp".

Mười kiếp ở đây trong Kinh không nói rõ là tiểu kiếp, trung kiếp hay đại kiếp. Một tiểu kiếp là mười sáu triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn năm, một trung kiếp là hai mươi tiểu kiếp, một đại kiếp là bốn trung kiếp. Nếu ở đây Đức Phật thành Phật mười đại kiếp thì con số đó chúng ta không thể tính được. Đây chỉ là câu nói phụ thôi, muốn nói đến việc Đức Phật A Di Đà thành tựu Phật đạo thì thời gian không thể tính đếm được, đây dùng từ là vô lượng vô biên như tuổi thọ vô lượng vô biên của Đức Phật A Di Đà vậy.

"Xá Lợi Phát! Đức Phật đó có vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử đều là những bậc A La Hán chẳng phải tính đếm mà có thể biết được, hàng Thánh chúng Bồ Tát cũng đông như thế"

Trên bước đường công phu để vượt qua mười tập nhân đau khổ, chúng ta thực hiện hoàn hảo các pháp Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Chánh Đạo Phần, hiểu rõ lý vô thường, khổ, không, vô ngã nghĩa là chúng ta thấu suốt Tứ Diệu Đế, có được hiểu biết ngang tầm với các vị chúng quả A La Hán.

Đạt được tri kiến của A La Hán thì cứ mỗi niệm của chúng ta khởi lên là có một vị A La Hán hiện hữu ở trong ta, hay chính xác hơn là sự nhận thức, sự hiểu biết của chúng ta tương ứng với tâm tri kiến của A La Hán đã thâm nhập dòng Pháp Tứ Thánh Đế. Từ một niệm tâm an trụ trong dòng thác trí tuệ của Tứ Thánh Đế, cho đến nhiều niệm xảy ra trong tâm trí của chúng ta cũng đều tràn ngập tri kiến hiểu biết của A La Hán, hình thành nên chúng Thanh Văn trong chính tâm của chúng ta. Kinh A Di Đà cụ thể hoá yếu nghĩa này bằng hình ảnh vô số Thanh Văn gọi là chúng Thanh Văn nhiều không thể tính lường hiện hữu trong cảnh giới

Cực Lạc. Và tiến lên một bậc cao hơn trên bước đường tu tập là chúng ta phát tâm hành Bồ Tát đạo, thực hiện các hạnh của Bồ Tát là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Và khi thành tựu Pháp lục độ của Bồ Tát, chúng ta nhận thức được rằng tất cả các pháp đều là không. Từ khi chưa xảy ra cho đến lúc hiện hữu và sau khi diệt, tánh của nó là không.

Khi ấy, chúng ta nhìn muôn sự muôn vật đều là không, thì sự nhận biết này của chúng ta ngang tầm với tri kiến của Bồ Tát. Như vậy sự nhận thức về tánh không luôn luôn tràn ngập trong lòng của chúng ta, khi đối trước mọi cảnh duyên, tạo thành chúng Bồ Tát mà Kinh A Di Đà diễn tả là chúng Bồ Tát ở cõi Cực Lạc nhiều vô số vô lượng.

"Xá Lợi Phất! Cõi nước của Đức Phật đó thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy. Lại trong cõi nước Cực Lạc có những chúng sanh được vãng sanh về đó đều là những bậc Bất thối".

Thực sự người nào đã vượt qua mười tập nhân đau khổ rồi, thì không thể trở lại phàm phu nữa. Chỉ dụng công từ Thanh Văn tới Bồ Tát, toàn là những ý niệm thấu rõ sinh tử trong trần gian này, thì không ai quay trở lại trần gian

để chịu khổ. Họ thấu thoát mười tập nhân để mười tập nhân không còn chi phối nữa. Họ thấu hiểu bằng cái nhìn của Thanh Văn, Bồ Tát nên không còn lằm lẩn trong ý niệm tham sân si của mình, để có thể thối chuyển con đường Chánh Đẳng Chánh Giác, chỉ còn một con đường duy nhất là tiến đến thành Phật mà thôi.

Lúc đó trong lòng chúng sanh đã vượt qua mười tập nhân đau khổ, đang yên ở trong cảnh giới Cực Lạc và đang được Đức Phật A Di Đà thường xuyên giáo hóa, đang được Tự Tánh soi rọi tất cả những hành động, những cử chỉ trong cuộc sống. Người đó không bao giờ bị thối chuyển, không bao giờ thối lui để tham sân si, giành giật hơn thua với đời này nữa. Khi nào những tâm niệm tham lam sân hận xảy ra thì người đó bị thối chuyển. Còn những ý niệm đó đã được giáo hóa, đã được vượt qua rồi, thì tới giờ phút này không bao giờ còn sanh ý niệm tà vạy trong lòng nữa, gọi là không còn thối chuyển.

“Trong đó có rất nhiều những bậc Nhất Sanh Bồ Xứ. Số đó đông chẳng phải tính đếm mà biết được, chỉ có thể dùng số vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp để nói thôi.”

Cõi Cực Lạc có rất nhiều những bậc Nhất Sanh Bồ Xứ. Trong Kinh nói Bồ Tát Hộ Minh là một vị Bồ Tát Nhất Sanh Bồ Xứ. Ngài đang ở cung Trời Đâu Suất, phát đại bi tâm cứu độ chúng sanh ở cõi Ta Bà. Ngài giáng thần nhập thai vào hông bên phải của hoàng hậu Ma Da, sanh ra thái tử Tất Đạt Đa và tu hành cho tới thành Phật. Có nghĩa người đó còn một lần trở lại sanh trong cõi giới Ta Bà để có thể tu thành Phật thì gọi là Nhất Sanh Bồ Xứ. Còn đối với chúng ta nhất sanh bồ xứ có nghĩa là ý niệm sinh ra liền được giác ngộ để thành Phật, liền thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chứ không còn như trước nữa.

Ví dụ chúng ta thấy sự vật trước mắt, thay vì hồi trước nhìn theo kiểu phàm phu cho cái hoa này là đẹp hay xấu, mình cho nó là màu vàng ai nói màu đỏ thì mình không chịu... Nhưng sau khi được giác ngộ theo cách nhìn của Thanh Văn, chúng ta thấy hoa đang vàng tươi tốt, nhưng chút nữa nó sẽ héo tàn, hư hoại, tức là có cái nhìn vô thường. Cao hơn nữa, nhìn theo kiểu nhân duyên hòa hợp, đủ nhân duyên mới hình thành cái hoa, đến khi duyên hoại thì hoa tàn úa. Hoặc nhìn theo Bồ Tát, hoa này nó như vậy nhưng tánh nó không. Trước khi có hoa này nó là không, ngay khi có nó cũng mang

Tự Tánh không, cho nên nó sẽ trở về không. Theo cái nhìn đó thì không có ý niệm phân biệt để trở về không.

Còn ý niệm nhất sanh bổ xứ có nghĩa là một niệm sanh ra liền thành Phật, thì làm sao với một việc thấy trước mắt, nghe bên tai, làm thế nào để nhất niệm mà muôn năm. Ngay nơi cái thấy biết đó là thấy biết giác ngộ giải thoát, không được thông qua kiến giải nào cả.

Ví dụ quý vị đang nghe chúng tôi nói và chỉ thuần cái nghe đó không sanh bất cứ kiến giải nào, thì cái nghe quý vị tiếp cận trực tiếp nơi sự vật. Dù chúng ta cho nó là âm thanh lớn, âm thanh nhỏ, lời nói đó của thầy, hoặc đó là lời Kinh, hoặc đó không phải là lời Kinh, thì tất cả những kiến giải được sanh ra trong lúc đang nghe đã ngăn cách giữa mình và sự thật. Do đó khi chúng ta đang thấy, đang nghe, thì chỉ thuần cái đang thấy và đang nghe đó, không bị kiến thức ngăn cách giữa cái thấy và sự vật, là lúc đó chúng ta tiếp cận được sự thật. Lúc đó không còn mình và sự vật đang thấy, cũng như không còn quý vị và âm thanh đang nghe nữa, mà nó chỉ là một.

Ngay khi chúng ta nghe mà không ngăn cách với âm thanh, ngay khi chúng ta thấy mà không ngăn cách với sự vật, lúc đó là nhất sanh bổ xứ, là ngay đương niệm tức không, ngay khi thấy là hiện tiền rõ bày tất cả mọi cái. Đó là Phật thành tựu trên lục căn của chúng ta trong từng giờ, từng phút, từng giây. Ngay nơi thấy biết là như như bất động, không sanh bất cứ một ý niệm nào, đó là cái thấy biết Phật, gọi là tri kiến Phật. Thấy như vậy mà thấy, nghe như vậy mà nghe, không thêm bớt, gọi là nhất sanh bổ xứ. Dù có chúng sanh sinh ra thì ngay khi đó chúng sanh đó liền thành Phật, gọi là nhất sanh bổ xứ ở trong cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

Ngay khi thấy thì cái thấy đó tương đồng với Đức Phật. Ví dụ chúng ta ngồi nhìn lên bàn Phật, ngay cái nhìn ban đầu của tất cả chúng ta bằng nhau, vì chúng ta thấy tượng lớn tượng nhỏ trên bàn thờ không khác nhau. Nhưng bắt đầu chúng ta sanh ra tri kiến, thấy tượng Phật này là A Di Đà, bên phải là tượng Quán Âm, bên trái là tượng Đại Thế Chí, tượng đó màu đỏ, tượng này màu vàng v.v... Chính chỗ sanh phân biệt đó chúng ta khác nhau, còn ngay cái thấy ban đầu giữa chúng ta già, trẻ, nam, nữ, lớn, nhỏ nhìn một cái là thấy bằng nhau hết.

Đây chính là chỗ đồng đẳng, là chỗ mà Chư Phật và chư Bồ Tát đang thấy, cũng như tất cả chúng sanh đang ngồi đây, đó là nhất sanh bất tử ở nơi chúng ta. Tức là một chúng sanh khi sanh ra đều liền thành Phật ngay trong kiếp đó, không đợi một sự nhắc thức nào, không qua một công phu nào mới được thành Phật. Đây là chỗ tương đối chuyên môn.

"Xá Lợi Phất! Chúng sanh nào nghe những điều trên đây đều nên phát nguyện cầu sanh về nước đó. Vì sao? Vì đồng cùng với các bậc thượng thiện nhân như thế câu hội một chỗ".

Khi tất cả những ý niệm đều hướng về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, như trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Hiện Bảo Pháp thì trước khi muốn mở cửa Tháp Bảo ra, tất cả các hóa Phật của Đức Phật Thích Ca đều phải tụ hội về một chỗ thì Tháp Bảo mới hiện. Ở đây cũng vậy, khi tất cả ý niệm của chúng sanh đều hướng về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, nghĩa là tất cả những tâm niệm của chúng ta đều quay về an trú nơi an lạc không khổ đau, an trú nơi Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ của chính mình. Phát nguyện như thế là chúng ta đều quay về với chỗ chân thật của chính mình, đó là cái bất sanh bất diệt của tất cả chúng sanh.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Chẳng có thể dùng chút ít thiện căn, phước đức nhân duyên mà được sanh về cõi đó.

Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn nào nghe nói Đức Phật A Di Đà, rồi chấp trì danh hiệu của Đức Phật đó, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn. Thời người đó đến lúc lâm chung, Đức Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng hiện ra ở trước người đó. Người đó lúc chết, tâm không điên đảo, liền đặng sanh về cõi nước Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

Đoạn Kinh này rất quan trọng cho cả bản Kinh A Di Đà. Nói lên chuẩn mực của một chúng sanh được sanh về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc và gần như là tâm yếu của pháp môn Tịnh Độ.

Cõi phương Tây của Đức Phật A Di Đà là nơi ngưng dứt tất cả phàm tình, ngưng dứt tất cả các sự hoạt động của tâm thức, tịch lặng hoàn toàn, dứt trừ mười tập nhân đau khổ. Đức

Phật A Di Đà chính là Tự Tánh chân thật của tất cả chúng sanh.

"Xá Lợi Phất! Chẳng thể có chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi đó".

Đức Phật khẳng định: Thiện căn, phước đức và nhân duyên chúng ta không đủ thì không thể sanh về Tây Phương Cực Lạc. Nhưng thiện căn, phước đức, nhân duyên này ở đâu?

Đức Phật không khuyến khích chúng ta làm phước, cũng không khuyến khích chúng ta làm chuyện gì khác. Đức Phật nói rõ: *"Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn nào nghe nói Đức Phật A Di Đà, rồi chấp trì danh hiệu của Đức Phật đó, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn. Thời người đó đến lúc lâm chung, Đức Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng hiện ra ở trước người đó. Người đó lúc chết, tâm không điên đảo, liền đặng sanh về cõi nước Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà".*

Đây là công phu hết sức chuyên môn. Đến khi nào người đó niệm Phật đến nhất tâm bất loạn thì mới gọi là đủ thiện căn, phước đức,

nhân duyên. Còn khi chưa đạt được nhất tâm bất loạn thì coi như thiện căn, phước đức và nhân duyên chưa đủ.

Nhất tâm bất loạn là gì? Ví dụ, người niệm Nam Mô A Di Đà Phật, lúc đầu chúng ta chủ động niệm thầm, hoặc niệm ra tiếng, đang niệm mà phóng tâm nghĩ chuyện khác, thì nhớ lại, niệm trở lại. Niệm Phật như vậy lâu đến một hai tiếng đồng hồ không tạp loạn, không có niệm khác xen vô, coi như thuộc loại kha khá, gọi là chuyên nhất, chưa được nhất tâm. Thậm chí niệm Nam Mô A Di Đà Phật liên tục trong đi, đứng, nằm, ngồi trải qua suốt một ngày, một đêm, nhiều ngày, nhiều đêm không có gì khác xen vô, cũng chưa gọi là nhất tâm.

Công phu đến đoạn chúng ta ngủ mê thì thôi, còn vừa hé mắt ra thì danh hiệu A Di Đà Phật liền vọt ra trước. Lúc đó chúng ta muốn dừng cũng không dừng được, cứ Nam Mô A Di Đà Phật suốt, đi, đứng, nằm, ngồi, muốn xin nghỉ năm phút để xả hơi cũng không được, đạt đến mức đó mới gọi là nhất tâm. Lúc đó chúng ta không còn chủ động để công phu, nhưng A Di Đà Phật vẫn sống trong tâm mình trong từng giờ, từng phút, từng giây không hở cách, như vậy mới gọi là nhất tâm.

Khi đạt được nhất tâm thì biết lúc đó không có phút nào trong cuộc sống chúng ta mà hờ được câu A Di Đà Phật. Dù lúc đó muốn dừng cũng không được, vẫn cứ niệm Nam Mô A Di Đà Phật hoài, không thể đổi sang ý niệm khác được, danh hiệu Phật A Di Đà khi đó có một mãnh lực rất lớn như một dòng thác dốc tuôn đổ xuống, không có gì có thể ngăn lại được. Danh hiệu A Di Đà khi đó như cuốn chúng ta liên tục liên tục không thể dừng, cả ngày lẫn đêm như vậy, không có một phút một giây nào có thể hờ cách. Chỗ quan trọng là ngay khi chúng ta dừng câu A Di Đà Phật này, người nào thiện căn phước đức thì liền được diện kiến Đức Phật A Di Đà.

Đây là chỗ chúng ta thấy Đức Phật quá khiêm tốn mới nói chúng ta rằng “*Người đó nhất tâm từ một ngày, cho tới hai ngày, cho tới bảy ngày nhất tâm bất loạn*”, chứ sự thật nhất tâm bất loạn đó cũng có thể xảy ra đối với chúng ta trong một tiếng, hai tiếng, có thể một ngày. Đạt tới nhất tâm bất hết tất cả những ý niệm, không còn A Di Đà Phật nữa, hoàn toàn rỗng lặng, người nào phước đức nhân duyên lớn sẽ nhận Tánh, diện kiến Đức Phật A Di Đà. Còn người nào phước đức nhân duyên nhỏ thì chưa chắc, đây là chỗ rất quan trọng không đơn

giản. Đây là mấu chốt làm chúng ta vượt khỏi chúng sanh thường tình từ xưa tới giờ, hoặc là chúng ta trở lại trạng thái phàm phu. Nhưng công phu chín muồi đến độ đã bảy ngày bảy đêm nhất tâm bất loạn rồi, thì chúng tôi chắc chắn người này diện kiến Đức Phật A Di Đà, chắc chắn Tự Tánh phải hiện. "*Kỳ nhơn lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư Thánh chúng, hiện tại kỳ tiền*".

Lúc đó Tự Tánh hiện không phải ở trước chúng ta, cũng không phải ở sau, cũng không phải ở đâu, mà rõ ràng hiện tiền. Lúc lâm chung tất luôn ý niệm A Di Đà Phật và toàn thân chúng ta như chết lặng mới được. Chết là không cử động cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức gần như chết ngắc. Nếu không chết thì A Di Đà bảo đảm không hiện, ai có công phu tới chỗ này sẽ biết. Đừng nghĩ nhất tâm là A Di Đà hiện liền. Cho nên sau bảy ngày bảy đêm nhất tâm bất loạn, phải có một phút chết, ngay khi chết đó trong Kinh Bát Nhã gọi là ngũ uẩn giai không, tức là chết toàn thân ngũ uẩn chứ không phải chết một thân đem đi chôn như những người chết chúng ta thường thấy. Người mà chúng ta thấy chết rồi đưa đi đám ma là chỉ chết sắc uẩn, còn thọ, tưởng, hành, thức còn nguyên.

Người nhất tâm bất loạn thì toàn thân phải chết. Tất cả ngũ uẩn đều chết, tại vì sau bảy ngày bảy đêm nhất tâm bất loạn rồi thì thọ, tưởng, hành, thức không cách nào sống nổi. Chết bật hết tất cả mọi hoạt động, dù một sự rung động nhẹ của thân xác cũng không được nhúc nhích. Tất cả tế bào gân như đều chết lặng ngay phút chốc đó, thì Phật A Di Đà bắt đầu hiện và kéo theo Thánh chúng cũng xuất hiện.

Thánh chúng là gì ? Là Thánh Thanh văn, Thánh Bồ Tát, là các vị Nhất Sanh Bồ Xứ. Nghĩa là trước khi chết chúng ta còn là phàm phu mang thân ngũ uẩn. Ngũ uẩn có là còn phàm phu cho nên ý niệm còn phân biệt hai bên; thấy đúng sai, phải trái, hơn thua, buồn thương, giận ghét v.v... Đó là cái thấy biết của chúng sanh, là cái thấy hai bên. Còn bây giờ, thân ngũ uẩn chết rồi, Đức Phật A Di Đà hiện rồi, ngay khi đó chư Thánh chúng bắt đầu ùn ùn xảy ra với chúng ta, tương đồng với phẩm Tùng Địa Dũng Xuất trong Kinh Pháp Hoa.

Khi Tự Tánh hiện thì tất cả các ý niệm giác ngộ giải thoát ùn ùn trào ra gần như suốt ngày đêm. Thấy là giải thoát, nghe là giải thoát, biết, nếm, ngửi, tất cả những gì xảy ra, những kiến giải, từng ý niệm nhỏ, đều là thấy biết giác

ngộ giải thoát, đó là Thánh chúng hiện tại kỳ tiền.

Đây là chỗ rất quan trọng của bản Kinh Tịnh Độ, một bản Kinh rất tuyệt vời! Dù tu Thiền cũng phải một lần chết đi sống lại, gọi là tuyệt hậu tái tô, thì chỗ này cũng vậy, rõ ràng là sẽ gặp nhau, dứt khoát chúng ta không đi khác nhau được. Con đường nào cũng vậy. Phải có một lần tuyệt đối ngũ uẩn phải chết. Lúc đó bên nhà Thiền thì Tự Tánh hiện, người đó gọi là ngộ Tánh, còn Tịnh Độ thì A Di Đà hiện. A Di Đà là Tự Tánh bất sanh bất diệt của chúng ta hiện ra thì sau đó chúng ta thấy bằng Tánh, nghe bằng Tánh, nghĩ bằng Tánh, sinh hoạt từ đó về sau bằng Tánh, cái nghĩ từ đó về sau nghĩ bằng Tánh, cho nên gọi là chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền.

Khi người đó chết tâm không điên đảo, ngay khi đó ở cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Họ an trú trong cảnh giới an lạc tịch lặng hoàn toàn của Tự Tánh, không còn bị sanh tử luân hồi quấy nhiễu nữa, gọi là tức đắc A Di Đà Phật, Cực Lạc quốc độ. Chính khi đó, và ngay khi đó, chúng ta an trú nơi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà, không có trước sau một giây, một sát na nào. Ngay khi thân ngũ uẩn chết, Đức Phật A Di Đà và Thánh chúng hiện

tiền là an lạc giải thoát hoàn toàn. Đó là đoạn rất quan trọng.

Theo tôi, đến chỗ này gần như đã đủ. Học Kinh A Di Đà chỗ này gần như là tông yếu, là tiêu chuẩn chính để chúng ta có thể sanh về Tây Phương Cực Lạc. Đây là chỗ mấu chốt, chứ đừng nghĩ chúng ta niệm thế nào đó được vãng sanh. Vãng sanh như thế nào? Đoạn cuối chúng ta sẽ nói.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Ta thấy có sự lợi ích nên nói những lời như thế. Nếu có chúng sanh nào nghe những lời trên đó nên phải phát nguyện sanh về cõi nước Cực Lạc.

Xá Lợi Phất! Như Ta hôm nay ca ngợi công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật A Di Đà. Phương Đông cũng có Đức A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật. Hằng hà sa số Đức Phật như thế đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưới rộng dài khắp cõi tam thiên đại thiên thế giới mà nói lời thành thật rằng: Chúng sanh các ngươi phải nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhưt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh này.

Xá Lợi Phất! Thế giới phương Nam có Đức Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật. Hằng hà sa số những Đức Phật như thế, đều ở tại cõi nước mình hiện ra tướng lười rộng dài khắp tam thiên đại thiên thế giới mà nói lời thành thật rằng: Chúng sanh các người phải nên tin Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh này.

Xá Lợi Phất! Thế giới phương Tây có Đức Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bửu Tướng Phật, Tịnh Quang Phật. Hằng hà sa số những Đức Phật như thế, đều ở tại cõi nước mình hiện ra tướng lười rộng dài khắp tam thiên đại thiên thế giới mà nói lời thành thật rằng: Chúng sanh các người phải nên tin Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh này.

Xá Lợi Phất! Thế giới Phương Bắc có Đức Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trở Phật, Nhứt Sanh Phật, Vãng Minh Phật. Hằng hà sa số những Đức Phật như thế, đều ở tại cõi nước mình hiện ra tướng

lưỡi rộng dài khắp tam thiên đại thiên thế giới mà nói lời thành thật rằng: Chúng sanh các người phải nên tin Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh này.

Xá Lợi Phất! Thế giới phương dưới có Đức Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật. Hằng hà sa số những Đức Phật như thế, đều ở tại cõi nước mình hiện ra tướng lưỡi rộng dài khắp tam thiên đại thiên thế giới mà nói lời thành thật rằng: Chúng sanh các người phải nên tin Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh này.

Xá Lợi Phất! Thế giới phương trên có Đức Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bửu Hoa Nghiêm Thân Phật, Ta La Thọ Vương Phật, Kiến Nhứt Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật. Hằng hà sa số những Đức Phật như thế, đều ở tại cõi nước mình hiện ra tướng lưỡi rộng dài khắp tam thiên đại thiên thế giới mà nói lời thành thật rằng: Chúng sanh các người phải nên tin Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ

Niệm Kinh này.

**Xá Lợi Phất! Nơi ý ông nghĩ thế nào?
Vì sao tên là Kinh Nhứt Thiết Chư Phật Sở
Hộ Niệm?**

**Xá Lợi Phất! Vì nếu có thiện nam tử,
thiện nữ nhơn nào nghe Kinh này mà thọ trì,
và nghe danh hiệu của các Đức Phật, thời
những thiện nam tử và thiện nữ nhơn đó đều
được tất cả các Chư Phật hộ niệm, đều được
không thối chuyển nơi đạo Vô Thượng
Chánh Đẳng Chánh Giác.**

**Xá Lợi Phất! Cho nên các ông phải
nên tin nhận lời của Ta và của các Đức Phật.**

***7. Chư Phật tán thán công đức của
Đức Phật A Di Đà.***

Đoạn này chúng ta thấy Đức Phật khen ngợi Kinh A Di Đà, đồng thời tất cả các Chư Phật ở sáu phương là phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, Thượng phương, Hạ phương. Nếu nói cho đủ là thêm Đông nam, Tây nam, Đông bắc, Tây bắc nữa là mười phương Chư Phật đều đồng ở tại nước mình hiện ra tướng lưới rộng dài trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, tán thán Đức Phật Thích Ca mà nói lời thành thật rằng: "*Chúng sanh các ngươi phải nên tin Kinh Xưng Tán Bất*

Khả Tư Nghị Công Đức Nhưt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh này. Xả Lợi Phát! Cho nên các ông phải nên tin nhận lời của Ta và của các Đức Phật".

Ở điểm này chúng ta nhận thấy một điều hết sức cảm động đó là lòng từ bi của Đức Phật không còn ngôn ngữ nào để chúng ta có thể diễn tả trọn vẹn. Thử nghĩ xem quý vị đều là người lớn đã từng làm cha làm mẹ rồi và tất nhiên quý vị hết lòng thương yêu con của mình, dạy bảo chúng những điều tốt đẹp nhất để cho chúng được sung sướng tâm thân. Ví dụ quý vị bảo con mình nên học ngành nào đó hoặc nên làm công việc nào đó thì tương lai rất sáng sủa, sẽ kiếm được nhiều tiền. Nhưng nhiều đứa con không tin. Nếu chúng không tin, cùng lắm quý vị chỉ thuyết phục thêm vài lần hoặc cam đoan là chúng sẽ có tiền nhiều với việc làm đó. Chỉ nói chùng đó thôi phải không?

Còn Đức Phật thì tình thương của Ngài đối với chúng sanh rất sâu nặng. Đức Phật thấy lợi lạc của Kinh A Di Đà giúp chúng sanh được giác ngộ giải thoát, nên Đức Phật nói mà sợ chúng sanh không tin nên Ngài viện dẫn là Chư Phật cõi này, Chư Phật cõi kia, cũng đều nói như vậy. Chúng ta thấy lòng từ bi vô hạn của Đức Phật sợ chúng sanh có chút nghi ngờ thì

phước báu sẽ không có. Khác với các bản Kinh khác, sau khi nói phần chính yếu rồi Chư Phật nói công đức của Kinh, nhưng đặc biệt Kinh này không nói công đức mà chỉ nói Chư Phật khuyên thôi. Từ đầu diễn dịch Tứ Diệu Đế cũng có hơi lạ hơn, tới đây lại nói giá trị được các Đức Phật mười phương gia trì hộ niệm.

Đến đây, chúng ta mới thấy giá trị thực của bản Kinh A Di Đà. Tại sao nó có giá trị lớn như vậy? Mỗi bản Kinh có một lời khuyên dụ để mình định giá trị thực của bản Kinh đó. Nếu một người đệ tử thiết tha cầu đạo, đến vị thầy mong thầy nói một câu đạo lý cho mình nghe, thầy nói như thế nào đều rót trọn vào lòng, mình tin không có chút nghi ngờ. Nhưng trải qua nhiều đời nhiều kiếp nếu Phật chỉ nói một mình, sợ rằng chúng sanh không đủ lòng tin bản Kinh này, nên Phật mới nói rằng có Chư Phật mười phương đều đồng gia bị, đồng hộ niệm và khuyến khích chúng sanh tin bản Kinh này.

Điều này nói lên lòng từ bi vô bờ bến của Đức Phật muốn cứu giúp chúng ta, nhưng sợ chúng ta không theo nổi bản Kinh mà Đức Phật phải nói như thế này: "Hằng hà sa số Đức Phật như thế đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưới rộng dài khắp cõi tam thiên đại thiên thế giới

mà nói lời thành thật rằng: Chúng sanh các ngươi phải nên tin Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhưt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh này".

Tướng lưỡi rộng dài của Đức Phật là một trong ba mươi hai tướng tốt của Ngài. Lưỡi Phật dài đến độ le ra liếm đặng tới chân tóc. Tướng lưỡi rộng dài như vậy là phước báu nhiều đời nhiều kiếp Đức Phật không có một lời gian dối nào, tức là nhiều đời nhiều kiếp đã nói lời chân thật không có sai trái. Thay vì Đức Phật nói Ta nói thiệt các ngươi ráng tin dùm thì Đức Phật lại giới thiệu hình ảnh của Chư Phật mười phương với tướng lưỡi rộng dài trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới. Điều này có ý nghĩa là gì? Nếu học Thiền chúng ta sẽ biết được điều này. Tướng lưỡi đó vang khắp cả không gian pháp giới để khuyên bảo tất cả chúng sanh. Tức là một lần Chư Phật ở phương Đông phát âm thì tất cả chúng sanh đều nghe biết, chứ không phải là chỉ chúng sanh ở phương Đông thôi. Cũng như một lần Chư Phật ở phương Tây nói thì tất cả chúng sanh ở mười phương pháp giới đều nghe, vì tướng lưỡi đã trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Điều này mang một ý nghĩa tiềm ẩn bên trong. Ý thứ nhất: sau khi chúng ta được nghe Tiểu Bản Di Đà, thì Phật tâm tận cõi lòng chúng ta được kích động, khiến chúng ta đủ lòng tin và khi Phật tâm nảy nở làm động hết các loài chúng sanh nội tâm, từ loài cực ác cho tới cực thiện trong tâm chúng ta cũng đều tin và hiểu sự thật này. Ý thứ hai: Tướng lưỡi rộng dài trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, là nói Phật tâm, Tự Tánh chân thật của chúng ta không thiếu, không hề có chỗ ngăn bít nào. Tức là cõi âm thanh tận sâu đáy lòng chúng ta bắt đầu phát ra lời, làm cho tất cả chúng sanh sâu thẳm nơi cõi lòng chúng ta đều phải tin sự thật này và người đó được tất cả Chư Phật hộ niệm. Ý thứ ba: Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh, nghĩa là bản Kinh này nói ra đều được tất cả Chư Phật mười phương hộ niệm. Nếu nghe danh hiệu của Đức Phật A Di Đà, cũng như nghe danh hiệu của Chư Phật mười phương, thì chúng sanh không thối thất nơi Vô Thượng Bồ Đề và được tất cả Chư Phật mười phương hộ niệm.

Đến đây cần nhắc lại công đức của Kinh để chúng ta hiểu làm thế nào mới được Chư Phật hộ niệm? Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật dạy rằng: *"Nếu có một chúng sanh nào buổi sáng bố thí trăm ngàn thân mạng; buổi trưa, buổi chiều bố thí trăm ngàn thân mạng của mình, từ kiếp này cho tới kiếp khác, tức là sanh ra có bao nhiêu sanh mạng đều đem ra bố thí, cúng dường và trải trăm ngàn muôn kiếp như vậy vẫn không bằng một người thọ trì một bài kệ của Kinh Kim Cang".* Hoặc trong Kinh Pháp Hoa nói: *"Nếu một người bố thí cho tất cả chúng sanh trong tam giới này, từ một tuổi cho tới tám mươi tuổi, khi đó thấy họ đã no đủ nhưng chưa giác ngộ giải thoát, giáo hóa cho họ tu chứng quả A La Hán, thì phước báu của người đó vẫn không bằng một người thọ trì bốn câu kệ trong Kinh Pháp Hoa".*

Trong Tứ Thập Nhị Chương, Đức Phật dạy: *"Bố thí cho người không giữ năm giới thì không bằng cúng dường cho người giữ năm giới. Cúng dường cho người giữ năm giới không bằng cúng dường cho một người giữ mười giới. Cúng dường cho một trăm người giữ mười giới không bằng cúng dường cho một vị Tỳ kheo giữ hai trăm năm mươi giới. Cúng dường một trăm người giữ hai trăm năm mươi*

giới thì không bằng cúng dường cho một vị chứng quả Tu Đà Hoàn. Cúng dường cho một ngàn vị chứng quả Tu Đà Hoàn không bằng cúng dường cho một vị chứng quả Tư Đà Hoàn. Cúng dường cho một ngàn vị chứng quả Tư Đà Hàm thì không bằng cúng dường cho một vị chứng quả A Na Hàm. Cúng dường cho một ngàn vị chứng quả A Na Hàm không bằng cúng dường cho một vị chứng quả A La Hán. Cúng dường cho một ngàn vị A La Hán thì không bằng cúng dường cho một vị Bích Chi Phật. Cúng dường cho một ngàn vị Bích Chi Phật không bằng cúng dường cho một Đức Phật. Và cúng dường cho một ngàn Đức Phật không bằng cúng dường cho một vị vô tu vô chứng".

Qua những đoạn Kinh nói về công đức như vậy, chúng ta cần nghĩ ra ý nghĩa tiềm ẩn chân thật trong các Kinh. Ý trong Kinh Pháp Hoa chỉ ca tụng người trì bốn câu kệ trong Kinh Pháp Hoa, hoặc trì bốn câu kệ trong Kinh Kim Cang mà thôi, còn trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương thì nói đến người vô tu vô chứng. Trì Kinh Pháp Hoa là trì cái gì, có phải chúng ta đọc những câu kệ trong Kinh Pháp Hoa không? Trì Kinh Kim Cang có phải chúng ta đọc những câu kệ trong Kinh Kim Cang không? Và nếu chúng ta có lòng tin đối với Tiểu Bản Di Đà,

“*Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh*” thì chúng ta niệm A Di Đà là niệm cái gì? Còn người vô tu vô chứng kia là người nào? Làm được như thế nào chúng ta mới được Chư Phật hộ niệm?

Kinh A Di Đà còn có tên khác là “*Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh*” là tất cả Chư Phật đều giữ gìn, bảo hộ tất cả những người niệm A Di Đà Phật, những người tin bản Kinh Tiểu Bản Di Đà. Chúng ta làm sao để Chư Phật hộ niệm, cũng như làm sao cho khế ứng đủ phước báu để Chư Phật hộ niệm chúng ta.

Chúng ta đã từng tụng nguyên quyển Kinh Pháp Hoa, nhưng phước báu chúng ta được bao nhiêu rồi? Đức Phật nói nếu người nào tịnh tâm hiểu được Kinh Pháp Hoa thì được Chư Phật lấy tay xoa đầu, lấy y trùm cho, nhưng chúng ta có ai được như vậy bao giờ chưa? Phước báu của chúng ta kém cõi đến nỗi đôi lúc ra đường vẫn bị con nít nhiều khi tức nó vẫn chửi, nhưng chỉ cần người nào có một thái độ bất kính với Đức Phật là bị thần Kim Cang đập vào đầu thành bảy mảnh liền.

Trong lịch sử ghi lại có lần Đức Phật thuyết pháp giáo hoá. Sau thời thuyết pháp, tất

cả đệ tử của ngoại đạo ở xứ đó đều lãnh ngộ và xin theo Đức Phật làm đệ tử hết. Vị thầy của họ rất bực mình nên không kính trọng Đức Phật. Khi đó Đức Phật gặp để hỏi chuyện. Hỏi câu thứ nhất ông không trả lời, hỏi câu thứ hai không trả lời, Đức Phật nói nếu Ta hỏi câu thứ ba mà người không trả lời là đầu người sẽ vỡ làm bảy mảnh liền. Ông liếc lên trời thấy thần Kim Cang bắt đầu hiện đưa chày chuẩn bị đập, ông vội quỳ xuống trả lời Đức Phật.

Trong Kinh Pháp Hoa nói một người đố mặt mắng Phật, tội không bằng mắng một người trì Kinh Pháp Hoa, phước báu người đó tại sao lớn như vậy? Cũng như tại sao tất cả Chư Phật đều bảo trì, bảo hộ bản Kinh A Di Đà? Nếu được Chư Phật hộ niệm thì chúng ta phải làm như thế nào? Trong Kinh Pháp Hoa, vì một đại sự nhân duyên mà Đức Phật ra đời, vì muốn khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật Tri Kiến. Người thọ trì Kinh Pháp Hoa, người đó phải làm sao ngộ nhập được Phật tri kiến của chính mình, tức là phải nhận được cái thấy biết của Phật chính mình, ngày đêm sống bằng cái thấy biết đó thì người đó mới xứng được Chư Phật hộ niệm.

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật dạy chúng ta phải thể nhận cái vô sở trụ là Như Lai Tụ Tánh, người nào trong cuộc sống luôn luôn sống đúng với vô sở trụ, sống đúng với Như Lai Tụ Tánh, thì người đó mới có phước lớn hơn người bố thí cúng dường trăm ngàn lần. Trong Kinh A Di Đà, người nào luôn từng giờ, từng phút, từng giây trong cuộc sống này an trú trong Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ, mới được tất cả Chư Phật hộ niệm. Chứ không phải cứ niệm A Di Đà Phật mà được tất cả Chư Phật hộ niệm. Trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương, tại sao cúng dường một ngàn Đức Phật không bằng cúng dường một người vô tu vô chứng? Điều này rất khó hiểu.

Có một nông dân đi làm ruộng thường đem theo một thố cơm để ăn. Trưa đó làm ruộng xong, trên đường về chuẩn bị tìm bóng cây mát để ngồi ăn, thì gặp một vị Tỳ kheo y phục cũ rách, ông nông dân liền phát tâm cúng dường. Ông không biết vị Tỳ kheo đó là một Bích Chi Phật. Sau khi cúng dường, ông ta vừa đói vừa mệt nên mới khởi lên lòng bực bội, nghĩ rằng người này ở không thì chỉ xứng đáng ăn cơm hâm cháo thiêu, chứ làm gì đáng được ăn cơm ngon lành như vậy. Dù ông ta khởi ý bực tức như vậy vẫn có phước báu bảy đời

được sanh lên trời, bảy đời được sanh vào nhân gian làm tỳ phú. Cúng dường chỉ một bữa cơm cho một vị Bích Chi Phật mà hưởng phước báu lớn chừng đó. Nếu cúng dường cho một Đức Phật chắc chắn được gấp ngàn lần, một triệu lần so với cúng dường một vị Bích Chi Phật, nhưng tại sao vẫn không bằng cúng dường một vị vô tu vô chứng? Nói như vậy có quá không?

Với một người vô công dụng hạnh, chúng ta dù có sống gần họ một triệu năm đi nữa cũng không biết được họ là ai, không biết họ có tu hay không tu. Đây là điều rất đặc biệt. Trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện, Phật nói điều này chỉ có Chư Phật và Phật mới biết thôi, còn Bồ Tát thì chưa biết nổi. Khi chúng ta muốn cúng dường một vị vô tu vô chứng mà chúng ta còn một chút dụng công, thì không cách nào tìm được vị vô tu vô chứng để cúng dường. Một người thực sự một lần ngũ uẩn giai không rồi, từ đó về sau họ không còn dụng công, tức là vô công dụng hạnh. Người đó sống đúng chân lý trong từng giờ từng phút từng giây, thì người đi ngang trước mắt họ còn tu hay không còn tu họ biết, người đó còn dụng công hay không dụng công họ biết, không cách nào có thể qua mắt được vị đó. Chỉ có người một phen lật đổ được thân ngũ uẩn rồi, người

đó mới có đủ cặp mắt sáng nhìn tới cái chân và cái nguy trong cuộc sống này. Còn người chưa có cặp mắt đó thì không cách nào có thể nhìn và biết được người kia vô tu vô chứng. Người như vậy là đồng với Phật Tổ làm Thầy trời người, phước đó lớn lắm.

Người đó sẽ hiểu lúc Đức Phật phóng quang chớp mắt giữa chận mây trong Kinh Pháp Hoa, chưa nói câu nào là người đó đã rõ, đó là cánh cửa thứ nhất mà vào, là đồng Phật Tổ làm Thầy trời người. Do đó muốn biết được một người vô tu vô chứng thì người đó cũng phải vô tu vô chứng ngang tầm đó để thông cảm chứ không thể dò hỏi được, gọi là đồng thanh tương ứng. Họ có sự tương ứng và thông cảm tuyệt đối trong lối sống, trong lời nói của người không còn vướng trong thân ngũ uẩn này thì họ nhận ra nhau.

Như chúng ta ở đây, dù có phước báu không ai có thể so sánh được, nhưng gặp người vô tu vô chứng, dù sống gần người đó vẫn không cách nào chúng ta nhận ra được. Như vậy chúng ta cũng dường Chư Phật mười phương chỉ thuần có phước báu mà thôi. Còn gặp được người vô tu vô chứng thì bản thân người đó đã vô tu vô chứng, thì người đó vừa có phước báu mà vừa có trí tuệ. Cho nên một

đoạn Kinh A Di Đà nói rõ: “*Không thể có thiện căn phước đức nhân duyên nhỏ mà được sanh cảnh giới Cực Lạc*”. Người có đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên lớn mới được sanh về cảnh giới Cực Lạc. Cũng như người có phước báu lớn mới có thể nhận ra được người vô tu vô chứng.

Nếu nói tới bản Kinh Tiểu Bản Di Đà này, thì làm sao để tất cả Chư Phật hộ niệm? Có phải chúng ta tin rằng có cảnh giới Tây Phương Cực Lạc ở phương Tây, sau khi chết chúng ta do niệm mười câu nhất tâm bất loạn được sanh về đó và được Chư Phật hộ niệm không? Hoặc chúng ta tin rằng, bây giờ mình mỗi ngày mỗi niệm Phật một thời hai ba tiếng đồng hồ, ngày nào chúng ta cũng niệm liên tục, như vậy tới hồi chết được sanh Tây Phương Cực Lạc, phải không? Nếu chúng ta tin như vậy thì Chư Phật có hộ niệm chúng ta không? Điều này chúng tôi không chắc đâu.

Nhưng nếu chúng ta hiểu bản Kinh A Di Đà bằng cách phải vượt qua mười tập nhân đau khổ, một lần chúng ta phải chết thân ngũ uẩn, được gọi là lúc lâm chung chúng ta diện kiến Đức Phật A Di Đà và chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Trong tâm chúng ta từng giờ, từng phút, từng giây, trong từng cái thấy, nghe, nghĩ,

nêm, từng hành động sống chúng ta luôn luôn bằng cái Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang để chúng ta thấy. Tức là cái thấy biết hiện tiền không qua bất cứ thứ lớp nào, không do công phu nào, không do sự gò ép nào, không do sự chú tâm nào, mà chúng ta rõ biết tất cả mọi sự vật. Lúc nào, giờ nào chúng ta cũng luôn sống bằng cái rõ biết đó, thì đó là chỗ mà Chư Phật mười phương hộ niệm. Cho nên nếu chúng ta thấy mà không thông qua kiến thức, không thông qua công phu, thì cái thấy đó bằng ngang với Chư Phật đã thấy, cho nên Chư Phật đang hộ niệm chúng ta. Người nào luôn sống được như vậy, luôn thấy, luôn nghe bằng thấy nghe đó, thì Chư Phật mười phương sẽ hộ niệm người đó.

Lúc chúng ta đủ lòng tin, có nghĩa là không có giờ phút nào trong cuộc sống chúng ta tạm quên việc đó cả. Người đủ lòng tin luôn sống bằng cái thấy biết như Chư Phật đã thấy biết, thì Chư Phật mười Phương sẽ hộ trì chúng ta. Còn chúng ta không thấy biết được như vậy, chỉ tin Kinh A Di Đà khuyến khích chúng ta niệm Phật, rồi sau khi lâm chung chúng ta được sanh về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, thì điều này chưa chắc Chư Phật hộ niệm chúng ta.

Khi nào ở nơi chúng ta có lần đã chết đi sống lại, cái thấy biết của mình là thấy bằng Tánh, nghe bằng Tánh thực sự trong cuộc sống này, thì lúc nào cũng có Chư Phật hộ niệm. Lúc nào chúng ta cũng có cái thấy đồng đẳng với Chư Phật mười phương, một sự tương thông giữa tam giới này thì lúc đó Chư Phật mười phương đều hay, đều biết và đều hộ trì chúng ta. Vì vậy mà ý trong đoạn này muốn dẫn dẫn Chư Phật ở mười phương đều hộ niệm, đều gia trì, đều khuyến khích tất cả chúng sanh tin ở bộ Kinh Tiểu Bản Di Đà, tức là bộ Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Nếu có người đã phát nguyện, hiện nay đang phát nguyện và sẽ phát nguyện, muốn sanh về cõi nước của Đức Phật A Di Đà, thời những người ấy đều đặng không thôi chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nơi cõi nước kia, hoặc đã sanh về rồi, hoặc hiện nay đang sanh về hoặc sẽ sanh về.

Xá Lợi Phất! Cho nên các thiện nam tử, thiện nữ nơn, nếu người nào có lòng tin thời phải nên phát nguyện sanh về cõi nước kia.

8. Đức Phật khuyên chúng sanh phát nguyện sanh về cõi Phật A Di Đà.

Nếu có chúng sanh đã phát nguyện, đang phát nguyện và sẽ phát nguyện, muốn sanh về cõi nước của Đức Phật A Di Đà, thì những người ấy đều được không thối chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bây giờ chúng ta chưa có đủ mãnh lực ở trong tự tâm, chưa có hoài bão, chưa có ước vọng, chưa có khát ngưỡng để quay trở lại sống được với Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang, thì bây giờ chúng ta phải xây dựng điều đó. Con đường đó phải tu dứt trừ mười nghiệp ác, đạt được nhất tâm bất loạn, một lần phải chết đi sống lại thì chúng ta mới được sanh về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc.

Nếu chưa có lần diện kiến Đức Phật A Di Đà, nói theo Thiên tông là chưa có một lần ngộ Tánh, chưa có lần chết đi sống lại, đối với Kinh A Di Đà cũng phải chết, đối với Kinh Pháp Hoa thì phải nhận được tri kiến Phật, nếu chưa được như vậy thì không thể thoát thân phận chúng sanh, không thể giác ngộ giải thoát được. Đức Phật vừa nói và vừa khẳng định cho chúng ta biết rằng: “*Nếu các người không phát nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc thì phải khổ đau hoài*”. Người nào phát nguyện và quyết lòng về

đó thì khi đặt chân tới mảnh đất này mới hết khổ đau. Có nghĩa khi dứt trừ hết mười tập nhân đau khổ thì người đó mới được an lạc giải thoát. Nếu chưa một lần diện kiến Đức Phật A Di Đà thì chúng ta vẫn còn đau khổ. Đức Phật khuyên người học Phật nên có phát nguyện hướng tâm, từng giờ, từng phút, từng giây nếu chúng ta chưa an trú trong cảnh giới Tây Phương Cực Lạc thì chúng ta vẫn còn đau khổ bấp bênh trong cuộc sống. Người nào không muốn nhận ra Tự Tánh A Di Đà, không muốn nhận ra Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang của mình, không muốn an trú trong cảnh giới Cực Lạc tức là người chưa học đạo chân chánh.

Đây là nền tảng của tất cả người học Phật. Người nào từ trước tới giờ chưa xây dựng được niềm tin đó, chưa có quyết tâm tìm cầu cho được Tự Tánh A Di Đà của chính mình thì nên bắt đầu xây dựng lại, để chúng ta định hướng tu hành của chúng ta. Điều này muốn khẳng định tất cả những người học Phật đều phải thông qua con đường này. Không có con đường thứ hai để đưa đến giác ngộ giải thoát nếu không dứt trừ mười tập nhân đau khổ. Và không diện kiến Đức Phật A Di Đà thì không còn con đường nào để đưa đến giác ngộ giải thoát. Đức Phật đã khẳng định điều này bằng

cách đưa Chư Phật mười phương ra chứng minh, thì chúng ta nên ngẫm hiểu điều đó.

Nếu chúng ta là người học Phật thì từ nay phải có cái hoài bão thiết tha và có nguyện vọng, để ngày nào đó chúng ta vượt qua được mười tập nhân đau khổ, sống được cảnh giới Tây Phương Cực Lạc và diện kiến Đức Phật A Di Đà thì người đó đi đúng đường. Nếu không chúng ta sẽ bị lệch lạc trong việc tu học của mình.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Như Ta hiện nay đang ca ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của các Đức Phật. Các Đức Phật đó cũng khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của Ta mà nói lời thế này: Đức Thích Ca Mâu Ni Phật hay làm được việc khó khăn hy hữu, có thể ở cõi Ta Bà đời ác năm trước: kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước mà Ngài chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngài vì chúng sanh nói kinh pháp mà thế gian khó tin được.

Đức Phật Thích Ca khen ngợi Đức Phật A Di Đà, cũng như khen Chư Phật mười

phương đang khuyến khích chúng sanh có đủ lòng tin với chỗ chân thật. Và Chư Phật mười phương cũng khen ngược lại Đức Phật Thích Ca ở trong đời ác năm trước này mà chúng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và nói được bản Kinh khó tin này là một vấn đề hy hữu. Đức Phật Thích Ca hiện thân giáo hoá trong cõi của chúng ta đang sống, cõi này gọi là cõi ngũ trước ác thế.

Năm trước là kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước và mạng trước.

Kiếp trước là kiếp sống của chúng sanh gặp nhiều khó khăn, đầy đầy phiền não khổ đau, vào thời tượng pháp tất cả chúng sanh sống được tám muôn bốn ngàn tuổi, tức tuổi thọ của chúng sanh lúc đó rất lâu dài. Và cứ khoảng một trăm năm thì chúng sanh giảm xuống một tuổi thọ, cho tới khoảng hai vạn năm trở về sau là đến kiếp trước, tức là cuộc sống chúng sanh bị khốn khó, đầy phiền não, ô trước bao vây chặt chẽ làm cho chúng sanh không thoát ra được, gọi là kiếp trước.

Kiến trước tức là thấy biết sai lầm của chúng ta, thấy nghiêng về một bên có hoặc nghiêng về một bên không. Vì có cái thấy biết

sai lệch như vậy khiến cho người ta mắc bệnh chấp trước, sanh ra năm lợi sử là thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ. Ví dụ, chúng ta chấp thường, chấp đoạn hoặc cái biết sai lầm về thân thì học đạo chúng ta hiểu được sự thật của thân sẽ phá trừ cái thấy sai lầm của thân là kiến trước.

Phiền não trước nghĩa là lục căn tiếp xúc với lục trần tác động chúng ta sanh ra những ý nghĩ ham muốn, buồn, thương, giận, ghét, kiêu mạn, nghi ngờ hay còn gọi là năm độn sử, tức là tham, sân, si, mạn, nghi. Phải dụng công tu tập chúng ta mới đoạn được năm độn sử này, mới phá được phiền não trước.

Chúng sanh trước là khi con người được sinh ra từ tinh cha huyết mẹ và thần thức nương gá vào mà có được thân mạng này. Nghĩa là từ dục mà sanh ra, nên thân mạng của chúng ta rất ô trước, không trong sạch.

Mạng trước nghĩa là đời sống sinh mạng của chúng ta ngắn ngủi, tầm thường, thở ra mà không hít vào là chết, mạng chúng ta không phải lâu dài. Do đó trong đời sống ngũ trước mà Đức Phật Thích Ca chứng được đạo quả Vô Thượng Bồ Đề là một điều rất khó, vì chúng sanh sống trong đời ác năm trước thì tham dục

dây đây. Thực tế chứng minh rằng cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm cho đến ngày nay chưa có một vị Phật thứ hai hiện hữu trên thế gian này, thì đây là điều hiếm có trong tam giới và là điều rất khó. Đồng thời khi Đức Phật chứng được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Đức Phật còn nói bản Kinh pháp khó tin cho tất cả chúng sanh nghe. Vì vậy Đức Phật Thích Ca là người rất đặc biệt. Chưa có người thứ hai so sánh với Đức Phật về trí tuệ và đức hạnh.

Từ trước tới giờ chúng ta vẫn quen tin theo kiểu thông thường, nếu một người trước lúc lâm chung thường xuyên niệm Nam Mô A Di Đà Phật, thì khi chết sẽ được Chư Phật tiếp rước về Tây Phương Cực Lạc.

Điều đó rất dễ tin, đã có hàng tỷ người trên thế giới này tin rồi. Nhưng tin rằng nếu một người dứt trừ mười tập nhân đau khổ là: tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến mới được an lạc là một điều khó. Và điều khó tin thứ hai, là phải bảy ngày bảy đêm nhất tâm bất loạn thì người đó mới chết hết thân ngũ uẩn thì mới được Đức Phật A Di Đà và chư Thánh chúng hiện ra trước người đó.

Người đó hòa nhập vào Tự Tánh chân thật, thì từ đó về sau mới hết đau khổ trong tam giới, mới an trú trong cảnh giới Cực Lạc của Phật A Di Đà. Có mấy người có thể tin đúng được điều này? Cho nên nói là Kinh pháp mà thế gian khó tin. Niệm Phật để chết sanh về Tây Phương Cực Lạc thì ai cũng tin, nhưng tin A Di Đà là Tự Tánh chân thật của tất cả chúng sanh thì đời này rất ít có người tin. Thật sự là rất khó tin. Chư Phật mười phương khen ngợi Đức Phật Thích Ca nói Kinh Pháp khó tin như thế.

Câu chuyện sau đây nói lên thế nào là niềm tin. Sa di Cao đến đạo tràng của Ngài Dược Sơn. Ngài Dược Sơn thượng đường cho gọi Sa di Cao. Sư bước ra, đứng yên. Ngài Dược Sơn hỏi: “Ngươi từ đâu tới?” Sa di Cao nói: “Thưa con từ Trường An tới”. Ngài Dược Sơn nói: “Ta nghe Trường An náo loạn ngươi biết chăng? Sa di Cao: “Nước con rất yên ổn”. Ngài Dược Sơn giật mình: “Ngươi do đâu mà được, do thầy mà được chăng?” “Thưa không”, “Do đọc Kinh mà được chăng?”, “Thưa không”, “Tại sao có một số người họ không do thầy, họ cũng không do đọc Kinh mà họ không được điều như ngươi nói?”, “Dạ do người ta không tin”. Không tin đất nước mình vốn tự an ổn từ ngàn xưa.

Tin là cái gì? Không phải tin cái đó là thiệt theo hiểu biết tâm thức thường tình của chúng ta, tin đó là chưa đủ lòng tin. Như ngài Lâm Tế nói rằng: “Ta dạy các người để các người có đủ lòng tin, để không bị Phật Tổ lừa”. Ở đây Chư Phật muốn nói tin như thế nào? Không phải chúng ta thấy điều đó nói vậy là đúng chúng ta chấp nhận. Chấp nhận theo kiểu tri thức thì chưa phải là tin. Chấp nhận trực tiếp không thông qua tri thức mới là người thực tin.

Ví dụ thấy một sự vật không qua tri thức thì người đó thấy đến sự thật, lúc đó mới đủ lòng tin. Còn hiểu về sự thật mà chúng ta hiểu qua tri thức thì cái hiểu đó còn cách một lớp, là người đó chưa đủ lòng tin, người đó chưa tiếp cận được sự thật. Nếu chúng ta hiểu hoa này là hoa cúc. Hiểu là cái chúng ta đã huân tập từ trước, do chúng ta đã học, do mọi người nói lại hay dạy lại. Ý thức chúng ta phân biệt, ghi nhận, rồi để trong ký ức, khi tiếp xúc với sự vật tương đồng thì lúc đó ký ức chúng ta trào ra, để ý thức phân biệt rằng đó là hoa cúc. Ý niệm về hoa cúc làm ngăn cách giữa chúng ta và hoa cúc, chứ chúng ta không thấy trực tiếp tới cái hoa đó. Chúng ta chưa bao giờ một lần thấy trước hoa cúc. Thấy trước hoa cúc mới là thấy sự thật, thấy hoa cúc hiện ra là bắt đầu ngăn

cách. Người thấy biết thường tại như vậy là người đó đủ lòng tin. Lúc nào ở nơi mình cũng không hề có sự chuẩn bị mà chúng ta luôn nghe thấy một cách rõ ràng, thì lúc đó chúng ta đang đủ lòng tin ở chỗ chân thật. Điều này Đức Phật nói là Pháp mà thế gian khó tin.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Phải biết rằng Ta ở trong đời ác ngũ trược này, thực hành việc khó này, đặng thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và vì thế gian nói kinh khó tin này, đó là rất khó.

Đức Phật nói kinh này rồi, ngài Xá Lợi Phất cùng các vị Tỳ kheo, tất cả trong đời, trời, người, a tu la, v.v... Nghe lời Đức Phật dạy đều vui mừng, đánh lễ Phật mà lui ra.

Đến đây là đoạn kết của Kinh A Di Đà, Đức Phật nói rằng trong đời ác ngũ trược này mà chúng được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là điều rất khó, cũng như nói Kinh này cho tất cả chúng sanh tin và làm theo lại là điều càng khó hơn.

Tất cả đại chúng nghe lời Đức Phật nói xong đều rất vui mừng, cúi đầu đánh lễ đem toàn thân mạng quay về phủ phục quy kính lời Đức Phật dạy. Kể từ đó các Ngài tuy mang thân

phàm nhưng các Ngài đã vượt thoát thế gian gọi là phật tử. Từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, được pháp phần của Phật. Thị hiện trong đời làm mô phạm cho chúng sanh, các Ngài đem chánh Pháp của Phật đi vào nhân gian phụng sự chúng sanh mãi mãi tận kiếp vị lai báo đền ơn Phật.



IV. KẾT LUẬN

Để kết thúc yếu nghĩa của bản Kinh A Di Đà, chúng tôi tóm tắt về trình tự và thứ lớp của Kinh này, Đức Phật đã trình bày theo chuyên ngữ quá khéo, quá sâu sắc về Tứ Diệu Đế qua bản Kinh Tiêu Bôn Di Đà mà chúng ta đang học. Đầu bản Kinh, Đức Phật nói là cách đây ở phương Tây vượt qua mười muôn ức cõi nước có cảnh giới Cực Lạc. Cái hay của Đức Phật là Ngài nói mười tập nhân đau khổ được diễn tả bằng câu vượt qua mười muôn ức cõi nước thì đến cõi Tây Phương Cực Lạc. Mười tập nhân đau khổ là Tập đế; Tây Phương Cực Lạc là Diệt đế, là cảnh giới Niết Bàn.

Như vậy ngay phần mở đầu Đức Phật nói dứt trừ khổ liên có an lạc. Tức là nói ngay Tập đế và Diệt đế, đây là điều rất đặc biệt. Kế đến Đức Phật nói nơi cõi Cực Lạc có Đức Phật A Di Đà hiện đang thuyết pháp, tức là cõi lòng mình thanh tịnh thì Phật hiển lộ. Và nơi tất cả chúng sanh đều vốn có sẵn Đức Phật hiện hữu. Ngay câu đầu tiên này đã thấu tóm đầy đủ tinh ba các hệ thống Kinh điển từ Nguyên Thủy cho đến Đại Thừa và Thiên tông. Sau đó mới diễn tả ở Tây Phương Cực Lạc có cảnh giới đẹp, có

các loài chim lạ, ngày đêm hót lên pháp âm Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Chánh Đạo, là nói tới Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo, tức là Đạo đế. Có nghĩa là chúng ta phải làm sao vượt qua mười tập nhân đau khổ thì sẽ được tới cảnh giới Tây Phương Cực Lạc. Muốn tới đó thì phải hiểu biết về Đạo đế. Đạo đế không nói trước mà Đạo đế nói phần sau, là có thứ lớp rõ ràng. Đức Phật không nói tới Khổ đế vì Khổ đế gần như chúng ta đã hiểu hết rồi.

Ngay ban đầu Đức Phật diễn tả cảnh giới Tây Phương Cực Lạc liền để chúng ta có hướng tâm tới đó. Và dẫn dụ cho đến một đoạn cho chúng ta thấy cảnh giới đó có cuộc sống thật sự an lạc, thật sự giác ngộ giải thoát. Trong cảnh giới đó nước, đất đai, núi non, cây rừng v.v..., đều tốt đẹp, đều bằng vàng ròng, bằng thất bảo.

Trong cảnh giới đó có vô lượng vô biên chúng Thanh Văn, chúng Bồ Tát. Tới những vị Nhất Sanh Bồ Xứ cũng vô lượng vô biên. Nghĩa là khi người đó vượt qua được mười tập nhân đau khổ mới tu chứng quả Thanh Văn, nếu tu Tứ Đế là chứng quả vị A La Hán. Ngay đó bắt đầu phát tâm tu hạnh Bồ Tát, thì những kiến giải của Bồ Tát bắt đầu sanh ra trong lòng người đó. Tới mức tất cả những ý niệm trần tục

trong nội tâm gần sạch hết thì ngay nơi thấy, ngay nơi nghe, ngay hiện tiền đó tất cả đều như như bất động. Chứ không phải khởi niệm rồi tỉnh giác mới nhận biết là sai lầm, ngay nhất niệm mà muôn năm, tiêu biểu cho Nhất Sanh BỔ XỨ BỒ TÁT. Trình độ tâm thức của người đó được nâng lên từ từ, vượt qua mười tập nhân, chứng quả A La Hán, đến Bồ Tát, đến Nhất Sanh BỔ XỨ, đến Đức Phật mới nhận tới chỗ quan trọng là không thể dùng thiện căn, phước đức, nhân duyên nhỏ mà được sanh cõi đó. Phải trải qua một ngày cho tới bảy ngày nhất tâm bất loạn, thì lúc lâm chung mới được Đức Phật A Di Đà tiếp rước. Nói cách khác là hành giả buộc phải một lần chết đi sống lại. Từ đó mới thâm nhập vào cõi chân thật.

Trong lúc công phu, nếu chúng ta còn tâm tạp niệm nhiều, tức là tâm đen tối trong lòng chúng ta còn nhiều, thì không chắc gì chúng ta chết đi sống lại được. Căn bản là người đó phải giác ngộ từ từ, trong lòng phải có kiến giải ngộ Tứ Đế. Phải hiểu thấu về Lục Độ Ba La Mật của chư vị Bồ Tát, phải hiểu cái như như bất động của Tự Tánh. Thấy là như, nghe là như, biết là như, niệm Nhất Sanh BỔ XỨ là cái thấy biết như như, thì người đó mới có thể chết đi sống lại. Không thấy biết được như vậy

là không thể chết đi sống lại, không thể thấy được Đức Phật A Di Đà.

Từ *lâm chung* có nhiều người hiểu lầm, lâm chung không phải là chết bỏ xác này, mà phải chết ngũ uẩn. Đức Phật nâng từ từ đến độ tất cả mọi người đều phải đạt được ngũ uẩn giai không. Khi ngũ uẩn giai không rồi thì tất cả khổ ách đều phải dứt trừ. Đó là đoạn kết, là tiêu chuẩn tu hành của tất cả những người tu theo đạo Phật. Là nền tảng mà không ai có thể vượt qua con đường này được. Nếu người nào tu mà đi sai con đường này thì không chắc có thể đạt được đạo lý. Và cũng không cách nào được bình an giải thoát. Rất là xa vời vợi vợi chỗ chân thật này.

Cho nên trước khi ngộ Tánh người đó phải tự trong lòng mình thấy rõ điều này. Cái thấy biết của mình tự động lia hết tất cả mọi vướng mắc của trần gian, nhưng cũng tùy người, có người phải trải qua một giai đoạn dài. Đối với vô thường, khổ, không, vô ngã người đó rất rõ. Đối với lục độ vạn hạnh của chư vị Bồ Tát người đó cũng phải rõ, đối với chỗ thấy biết như như người đó cũng phải rõ, lúc đó mới có thể chết được, không đơn giản. Phải qua tầng tâm thức đó thì mới có thể một phen ngũ uẩn giai không, nếu không là không thể được.

Trình tự trong Tiểu Bản Di Đà phải đi như thế. Nhưng căn bản của Phật Pháp là Tứ Diệu Đế. Người nào chưa học qua Tứ Diệu Đế, chắc chắn người đó không thấy hiểu gì về đạo Phật, không rõ nền tảng căn bản của đạo Phật. Tứ Diệu Đế ở tầm thấp là thấy theo kiểu của vô thường, khổ, không, vô ngã. Ở tầm cao thì khổ không thật khổ, vui không thật vui là ngang tầm của các vị Bồ Tát. Trình độ tâm thức cao thì sẽ thấy đạo lý theo kiểu cao. Ở Diệt đế, Niết Bàn ngang tầm các vị A La Hán, nhưng Diệt đế ở cấp cao thì ngang tầm an lạc giải thoát, gọi là Vô Du Y Niết Bàn của Chư Phật. Phải đạt tới Đại định chứ không phải định nhập xuất như Thanh Văn, Bồ Tát, cũng không phải chánh kiến của Thanh Văn, Bồ Tát kiểu kia nữa.

Nhưng tầm cao của chánh kiến theo hệ thống Đại Thừa là thấy như thật tất cả các pháp. Không thiên bên trái, không thiên bên phải, không thiên bên đúng, không thiên bên sai, không do tư kiến riêng, không do đứng bên này hay đứng bên kia để thấy biết. Mà thấy đúng sự vật, thấy đúng như thật, thấy trực tiếp sự vật sự việc không qua bất cứ cái gì mới là chánh kiến. Đó là Đạo đế ở tầm cao.

Tứ Diệu Đế chúng ta phải hiểu ở nhiều tầng cấp như vậy. Trong tâm chúng ta tràn ngập

những ý thức giác ngộ giải thoát thì mới có một phen chết đi sống lại. Còn chưa có được ý thức đó mà nói rằng chúng ta giác ngộ giải thoát thì hơi khó. Mặc dù là bản Kinh nhỏ nhưng Đức Phật đã nói hết nền tảng trong đạo Phật, gói gọn trong Tiểu Bản Di Đà.

Phần cuối, Đức Phật khuyến khích và giới thiệu Chư Phật mười phương chứng minh và hộ trì. Do đó, nếu chúng ta tu đúng theo điều này thì giờ phút nào cũng được Chư Phật hộ trì, còn nếu chúng ta làm sai thì không chắc. Đi lệch con đường của Đức Phật thì Chư Phật sẽ không hộ trì đúng như Kinh điển nói.

Vậy tu Tịnh Độ chúng ta phải hiểu rằng Tịnh là thanh tịnh và độ là cõi nước, tức là cõi nước tâm của chúng ta. Cõi lòng của chúng ta được thanh tịnh là chúng ta ở trong Tịnh Độ. Tu Pháp Tịnh Độ cả ngày lẫn đêm chúng ta luôn thanh tịnh tự tâm, là cả ngày lẫn đêm chúng ta ở trong cõi Tịnh Độ. Còn niệm Nam Mô A Di Đà Phật mà đụng tới là không vui tức là đã rời khỏi Tây Phương Cực Lạc. Có một ý niệm lệch lạc khi nhìn sự vật là chúng ta tự tách rời mình khỏi Tây Phương Cực Lạc, chúng ta không chịu ở trong Tịnh Độ. Khi muốn tu Tịnh Độ, thì cả ngày lẫn đêm chúng ta ở trong cõi thanh tịnh là chúng ta phải hiểu đúng bản Kinh

này. Ngày đêm lục căn chúng ta tiếp xúc lục trần mà không bị dao động là lúc đó chúng ta đang ở trong cõi Tịnh Độ, đang ở cõi Tây Phương Cực Lạc.

Tây Phương là dừng hết tất cả những sinh hoạt của chúng sanh. Là chỗ dừng dứt, chỗ ngưng nghỉ, chỗ yên tĩnh, chỗ tịch lặng của tất cả chúng sanh. Không phải Tây Phương là chỗ của mặt trời lặn nữa.

Chúng ta minh định rằng Kinh Tiểu Bản Di Đà nói lên tinh yếu của tông Tịnh Độ nhưng từ trước đến nay Kinh này được triển khai theo chiều hướng khác. Riêng chúng tôi nhận chân được nền tảng của Tứ Diệu Đế có đầy đủ trong bản Kinh A Di Đà này nên chúng tôi đã kiến giải yếu lý của tông Tịnh Độ căn cứ trên nền tảng của Tứ Diệu Đế. Thiết nghĩ rằng, khi nhận định Kinh A Di Đà như thế mới có thể khai mở trọn vẹn được yếu nghĩa xúc tích tiềm ẩn trong bản Kinh này. Để từ đó nhận chân được giá trị thực sự của pháp môn Tịnh Độ, cũng như nhận biết được các Kinh điển thuộc hệ thống Kinh Đại Thừa, không hề trái với giáo pháp Nguyên Thủy và các pháp môn tu theo Phật cũng không hề chống trái với nhau, vì tất cả đều xây dựng trên nền tảng chung đúng đắn hoàn toàn. Do đó chúng ta có thể hiểu rằng gốc rễ của Tịnh Độ

xuất phát từ giáo pháp căn bản không hề mất và cũng chưa từng bị lệch lạc chút nào. Từ hướng quán sát như vậy, những người tu Thiền nhìn lại thì thấy rõ ràng con đường đi từ ngay khởi đầu đã gặp Tịnh Độ rồi. Vì khởi đầu của người tu Thiền là tu theo đạo Phật để dứt trừ mười tập nhân đau khổ, đó là điều căn bản thiết yếu. Mật tông cũng vậy, dù có trì tụng bao nhiêu Kinh chú như thế nào mà không nhắm đến dứt trừ mười tập nhân đau khổ, không có một lần chết đi sống lại, không trở về với con người chân thật của chính mình thì không bao giờ thoát khỏi thân phận của chúng sanh.

Khởi điểm của tất cả các pháp môn giống nhau là đều phải dứt trừ mười tập nhân đau khổ nhưng phương cách thực hiện có khác nhau tùy theo pháp môn. Tuy nhiên sử dụng phương pháp nào chẳng nữa thì kết quả sau cùng, tức điểm gặp nhau của các pháp môn đều phải đạt được sự sống an lạc, giải thoát hoàn toàn. Nhận thức được như vậy, giữa Thiền tông và Tịnh Độ tông không còn là hai nữa, mà chỉ duy nhất là đạo Phật.

Có thể khẳng định rằng Kinh Tiểu Bản Di Đà là một mặt khác diễn dịch lại Tứ Diệu Đế và nói lên điểm cùng tột của đạo lý theo Phật là nhận ra cái bất sanh bất diệt của chúng sanh để sống an lạc và giải thoát hoàn toàn. Tóm lại chúng ta xác định rằng Thiên tông, Tịnh Độ tông và Mật tông đã gặp nhau trên nền tảng khởi điểm, nói chung tất cả tông phái của đạo Phật đều có chung một điểm bắt đầu thì chắc chắn mọi người chúng ta sẽ gặp nhau ở điểm về chung cuộc.

Tất cả các tông phái của đạo Phật đều có một nguồn gốc như nhau. Từ nguồn gốc này mà quán sát, người tu Thiên và người tu Tịnh Độ cũng như tất cả các tông phái tu theo đạo Phật đều tương thông với nhau, gần gũi nhau, xoá bỏ cái hố ngăn cách không đáng có. Tâm nguyện này ngay từ lúc đầu chúng tôi đã nói rằng muốn làm một hạt cát nhỏ cùng nhau lấp bớt đi hố sâu giữa Tịnh Độ và Thiên tông, đó là cũng là tâm huyết của một số hành giả tiến bước trên lộ trình Phật đạo muốn hoá giải sự chia rẽ, hiểu lầm nhau, để những hành giả thuộc những dòng phái của đạo Phật gần gũi nhau hơn trong mọi sinh hoạt.

Mong rằng bản Kinh này sẽ tới tay được những người tu Thiền để những người đó có thể xóa đi ngăn cách giữa Tịnh Độ và Thiền tông. Những người tu Tịnh Độ cũng nên nghe bản Kinh này để hiểu rõ căn gốc cội nguồn của mình như thế nào và có cái nhìn chung nhất về Phật đạo. Mong rằng tất cả những người trong đạo Phật cũng như tất cả chúng sanh đều nhìn nhau bằng cặp mắt của người con Phật, không còn phân chia tông phái trong tam giới này nữa, để tình cảm được thắt chặt hơn giữa những người tu Phật với nhau, hỗ trợ cho nhau trên bước đường thăng hoa tri thức và đạo hạnh, làm lợi lạc cho tất cả chúng sanh cho đến khi viên mãn đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

